

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC CẦN

XÂY DỰNG KHÔI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC CÂN

**XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Ngành: Hồ Chí Minh học

Mã số: 9310204

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS,TS. Đỗ Xuân Tuất

2. GS,TS. Lại Quốc Khánh

Chủ tịch Hội đồng: PGS,TS. Lý Việt Quang

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by a long horizontal stroke.

Nguyễn Ngọc Cẩn

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	9
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	9
1.2. Đánh giá kết quả đạt được và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu ...	40
Chương 2: XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	45
2.1. Những khái niệm cơ bản.....	45
2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ...	58
Chương 3: XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	86
3.1. Những đặc điểm cơ bản về đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	86
3.2. Thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....	96
3.3. Vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	126
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI	136
4.1. Tình hình mới tác động tới quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	136
4.2. Phương hướng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới.....	145
4.3. Giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	153
KẾT LUẬN	173
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	176
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	177
PHỤ LỤC.....	195

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là một tư tưởng lớn của Người, là chiến lược cách mạng đã được Hồ Chí Minh đề ra từ sớm và đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam, một trong những nhân tố làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên một vấn đề mang tính chân lý: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” [71, tr.612]. Người chỉ rõ: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” [79, tr.244].

Nhận thức rõ nội dung, giá trị, ý nghĩa tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng của Người vào trong xây dựng và phát triển đất nước thời kỳ đổi mới, trải qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Kiên định và không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn” [26, tr.180].

Tại Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh (02/9/1945 - 02/9/2025) Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: Tổ quốc Việt Nam là kết tinh của truyền thống văn hiến nghìn năm dựng nước và giữ nước; của bản lĩnh kiên cường, trí tuệ, lòng nhân ái và khát vọng vươn lên. Tinh thần ấy đã hun đúc nên sức mạnh vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám; của hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân, đế quốc; của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hòa bình; của sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế và phát triển đất nước. Đó là sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, thuộc về Nhân dân, vì Nhân dân; sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

Thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước 40 năm qua (từ năm 1986 đến nay) đã chứng minh tính đúng đắn của đường lối “đại đoàn kết dân tộc” của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ phát huy sức mạnh của nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại dưới sự lãnh đạo

của Đảng ta, đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng, đạt tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và nâng cao vị thế quốc tế. Khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới “Kỷ nguyên Vươn mình của dân tộc” sự nghiệp đổi mới và quá trình hội nhập quốc tế của đất nước ngày càng đi vào chiều sâu thì việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh càng giữ vai trò quan trọng; là một điều kiện không thể thiếu để phát huy sức mạnh dân tộc, của mỗi địa phương, vùng miền của đất nước và đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, khó lường, thời cơ và thách thức đan xen. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn có xu hướng gia tăng căng thẳng, tạo ra những tác động không nhỏ đến kinh tế, thương mại toàn cầu và trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường đối ngoại của Việt Nam. Các yếu tố như suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia, gián đoạn chuỗi cung ứng, lạm phát toàn cầu, cùng với làn sóng dịch chuyển đầu tư đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam trong việc nâng cao nội lực, cải cách thể chế và chủ động thích ứng. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là biến đổi khí hậu, an ninh mạng, dịch bệnh và tội phạm xuyên quốc gia, tiếp tục đặt ra thách thức đối với sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Với đồng bằng sông Cửu Long (còn được gọi là vùng đồng bằng sông Mê Kông, vùng Tây Nam Bộ) là khu vực chiến lược quan trọng về nhiều mặt. Sau sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh, đồng bằng sông Cửu Long có 04 tỉnh và 01 thành phố, bao gồm: Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và Thành phố Cần Thơ; tổng diện tích là 34.839,8 km² [95, tr.4]; tổng dân số là 19,7 triệu người [95, tr.4]. Trong vùng có nhiều thành phần dân tộc như: Kinh, Khmer, Hoa và Chăm, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số, dân tộc Khmer chiếm 1,3 triệu người. Đây còn là vùng có nhiều thành phần tôn giáo (13 tôn giáo), trong đó một số tôn giáo có quy mô lớn về số lượng tín đồ như: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa hảo, ... Trong thời gian qua, việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, trên các lĩnh vực vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế

và sự chóng phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch vẫn còn là mối lo ngại.

Việc sáp nhập địa giới hành chính; sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp là một bước đi lớn có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển của đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, quá trình này đã làm thay đổi căn bản hệ thống hành chính, bước đầu một bộ phận nhân dân còn chậm thích nghi do đó có nguy cơ tạo ra khoảng cách giữa chính quyền với người dân ở địa phương, đặc biệt ở những nơi vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của biến đổi khí hậu, tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn, sụt lún đất và suy giảm nguồn nước ngọt đang đe dọa nghiêm trọng đến đời sống của một bộ phận nhân dân, làm biến đổi cấu trúc sinh thái, kinh tế của toàn vùng. Tình hình an ninh khu vực đang nổi lên những bất ổn mới, đặc biệt là xung đột biên giới giữa Campuchia và Thái Lan tiềm ẩn những nguy cơ đe dọa đến dòng chảy thương mại, di cư và an ninh biên giới Tây Nam.

Với truyền thống đoàn kết, gắn bó cộng đồng, nơi hội tụ của nhiều dân tộc, tôn giáo và là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm quốc gia, đồng bằng sông Cửu Long luôn giữ vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Đây là mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [10, tr.1]. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là mục tiêu chiến lược, điều kiện quan trọng để tập hợp rộng rãi các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài,... đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu phát triển; thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, giữ vững đường lối lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước để vượt qua những khó khăn, thách thức, biến nguy cơ thành thời cơ thuận lợi đưa đồng bằng sông Cửu Long phát triển lên tầm cao mới.

Để đạt được các mục tiêu trên đòi hỏi cả hệ thống chính trị và nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long và các chủ thể phải nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn nữa về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh; phải tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh phù hợp với những biến đổi của tình hình mới; tiếp tục đi sâu nghiên cứu nhằm làm rõ hơn nữa cả cơ sở lý luận, thực tiễn và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vào điều kiện cụ thể của đồng bằng sông Cửu Long vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Từ những vấn đề phân tích ở trên, tác giả đã chọn vấn đề **“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh”** làm đề tài nghiên cứu Luận án Tiến sĩ Ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đánh giá thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với điều kiện thực tiễn của vùng trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, phân tích, đánh giá những kết quả nghiên cứu đã được đề cập, xác định những nội dung mà luận án cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu;

Làm rõ những khái niệm liên quan đến đề tài Luận án: dân tộc, đại đoàn kết, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh;

Phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc;

Nghiên cứu, phân tích thực trạng (ưu điểm, hạn chế) và nguyên nhân của thực trạng; chỉ rõ những vấn đề đặt ra của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh;

Dự báo những nhân tố tác động, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để đề xuất quan điểm, giải pháp tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Về không gian: Luận án đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát ở một số tỉnh, thành phố có nhiều đồng bào dân tộc, tôn giáo như: tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long và Thành phố Cần Thơ (trước 01/7/2025). Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (sau 01/7/2025), các tỉnh này bao gồm: tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và Thành phố Cần Thơ. Trong đó, thành phố Cần Thơ là thành phố duy nhất và là trung tâm đô thị lớn nhất của đồng bằng sông Cửu Long; từ năm 2015 đến nay nhiều địa phương ở các tỉnh, thành phố chịu tác động không nhỏ của biến đổi khí hậu (xâm nhập mặn, sạt lở, sụt lún, thủy triều dâng); cơ sở hạ tầng ở một số địa phương còn thấp, đời sống nhân dân còn chậm phát triển.

Về thời gian: nghiên cứu thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến nay. Đây là mốc thời gian gắn liền với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo chủ trương mới của Đảng, cụ thể: Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngày 09/6/2015, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Luật số: 75/2015/QH13)

được ban hành, quy định về tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó nhấn mạnh phương thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các đoàn thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Quan điểm và giải pháp được đề xuất đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng làm cơ sở lý luận, phương pháp luận để nghiên cứu, vận dụng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành của Hồ Chí Minh học: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp văn bản học, phương pháp trừu tượng hóa, cụ thể hóa, phương pháp điều tra xã hội học, ... Cụ thể:

Chương 1: Sử dụng phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp văn bản học, phương pháp phân tích - tổng hợp để thu thập, nghiên cứu tài liệu, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương 2: Sử dụng phương pháp trừu tượng hóa, khái quát hóa để xây dựng các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài luận án; sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm làm rõ và hệ thống hóa nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Chương 3: Sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp tổng kết thực tiễn, điều tra xã hội học,... để làm rõ thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến nay; sử dụng phương pháp văn bản học để dẫn chứng những luận cứ có sức thuyết phục khi phân tích, đánh giá thực trạng, kết quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long; sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp so sánh để đối chiếu tình

hình, kết quả thực hiện một số mặt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long so với các khu vực khác và qua các giai đoạn để rút ra những đánh giá, nhận xét. Trong phần đánh giá thực trạng, tác giả sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, trưng cầu ý kiến chia làm hai nhóm đối tượng, nhóm thứ nhất bao gồm có cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và Đoàn thể với 480 phiếu; nhóm thứ hai, gồm đại diện hộ dân, công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên với 640 phiếu. Tổng phiếu khảo sát 2 nhóm là 1.120 phiếu.

Chương 4: Sử dụng phương pháp văn bản học, phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phân tích, thống kê, dự báo, diễn dịch, quy nạp để phân tích các yếu tố tác động, đề xuất quan điểm, giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn trong tình hình mới.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Về lý luận

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần làm rõ hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; khẳng định tính cấp thiết, ý nghĩa to lớn của việc vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phù hợp với thực tiễn của mỗi địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long.

5.2. Về thực tiễn

Luận án nghiên cứu tổng kết một cách hệ thống, toàn diện thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến nay; đề xuất quan điểm, giải pháp có tính khả thi nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong tình hình mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, hỗ trợ công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hiệu quả việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; phục vụ cho công tác Mặt trận, dân vận của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị của vùng hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

Luận án góp phần nhận thức khoa học sâu sắc về tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh; khẳng định giá trị, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Luận án góp phần cung cấp thêm luận cứ khoa học và thực tiễn Đảng bộ các tỉnh, thành phố, các tổ chức của hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

6.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Luận án có thể làm cơ sở dữ liệu, tư liệu nghiên cứu chuyên sâu cho các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và Đoàn thể trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương khác.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu và giảng dạy nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong các trường đại học, học viện và viện nghiên cứu.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận án được kết cấu thành 4 chương 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và tăng cường ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Đây là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các kết quả nghiên cứu được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, sách tham khảo, tạp chí khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, luận án. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như:

Cuốn sách *“Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay”* của Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng [104] đã nghiên cứu về các chính sách dân tộc ở Việt Nam, nội dung nhấn mạnh vai trò của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Cuốn sách chỉ ra những hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 1976 - 2006 trên nhiều lĩnh vực như vấn đề đất đai, định canh và định cư. Từ những phân tích tác giả đề xuất các giải pháp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc, tăng cường sự đoàn kết, bình đẳng và hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới một sự phát triển hài hòa.

Công trình nghiên cứu *“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới”* của Trương Minh Dục [34], đề tài đề cập đến vai trò lãnh đạo của các chủ thể tham gia xây dựng khối đoàn kết dân tộc tại khu vực Tây Nguyên trong giai đoạn đổi mới. Từ đó, củng cố mối quan hệ gắn kết giữa các dân tộc trong khu vực. Đề tài nhấn mạnh việc ứng phó với những thách thức đang đặt ra, đặc biệt trong bối cảnh các thế lực phản động không ngừng âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Công tác tập hợp quần chúng được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, tạo niềm tin cho đồng bào đối với Đảng ở khu vực Tây Nguyên ngày càng vững chắc.

Cuốn sách *“Góp phần nghiên cứu về đại đoàn kết dân tộc”* của Trần Hậu [46] tập trung luận giải vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong tiến trình phát triển đất nước. Tác giả nhấn mạnh đây là đường lối đúng đắn, tạo động lực mạnh mẽ trong công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh “đoàn kết dân tộc”. Nội dung chính bao gồm phân tích “tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết”, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, cùng tầm quan trọng của liên minh công - nông - trí trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, cuốn sách cũng đề cập đến vai trò của báo chí trong việc củng cố khối đại đoàn kết và bảo vệ tinh thần thống nhất toàn dân. Tác phẩm khẳng định đại đoàn kết dân tộc không chỉ là động lực phát triển mà còn là nền tảng để xây dựng một Việt Nam giàu mạnh.

Cuốn sách *“Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay”* của Hoàng Chí Bảo [7] phân tích sâu sắc mối quan hệ dân tộc - tộc người và thực hiện chính sách dân tộc trong bối cảnh phát triển tại các vùng đa dân tộc. Tác giả nhấn mạnh rằng những hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc không đồng bộ đang ảnh hưởng tiêu cực đến khối đại đoàn kết dân tộc, đặc biệt tại các tỉnh miền núi. Tác giả cho rằng việc bảo đảm bình đẳng giữa các dân tộc như một yêu cầu cấp thiết để củng cố đoàn kết dân tộc trên toàn quốc. Nội dung cuốn sách cũng đề cập đến nhiều khía cạnh cụ thể như nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc ở các vùng miền, bình đẳng gắn liền với sự đoàn kết bền vững. Những quan điểm được trình bày không chỉ làm rõ khái niệm về “dân tộc” và “tộc người” mà còn đưa ra nền tảng để phát triển chính sách dân tộc hiệu quả hơn trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết *“Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát triển toàn diện, bền vững vùng dân tộc thiểu số”* của K'Sor Phước [94], nghiên cứu, tìm hiểu về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tác giả khẳng định, từ khi thành lập Đảng luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các chính sách dân tộc luôn được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn, mang lại nhiều thành tựu to lớn. Bài viết cũng tập trung vào các giải pháp phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số, đồng thời bảo đảm giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước.

Công trình nghiên cứu *“Xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong tình hình hiện nay”* của Hoàng Xuân Lương [64], đăng trên Tạp chí Cộng sản, nhấn mạnh sự nhất quán của Đảng và Nhà nước trong thực hiện chính sách dân tộc. Các chính sách tập trung vào vấn đề bình đẳng, dân chủ của các dân tộc trên các lĩnh vực. Tác giả đề cập đến nhiều chính sách quan trọng như đầu tư hạ tầng, phát triển ngành nghề, hỗ trợ, giúp đỡ cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số. Những chính sách này đã góp phần giúp các khu vực miền núi, dân tộc thiểu số phát triển đáng kể trên nhiều mặt. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục và đề xuất các giải pháp củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tác giả Huỳnh Đảm với bài viết *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong tình hình mới”* [21], nội dung làm rõ vai trò của “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” trong việc vận động quần chúng nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn đổi mới. Tác giả chỉ ra thành tựu quan trọng đạt được trên nhiều lĩnh vực, đồng thời chỉ ra các hạn chế cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả phong trào. Bài viết nhấn mạnh, để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước. Đây là yếu tố quan trọng nhằm phát huy sức mạnh dân tộc, hướng đến mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Công trình nghiên cứu *“Thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* của Nguyễn Viết Thảo, Dương Trung Ý [116] làm rõ những thách thức đang ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc. Tác phẩm chỉ ra các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến sự thống nhất toàn dân, âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch, chia rẽ sự đoàn kết giữa Đảng với dân, làm suy giảm niềm tin trong nhân dân, gây bất đồng quan điểm giữa các dân tộc. Đồng thời, cuốn sách làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới của đất nước.

Cuốn sách *“Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam”* của Nguyễn Đình Minh [86] tập trung phân tích giá trị của việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh

đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung cuốn sách nhấn mạnh đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ cấp bách của cách mạng, khẳng định vai trò làm chủ của nhân dân trong các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tác giả đã đề xuất giải pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh việc đẩy mạnh giáo dục, truyền thông và kiên quyết đấu tranh chống các thế lực thù địch kích động, chia rẽ dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo vệ sự nghiệp cách mạng trước mọi thách thức.

Tác phẩm *“Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam - quá khứ và hiện tại”* của Trần Hậu [47] phân tích sâu sắc lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ lợi ích chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tác giả trình bày những kết quả đạt được, rút ra bài học kinh nghiệm và đặt ra những vấn đề cần quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, nội dung cuốn sách vận dụng nghị quyết Đại hội XII của Đảng, tập trung vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy sự đồng thuận xã hội. Đồng thời, tác giả đề xuất các giải pháp đổi mới hoạt động của Mặt trận, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tình hình mới.

Cuốn sách *“Tuyên truyền, giáo dục chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với người Chăm”* của Nguyễn Sỹ Đệ [30] tập trung vào các nội dung cốt lõi liên quan đến công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm thúc đẩy chính sách đại đoàn kết dân tộc. Tác giả phân tích chi tiết về người Chăm tại Việt Nam cũng như thực trạng triển khai các chính sách này đối với cộng đồng người Chăm. Trên cơ sở phân tích, tác giả đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục và củng cố tinh thần đoàn kết. Ngoài ra, cuốn sách còn đề xuất các khuyến nghị quan trọng nhằm hỗ trợ các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc quản lý và triển khai các chính sách trong thực tiễn.

Nghiên cứu *“Cộng đồng các dân tộc Việt Nam 70 năm xây dựng và phát triển”* của Ủy ban Dân tộc [144] khái quát quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tác phẩm nhấn mạnh vai trò của các cơ quan phụ trách công tác dân tộc, đồng thời tổng kết thực tiễn trong thực hiện chính sách dân tộc từ quá khứ và hiện tại. Từ đó, tác giả định hướng và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả

xây dựng khối đại đoàn kết trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường hội nhập quốc tế.

Cuốn sách *“ Tư tưởng Đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong Hiến pháp 2013 ”* của Đào Đình Hiếu [50] tập trung phân tích các nội dung liên quan đến quyền con người, cũng như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp. Tác giả đồng thời làm rõ tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc, nhấn mạnh vai trò của tinh thần đoàn kết để phát triển đất nước. Cuốn sách cung cấp các luận cứ khoa học, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, đặc biệt là những vấn đề như lợi dụng dân chủ, nhân quyền và dân tộc để chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng. Tác phẩm cung cấp cơ sở khoa học quan trọng trong việc bảo vệ các giá trị cốt lõi của đất nước trước những thách thức từ bên ngoài.

Cuốn sách *“ Một số nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay ”* của Vi Thị Hương Lan [61] tập trung phân tích vấn đề quản lý dân tộc của cơ quan Nhà nước. Tác phẩm còn đánh giá thực trạng triển khai, quản lý công tác dân tộc. Từ sự phân tích tác giả đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Tác giả Đỗ Xuân Tuất, Trần Lê Thanh với bài viết Đảng dựa vào dân, *“ lấy dân làm gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng ”* [142]. Nội dung công trình đề cập đến vấn đề cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia, nếu để mất niềm tin của nhân dân, hoặc thiếu quan tâm đến đời sống nhân dân đất nước sẽ rơi vào tối tăm, loạn lạc, khối đại đoàn kết dân tộc bị chia rẽ và suy yếu. Nhóm tác giả cho rằng lòng dân là “quốc bảo” là nền tảng để xây dựng và phát triển đất nước. Các tác giả cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân, lấy dân làm gốc thể hiện sự sinh động, sáng tạo và sâu sắc, đem lại giá trị thiết thực cho đất nước hiện nay và mai sau.

Cuốn sách *“ Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc ”* của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng [137] nêu lên lập trường, quan điểm của Đảng về việc xây dựng, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc. Tác phẩm làm rõ những vấn đề cơ bản: Thứ nhất, khẳng định

đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng, yếu tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thứ hai, nhấn mạnh vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Thứ ba, đề cao sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân ở các địa phương. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng: “Người hạnh phúc nhất là người mang lại hạnh phúc cho nhiều người”, quan điểm đó cùng với tư duy nhất quán, xuyên suốt của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc, những giải pháp nhằm phát huy truyền thống yêu nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần định hướng cho toàn Đảng về hệ thống chính trị, cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nắm vững, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng cường thịnh, nhân dân ngày càng văn minh, hạnh phúc.

Bài viết *“Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới”* của Phạm Tất Thắng [111], khẳng định vai trò của công tác dân vận trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc tại Tây Nguyên. Tác giả chỉ ra những thành tựu nổi bật đã đóng góp vào sự phát triển của vùng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, chỉ ra một số hạn chế, bất cập trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Từ những phân tích về đường lối, chiến lược của Đảng, tác giả đã đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên trong giai đoạn mới.

Công trình nghiên cứu *“Gìn giữ, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”* của Đặng Quang Định [31], khẳng định tầm quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tác giả khẳng định đây là nền tảng thiết yếu để phát huy trí tuệ, lòng tự hào dân tộc đã trở thành động lực to lớn thúc đẩy sự nghiệp đổi mới. Việc gìn giữ và phát huy truyền thống đại đoàn kết là trách nhiệm của toàn dân, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bài viết cũng phân tích sâu sắc quan điểm của Đảng về vai trò quyết định của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết. Đồng thời, tác giả đề xuất các giải pháp thiết thực

góp phần phát huy giá trị của đại đoàn kết, hướng đến mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh và hạnh phúc.

Tác giả Phạm Ngọc Hùng, Dương Thị Hà với nghiên cứu *“Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chế độ chính trị, tạo nền tảng vững chắc để phát triển đất nước nhanh, bền vững”* [174]. Bài viết khẳng định vai trò nền tảng và quyết định của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong việc giữ vững ổn định chính trị là điều kiện sống còn để phát triển bền vững đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và niềm tin của nhân dân được củng cố, tạo nên sức mạnh tổng hợp. Tác giả phân tích mối quan hệ biện chứng giữa ổn định và phát triển; nhấn mạnh vai trò của Đảng trong lãnh đạo toàn diện, nhất là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, bài viết đề xuất ba giải pháp chiến lược: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Qua đó, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố then chốt bảo đảm thắng lợi của cách mạng và sự phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII”* của Nguyễn Hồng Thật [184]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng lớn, sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng ta, là động lực quan trọng quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII, tác giả phân tích rõ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, nâng cao sức mạnh nội sinh của dân tộc. Bài viết đánh giá thực trạng sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, chỉ ra những thành tựu đạt được cùng với các hạn chế cần khắc phục. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh vai trò của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và toàn hệ thống chính trị trong việc củng cố khối đại đoàn kết, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi nhân dân, chống các âm mưu chia rẽ. Qua đó, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao.

Nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hà (2024), *“Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới”* [172]. Bài viết thể hiện sự tâm huyết và nhận thức sâu sắc của tác giả đối với tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta không ngừng phát triển tư duy lý luận về đại đoàn kết, xem đây là chiến lược cách mạng sống còn. Qua các kỳ Đại hội, đặc biệt từ Đại hội VI đến XIII, quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc được bổ sung, mở rộng, gắn với thực tiễn phát triển và hội nhập quốc tế. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu phải phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, kết hợp hài hòa lợi ích các giai cấp, tăng cường đồng thuận xã hội, chống chia rẽ dân tộc, tôn giáo, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng. Bài viết khẳng định vai trò nòng cốt của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong tổ chức thực hiện, nhằm xây dựng đất nước phát triển, phồn vinh, hạnh phúc vì lợi ích dân tộc và nhân dân.

Công trình *“Vị trí, vai trò, sức mạnh nhân dân, đại đoàn kết toàn dân tộc đối với xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”* của Phạm Tất Thắng [182]. Bài viết khẳng định vị trí trung tâm và vai trò chủ thể của nhân dân là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tư tưởng “Dân là gốc” được vận dụng sáng tạo trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nội lực quan trọng giúp Việt Nam vươn mình trong kỷ nguyên mới. Nhân dân không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là chủ thể sáng tạo trong các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Bài viết đề xuất tám nhóm nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát huy sức mạnh nhân dân, bao gồm: nâng cao dân chủ, cải thiện đời sống, đấu tranh phòng chống tham nhũng, đổi mới công tác dân vận và phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đây là nền tảng vững chắc để xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bài viết *“Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”* của Mạch Quang Thắng [181]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị văn hóa bất diệt, là động lực quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, được Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh trong

Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương. Tác giả phân tích vai trò của đại đoàn kết trong lịch sử và công cuộc đổi mới, chỉ ra những tồn tại như sự thiếu gương mẫu, gần dân của một bộ phận cán bộ. Trước yêu cầu mới, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp trọng tâm: nâng cao nhận thức của toàn hệ thống chính trị; hoàn thiện chủ trương, chính sách; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy hiệu lực của Nhà nước pháp quyền; thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc. Trên nền tảng đó, khối đại đoàn kết được củng cố, phát huy để xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và niềm tin của nhân dân.

Tác phẩm *“Phát huy sức mạnh tinh thần đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”* của Bùi Đức Dũng [171]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị truyền thống, điểm tựa tinh thần vững chắc, đóng vai trò quyết định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong kỷ nguyên phát triển mới, cần phát huy sức mạnh nội sinh này bằng các phương thức phù hợp, tạo sự đồng lòng, đồng thuận xã hội. Tác giả phân tích vai trò của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc trong thúc đẩy khối đại đoàn kết thông qua giáo dục truyền thống, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền và ứng phó thiên tai, dịch bệnh. Đồng thời, bài viết chỉ ra những hạn chế như tình trạng quan liêu, suy giảm niềm tin, tuyên truyền kém hiệu quả và đề xuất các giải pháp cụ thể: nâng cao nhận thức, khắc phục bất công xã hội, tăng cường giáo dục truyền thống, hoàn thiện chính sách, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần đại đoàn kết cần tiếp tục được khơi dậy để đưa đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc trong thời đại mới.

Bài viết *“Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”* của Đỗ Văn Chiến [167]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là đường lối chiến lược xuyên suốt của Đảng, cội nguồn của mọi thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta không ngừng phát huy sức mạnh đại đoàn kết, được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương nhằm xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong củng cố khối đại đoàn kết,

tập hợp, phát huy các nguồn lực trong và ngoài nước. Bài viết nhấn mạnh các minh chứng thực tiễn như phòng, chống COVID-19, khắc phục hậu quả thiên tai, là biểu hiện sinh động của khối đại đoàn kết. Đồng thời đề ra ba giải pháp lớn để phát huy hơn nữa sức mạnh đoàn kết trong thời kỳ mới: tăng cường nhận thức, chăm lo đời sống nhân dân và đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận. Bài viết thể hiện niềm tin, khát vọng, ý chí sắt đá của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công trình nghiên cứu *“Đại đoàn kết toàn dân tộc - Giá trị trường tồn và bài học đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay”* của Đặng Thị Minh Nguyệt [178]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị truyền thống trường tồn, là sức mạnh nền tảng làm nên mọi thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ Cách mạng Tháng Tám đến hai cuộc kháng chiến, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, khối đại đoàn kết luôn được phát huy và củng cố. Trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và trong nước diễn biến phức tạp, bài học đại đoàn kết càng mang ý nghĩa chiến lược. Bài viết nêu rõ các giải pháp thiết thực như: tăng cường nhận thức, hoàn thiện thể chế, phát huy vai trò nhân dân, củng cố Đảng, đổi mới phong trào thi đua, đấu tranh với luận điệu thù địch. Đồng thời, chú trọng xây dựng chính sách đối với trí thức, tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số, người Việt Nam ở nước ngoài. Đại đoàn kết không chỉ là kim chỉ nam hành động, mà còn là bảo đảm chắc chắn cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Bài viết *“Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân: thành tựu và giải pháp”* của Phạm Viết Thắng [183]. Bài viết khẳng định vai trò chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới và phát triển bền vững. Tác giả hệ thống quan điểm nhất quán của Đảng qua các kỳ Đại hội, đặc biệt là Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Bài viết nêu bật các thành tựu như: củng cố hệ thống chính trị, tăng cường vai trò Mặt trận Tổ quốc, nâng cao đời sống nhân dân và niềm tin vào Đảng. Đồng thời, chỉ ra những hạn chế về nhận thức, thể chế hóa chính sách và công tác dân vận. Từ đó, tác giả đề xuất bốn

nhóm giải pháp trọng tâm nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết trong giai đoạn mới: tăng cường xây dựng Đảng; mở rộng quyền làm chủ của nhân dân; giải quyết hài hòa lợi ích xã hội và chủ động đấu tranh phản bác các luận điệu chống phá, xuyên tạc. Bài viết kết luận rằng đại đoàn kết là tài sản vô giá, là động lực nội sinh cần tiếp tục được bồi đắp trong tiến trình phát triển đất nước.

Bài viết *“Đại đoàn kết dân tộc là động lực để phát triển đất nước”* của Nguyễn Quang Du [169]. Nội dung bài viết phân tích, làm rõ đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng chiến lược xuyên suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong gần 40 năm đổi mới, Đảng ta không ngừng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn với mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, các thế lực thù địch luôn tìm cách xuyên tạc, chia rẽ, kích động mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và bản chất tiến bộ của chế độ ta. Chúng triệt để lợi dụng mạng xã hội để phát tán thông tin sai lệch, gây hoài nghi trong quần chúng. Trước tình hình đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cần kiên quyết đấu tranh, nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố lòng tin, phát huy tinh thần yêu nước, tự lực tự cường. Đồng thời, cần hoàn thiện pháp luật, quản lý hiệu quả không gian mạng, phát triển chính phủ số, kinh tế số, gắn đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế. Đây là nền tảng bảo đảm vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Tác giả Lê Hải Bình với nghiên cứu *“Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam”* [165]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bắt nguồn từ tư tưởng Hồ Chí Minh và trở thành chiến lược nhất quán trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Từ sau năm 1975, Đảng không ngừng củng cố khối đại đoàn kết, đặc biệt thông qua việc thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xác định nhân dân là chủ thể, trung tâm của mọi thắng lợi. Qua các kỳ Đại hội, Đảng liên tục phát triển tư duy về đại đoàn kết, gắn với thực tiễn đổi mới, dân chủ và phát triển bền vững. Trong bối cảnh mới, đoàn kết toàn dân trở thành nền tảng để vượt qua khó khăn, xây dựng xã hội phồn vinh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đại hội XIII tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân, thúc đẩy “dân biết, dân bàn, dân làm,

dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đại đoàn kết vì vậy là ngọn cờ tư tưởng, là động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định thành công cách mạng Việt Nam.

Bài viết *“Sức mạnh của đoàn kết”* của Tổng Bí thư Tô Lâm [175]. Bài viết khẳng định đoàn kết là chân lý vĩnh hằng, là nguồn sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh và phát triển. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc được Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và Đảng ta kiên định vận dụng, phát triển thành đường lối chiến lược xuyên suốt. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang thực hiện cải cách mạnh mẽ tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, thì yêu cầu đoàn kết càng trở nên bức thiết. Bài viết phân tích sâu sắc các nguy cơ gây chia rẽ, đồng thời đề xuất năm nhóm giải pháp then chốt nhằm giữ gìn và phát huy sức mạnh đoàn kết: Tăng cường lãnh đạo thống nhất, đề cao trách nhiệm nêu gương, hoàn thiện chính sách pháp luật, đẩy mạnh công tác tư tưởng và phát huy tính đảng, bản lĩnh chính trị trong toàn hệ thống. Tác giả nhấn mạnh, chỉ bằng sự đồng tâm hiệp lực toàn Đảng, toàn dân, chúng ta mới có thể vượt qua mọi thách thức, đưa đất nước tiến bước vững chắc vào thời kỳ phát triển mới.

Ngoài ra, nhiều công trình khác cũng nghiên cứu liên quan đến “xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc” như: bài viết *“Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”* của cố Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng (2023), đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 1026 (11-2023); *“Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa”* của Văn An (2012), đăng trên Tạp chí Mặt trận, số 101 - 2012, tr 68-71; *“Củng cố và phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc để vượt qua mọi thách thức”* của Trần Văn Bính (2014), đăng trên Tạp chí Báo cáo viên - Ban Tuyên giáo Trung ương, số 7, tr 20-22; ...

Các công trình nghiên cứu trên đã phân tích sâu sắc về đại đoàn kết dân tộc, nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các tác giả đã làm rõ những nguyên tắc, nội dung

cốt lõi và phương pháp để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đề cao truyền thống đoàn kết của các dân tộc, xem đây là nền tảng vững chắc để thúc đẩy sự phát triển đất nước. Những phân tích trên góp phần đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết trong bối cảnh hiện nay.

1.1.2. Những nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Những công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tiêu biểu như:

Công trình “Histoire du Vietnam de 1940 à 1952” của Philippe Devillers [33], là một nghiên cứu lịch sử, chính trị có giá trị, phân tích toàn diện tiến trình cách mạng Việt Nam từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong tác phẩm này, Devillers đặc biệt chú ý đến vai trò của Hồ Chí Minh trong việc định hình đường lối cách mạng và xây dựng mặt trận đoàn kết dân tộc. Qua phần “Le Retour de Ho Chi Minh”, tác giả làm rõ cách Hồ Chí Minh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chủ trương tập hợp mọi lực lượng yêu nước không phân biệt giai cấp, khuynh hướng chính trị hay tôn giáo. Devillers cho rằng chính chiến lược đoàn kết rộng rãi, linh hoạt và phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam đã tạo nên cơ sở chính trị vững chắc cho thắng lợi của cách mạng, qua đó khẳng định tư tưởng đại đoàn kết là một yếu tố then chốt trong đường lối cách mạng Việt Nam.

Công trình “*Le Viet-Minh: La République démocratique du Viet-Nam, 1945-1960*” của Bernard Fall [39], tiếp cận Hồ Chí Minh không chỉ với tư cách một nhà cách mạng mà còn như một biểu tượng chính trị có sức ảnh hưởng sâu rộng. Bernard Fall phân tích song song hai phương diện: Hồ Chí Minh với tư cách con người lịch sử cụ thể và Hồ Chí Minh như một “huyền thoại” được hình thành trong lòng phong trào cách mạng. Tác giả nhấn mạnh rằng Việt Minh thành công bởi được tổ chức như một mặt trận dân tộc thống nhất, trong đó Hồ Chí Minh giữ vai trò trung tâm, gắn kết các lực lượng xã hội khác nhau trên cơ sở mục tiêu độc lập dân tộc. Theo Bernard Fall, tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh không mang tính nhất thời mà là một chiến

lược lâu dài, góp phần tạo nên sự đồng thuận xã hội, củng cố tính chính danh và sức sống bền bỉ của phong trào cách mạng Việt Nam.

George C. Herring trình bày trong công trình *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950–1975* [48], đã phân tích thất bại của Hoa Kỳ tại Việt Nam từ góc độ lịch sử và cho rằng một trong những nguyên nhân căn bản nằm ở việc không nhận thức đầy đủ sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc do Hồ Chí Minh xây dựng. Qua đó, Herring gián tiếp khẳng định vai trò của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh như một nhân tố quyết định cục diện lịch sử Việt Nam hiện đại.

Công trình *Why Vietnam?* Của Patty A.L đã viết: “Hơn một phần tư thế kỷ nay, chỉ có Hồ Chí Minh mới giữ được cho ngọn đuốc độc lập bập bùng cháy trong trái tim, khối óc của những người Việt Nam cộng sản cũng như không cộng sản, và duy nhất chỉ có ông đã trở thành hiện thân của chủ nghĩa quốc gia Việt Nam, một Gioócgio Oasinhton của Việt Nam” [90, tr.234]. Tác giả ví Hồ Chí Minh như một “George Washington của Việt Nam”, người anh hùng khai quốc, là nhà yêu nước, đại diện cho khát vọng độc lập và tinh thần dân tộc của cả một quốc gia. Qua đó, Patty A.L. góp phần làm rõ chiều sâu lịch sử của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh thế kỷ XX.

Trong công trình *Vietnam 1945*, David G. Marr [68], đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh từ chiều sâu lịch sử, văn hóa dân tộc, qua đó khẳng định rằng quan điểm đoàn kết của Người không phải là sự sao chép giản đơn các học thuyết chính trị phương Tây, mà là kết quả của quá trình kế thừa và phát triển sáng tạo truyền thống cộng đồng bền chặt của người Việt Nam. Theo Marr, Hồ Chí Minh đã chất lọc tinh hoa của tinh thần cố kết cộng đồng, ý thức gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng và vận mệnh dân tộc, để nâng lên thành tư tưởng đoàn kết mang tầm chiến lược cách mạng. Cách lý giải này không chỉ làm sáng rõ nguồn gốc bản địa của tư tưởng đoàn kết Hồ Chí Minh, mà còn cho thấy tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của Người trong việc kết hợp truyền thống dân tộc với yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trong bối cảnh lịch sử hiện đại.

Công trình *Ho Chi Minh: A Life*, William J của Duiker [35] đã khẳng định Hồ Chí Minh là người đã xây dựng thành công mô hình mặt trận dân tộc thống nhất mang đặc trưng Việt Nam, trong đó đoàn kết không chỉ được sử dụng như một sách lược

linh hoạt của từng giai đoạn cách mạng, mà được xác lập như nguyên tắc chiến lược lâu dài, xuyên suốt toàn bộ tiến trình đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc. Duiker đặc biệt nhấn mạnh năng lực quy tụ lực lượng rộng lớn của Hồ Chí Minh: từ trí thức, chức sắc tôn giáo đến các xu hướng quốc gia không cộng sản, bằng uy tín cá nhân, phong cách lãnh đạo khoan dung, thuyết phục và trên hết là mục tiêu tối thượng về độc lập dân tộc. Qua đó, tác giả làm nổi bật bản lĩnh chính trị và tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh trong việc biến đoàn kết dân tộc thành nền tảng bền vững của cách mạng Việt Nam, vượt lên trên những khác biệt về ý thức hệ và lợi ích cục bộ.

Tác giả Sophie Quinn-Judge trình bày trong *Ho Chi Minh: The Missing Years 1919–1941* [99], đã làm sáng tỏ quá trình hình thành sớm tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh ngay từ những năm tháng Người hoạt động ở quốc tế. Tác giả chỉ ra rằng, trong bối cảnh phong trào cách mạng thế giới còn tồn tại nhiều khuynh hướng biệt phái và giáo điều, Hồ Chí Minh đã thể hiện một tầm nhìn vượt trội khi luôn chủ động tìm kiếm sự gắn kết giữa phong trào cộng sản và phong trào dân tộc thuộc địa, coi đây là điều kiện căn bản để mở rộng lực lượng cách mạng. Qua việc phân tích các hoạt động, mối quan hệ và lựa chọn chiến lược của Hồ Chí Minh giai đoạn 1919 - 1941, Quinn-Judge khẳng định rằng tư tưởng đoàn kết của Người không phải là sản phẩm kết tinh của một tư duy độc lập, linh hoạt và chống giáo điều, đặt lợi ích dân tộc lên trên mọi ranh giới.

Cuốn sách *“Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết”* do nhóm tác giả Nguyễn Thế Thắng, Phan Minh Hiền, Đặng Văn Thái, Trần Thị Lợi và Nguyễn Kim Dung [107] tuyển chọn, hệ thống hóa các quan điểm của Hồ Chí Minh về tư tưởng đại đoàn kết. Nội dung sách khai thác từ các bài nói, bài viết trong di sản Hồ Chí Minh, phân tích, làm rõ tư tưởng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Qua đó, tác phẩm đề cao vai trò của Đảng trong việc vận dụng tư tưởng của Người vào thực tiễn và trong xây dựng chính sách dân tộc và củng cố sức mạnh đoàn kết dân tộc, góp phần vào sự thành công của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Tác giả của Phùng Hữu Phú, Vũ Dương Ninh, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh trình bày trong cuốn sách *“Chiến lược Đại đoàn kết Hồ Chí Minh”* [92] tập trung phân tích toàn diện các khía cạnh liên quan đến tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

Các tác giả làm rõ cơ sở hình thành và tiến trình phát triển của chiến lược đại đoàn kết, đặc biệt trong cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Nội dung sách cũng đề cập đến những giá trị cốt lõi, ý nghĩa sâu sắc của tư tưởng đại đoàn kết. Đồng thời, các tác giả kế thừa và phát triển tư duy của Hồ Chí Minh, qua đó làm sáng tỏ tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết trong từng thời kỳ cách mạng.

Cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới”* của Nguyễn Khánh Bật [8] tập trung phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết. Tác giả làm rõ các khía cạnh cốt lõi như sự gắn kết giữa các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và đoàn kết giữa các tôn giáo. Ngoài ra, tác giả cũng bàn luận về cách phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay, nhấn mạnh sự đoàn kết là yếu tố không thể thiếu để phát huy tiềm năng, sức mạnh của dân tộc. Cuốn sách mang lại những góc nhìn toàn diện và có giá trị về việc kế thừa, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Nghiên cứu *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới”* của Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng [161] tập trung nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Công trình nhấn mạnh việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước, đồng thời làm rõ các chủ trương lớn của Đảng trong việc củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ đổi mới. Các chính sách của Nhà nước được phân tích nhằm phát huy sức mạnh của các tầng lớp xã hội, kết hợp nội lực quốc gia với việc tranh thủ hỗ trợ quốc tế. Cuốn sách cũng đề xuất những giải pháp giúp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong việc phát huy khối đại đoàn kết dân tộc.

Cuốn sách *“Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc”* của Lê Ngọc Thắng [108] đã làm rõ cơ sở hình thành tư tưởng đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. Tác giả chỉ ra rằng tư tưởng này kế thừa từ truyền thống văn hóa dân tộc, lòng yêu nước sâu sắc và những quan điểm, nhận thức rõ ràng về vấn đề dân tộc. Theo tác phẩm, đại đoàn kết các dân tộc là nhân tố quan trọng trong chiến lược đoàn kết của Hồ Chí

Minh, nhằm hướng tới mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời xây dựng và phát triển đất nước. Tác giả nhấn mạnh sự gắn kết giữa các dân tộc với nhau, tạo nên sức mạnh cộng đồng để thực hiện thành công nhiệm vụ bảo vệ và phát triển đất nước. Nền tảng của khối đoàn kết là dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và đoàn kết vì lợi ích chung. Mặc dù chưa hệ thống hóa toàn diện tư tưởng đại đoàn kết nhưng tác phẩm cung cấp những phân tích giá trị, giúp làm sáng tỏ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết các dân tộc.

Công trình nghiên cứu *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay”* của Nguyễn Đức Ngọc [88] đã phân tích sâu một số vấn đề cốt lõi trong tư tưởng đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. Nghiên cứu phân tích cơ sở hình thành, vai trò tư tưởng đoàn kết dân tộc của Người trong cách mạng Việt Nam và tiếp tục vận dụng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tác giả nhấn mạnh sự cần thiết của việc củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất việc thắt chặt mối quan hệ giữa các giai cấp, đặc biệt là liên minh công - nông - trí, kết hợp với tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên.

Bài viết *“Phát huy truyền thống đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* của Đinh Tiến Dũng (2007) [36], nhấn mạnh vai trò quan trọng của truyền thống đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả khẳng định rằng đại đoàn kết dân tộc không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm mà còn mang ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển đất nước và vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc phát huy tinh thần đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kế thừa và phát truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để mở rộng đoàn kết quốc tế. Bài viết nhấn mạnh đại đoàn kết dân tộc là yếu tố quan trọng để phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc, góp phần quyết định vào thành công của cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn.

Công trình nghiên cứu *“Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số”* của Văn Thị Thanh Mai [65], nhấn mạnh tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vai trò của sự đoàn kết trong việc hỗ trợ các dân tộc thiểu số trong

đời sống xã hội. Tác giả khẳng định, tư tưởng này không chỉ là yếu tố quan trọng của cách mạng mà còn là nguồn động lực mạnh mẽ giúp đồng bào thiếu số giữ vững niềm tin với Tổ quốc; về bình đẳng giữa các dân tộc và sự đồng lòng mưu cầu hạnh phúc đã thấm sâu vào nhận thức của nhân dân. Đoàn kết sẽ tiếp tục là nền tảng quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước.

Tác giả Đỗ Thanh Hải với nghiên cứu “*Giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết*” [41], phân tích sâu sắc giá trị tư tưởng đoàn kết trong “Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Tác giả nhấn mạnh sức sống lâu bền của tư tưởng này qua ba khía cạnh chính: đoàn kết thống nhất trong Đảng, đoàn kết trong các tổ chức xã hội và đoàn kết quốc tế. Những giá trị này thể hiện vai trò then chốt của tinh thần đoàn kết đối với phát triển đất nước, đây còn là di sản tinh thần vô giá đối với Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đoàn kết trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang lại ý nghĩa trường tồn, là nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho sự đồng lòng, thống nhất vì mục tiêu phát triển bền vững của dân tộc.

Luận án “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương giáo trong thực hiện chính sách tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Văn Siu [103], luận án tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương giáo, kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tôn giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trong việc thúc đẩy đoàn kết lương giáo ở các khu vực có tính đặt thù về tôn giáo như đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, công trình cũng cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho các cấp lãnh đạo, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội, giúp triển khai chính sách tôn giáo hiệu quả. Qua đó, luận án góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, ngăn chặn các âm mưu phá hoại của thế lực thù địch và thúc đẩy phát triển đất nước.

Nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*” của Nguyễn Anh Quốc, Vũ Thị Thanh Thảo, đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội [100]. Bài viết làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc như một giá trị cốt lõi, xuyên suốt trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết là chiến lược lớn, là nguồn gốc tạo nên sức mạnh toàn dân tộc, là điều kiện tiên quyết để giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung đoàn kết trong tư tưởng của Người mang tính

toàn diện, bao trùm các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc và cả người Việt Nam ở nước ngoài. Mục tiêu của đoàn kết là vì độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển bền vững của quốc gia. Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết phải gắn với phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận xã hội và củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Di sản tư tưởng ấy là nền tảng lý luận và kim chỉ nam trong việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Tác giả Song Thành với cuốn *“Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc”* [113] tập trung nghiên cứu một số tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng đại đoàn kết dân tộc. Cuốn sách làm rõ các luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc vận dụng và phát triển tư tưởng của Người trong bối cảnh mới. Tác giả khẳng định rằng Đảng, Nhà nước và nhân dân cần tiếp tục học tập và noi gương Hồ Chí Minh, lấy tư tưởng đoàn kết làm nền tảng để xây dựng đất nước ngày càng phát triển. Qua đó, đưa ra thông điệp về việc phát huy tinh thần đoàn kết như một yếu tố cốt lõi để đối mặt với những thách thức của thời đại.

Cuốn sách *“Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”* của Lê Mậu Hãn [43] tổng hợp các chuyên luận khoa học được công bố trên sách và tạp chí về sức mạnh dân tộc Việt Nam. Tác phẩm tái hiện hành trình từ lúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng lý luận cách mạng, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, và tác động của những tư tưởng đó đến hiện tại. Tác giả khẳng định sự lãnh đạo của Đảng trong việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp đất nước đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh được xem như nền tảng quan trọng tạo nên sức mạnh dân tộc và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, mở ra tương lai phát triển cho đất nước.

Tác giả Dương Văn Mạnh với công trình nghiên cứu *“Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (Qua thực tế ở Sơn La)”* [67]. Công trình tập trung phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc dưới góc độ triết học, đồng thời đánh giá các thành tựu, hạn chế trong

thực hiện khối đại đoàn kết tại Tây Bắc, đặc biệt qua thực tiễn ở Sơn La từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng. Luận án chỉ ra các mâu thuẫn tồn tại và từ đó đề xuất giải pháp nhằm củng cố khối đại đoàn kết tại khu vực tỉnh Sơn La. Công trình khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở tỉnh Sơn La.

Cuốn sách *“Học tập và làm theo những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân”* của Nguyễn Hồng Chuyên [20] được chia thành ba phần chính bao gồm: giới thiệu những lời dạy quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; phân tích nội dung và ý nghĩa của việc học tập, làm theo tư tưởng của Hồ Chí Minh trong việc củng cố đoàn kết dân tộc; đề xuất giải pháp học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tác giả nhấn mạnh đây là điều kiện cần thiết để giúp phát huy thành quả đã đạt được, khắc phục hạn chế, để đưa đất nước từng bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững.

Công trình nghiên cứu *“Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* của Quận ủy quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh [96] tập trung phân tích các bài viết quan trọng về tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh liên quan đến đại đoàn kết dân tộc. Công trình đề cập đến các nội dung như tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, tập hợp và đoàn kết thanh niên, cũng như quan điểm về việc quy tụ mọi lực lượng để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; nhấn mạnh đoàn kết là chìa khóa của thành công và là nền tảng để phát triển. Tác giả kêu gọi các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân trong giai đoạn hiện nay cần tiếp tục học tập, vận dụng sáng tạo tư tưởng và phong cách của Hồ Chí Minh để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước.

Tác giả Phan Thị Ánh Tuyết, Đặng Thị Mai Anh với cuốn *“Tư tưởng đại đoàn kết trong di chúc của Bác Hồ”* [143] đã tập trung làm rõ tư tưởng đại đoàn kết trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; những mẫu chuyện về tinh thần đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam. Qua đó góp phần tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ

Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, góp phần quan trọng vào phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng và tấm gương của Người.

Bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất”* của Nguyễn Trọng Phúc [93], nội dung nhấn mạnh vai trò trọng yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc định hướng cách mạng. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, kế thừa truyền thống đoàn kết, nhân ái, yêu nước của dân tộc, đây là kim chỉ nam xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, bảo đảm thắng lợi của đất nước. Sự đoàn kết này nhằm hướng đến mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình, tự do và hạnh phúc cho nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tổ chức Mặt trận với hình thức phù hợp từng thời kỳ đã phát huy vai trò tập hợp quần chúng. Trong bối cảnh đổi mới, đại đoàn kết dân tộc được xác định là chiến lược quan trọng, là nền tảng, điều kiện để thúc đẩy phát triển đất nước hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Công trình nghiên cứu *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc với việc hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”* của Phan Thị Liên [62], Bài viết làm rõ vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong quá trình đổi mới đất nước. Tác giả nhấn mạnh rằng sự gắn kết toàn dân cần được củng cố dựa trên việc đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhân dân, đồng thời phát huy tối đa quyền làm chủ của dân. Tác phẩm khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi trong công cuộc đổi mới đất nước.

Công trình *“Xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* của Bùi Đình Bôn [166]. Bài viết nhấn mạnh vai trò chiến lược, cấp bách và lâu dài của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu, là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn để phát triển đất nước bền vững. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực chủ yếu để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Để làm được điều đó, cần giải quyết hài hòa lợi ích các thành phần trong xã hội, tăng cường dân chủ, đồng thuận xã hội, giữ gìn kỷ cương phép nước.

Bài viết cũng đề cao vai trò của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, khối liên minh công - nông - trí và chính sách đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Đại đoàn kết không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức để vượt qua khó khăn, chống lại mọi âm mưu chia rẽ, bảo vệ vững chắc nền độc lập và chủ quyền quốc gia.

Bài viết *“Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay”* của Lại Quốc Khánh [59], đã luận giải sâu sắc tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. Tác giả khẳng định vai trò quan trọng của tư tưởng này trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Bài viết chỉ ra tầm quan trọng của đoàn kết dân tộc đến nguyên tắc và đối tượng của đại đoàn kết. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định rằng những quan điểm này không chỉ có ý nghĩa sâu sắc mà còn mang giá trị thiết thực, góp phần định hướng và tăng cường sự đoàn kết toàn dân trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”* của Trần Thị Vui [163], nhấn mạnh vai trò chiến lược của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tác giả chỉ ra rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân là yếu tố quyết định sự thành công của cách mạng. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Tác giả cũng làm rõ sự vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh của Đảng phù hợp với thực tiễn của đất nước, đồng thời là nhân tố rất quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Duy Thị Hải Hường với bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và sự vận dụng của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay”* [58], khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là di sản tinh thần quý giá của Đảng và nhân dân Việt Nam. Tư tưởng này không chỉ là nguồn gốc sức mạnh dẫn đến những thắng lợi to lớn trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Dưới sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo của Đảng, tư tưởng đại đoàn kết đã được triển khai hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của đất nước. Những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa sâu sắc đối với việc vận dụng tư tưởng của Người vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Bài viết còn nhấn

mạnh mẽ quan trọng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong việc thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng và bền vững, góp phần xây dựng một Việt Nam độc lập, hòa bình và thịnh vượng.

Công trình *“Tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo di nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh”* của Trần Nghị [177]. Bài viết khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng chiến lược, nhất quán và xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là sức mạnh vĩ đại đưa dân tộc Việt Nam đến thắng lợi. Tác giả phân tích sâu sắc những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, gồm: đoàn kết là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và dân tộc; là sự quy tụ toàn thể Nhân dân không phân biệt giai cấp, tín ngưỡng, dân tộc; cần xây dựng trên nền tảng truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, lòng khoan dung và niềm tin vào Nhân dân. Tác giả nhấn mạnh vai trò gương mẫu của Đảng trong xây dựng khối đoàn kết và nêu rõ các giải pháp cụ thể theo hướng chỉ đạo của Đảng trong tình hình mới: phát triển công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tôn giáo và kiều bào. Bài viết là lời hiệu triệu toàn xã hội hiện thực hóa di nguyện thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công trình nghiên cứu *“Đại đoàn kết toàn dân tộc - Một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh”* của Đặng Kim Oanh [179]. Bài viết làm rõ đại đoàn kết toàn dân tộc là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh và là chiến lược cách mạng của Đảng ta. Hồ Chí Minh nhận định cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, thành công phụ thuộc vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết. Tư tưởng ấy được thể hiện nhất quán qua lời nói, việc làm và nhân cách mẫu mực của Người. Đại đoàn kết là sự hội tụ mọi giai tầng, dân tộc, tôn giáo, trong nước và kiều bào, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua các kỳ Đại hội, đặc biệt là từ Đại hội VI đến Đại hội XIII. Tư tưởng này vừa mang giá trị lý luận sâu sắc, vừa có ý nghĩa thực tiễn cấp

bách, là nền tảng củng cố niềm tin, đồng thuận, tạo động lực phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Nghiên cứu *“Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết dân tộc trong Mặt trận Việt Minh”* của Phạm Hồng Chương [168]. Bài viết khẳng định vai trò lịch sử và tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Mặt trận Việt Minh, hình thức tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp, Người đề cao lợi ích dân tộc tối thượng, từ đó định hình đường lối tập hợp toàn dân tộc vì mục tiêu độc lập, tự do. Thông qua Nghị quyết Trung ương 8 (1941) và Chương trình của Việt Minh, Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa các chính sách đại đoàn kết, kết hợp hài hòa giữa mục tiêu cách mạng và lợi ích thiết thực của mọi tầng lớp nhân dân. Việt Minh trở thành lực lượng chính trị nòng cốt đưa cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi, giành chính quyền và giữ vững nền độc lập. Uy tín tuyệt đối của Việt Minh trong nhân dân thể hiện qua cuộc Tổng tuyển cử năm 1946. Bài viết đồng thời nhấn mạnh giá trị bền vững của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh, là nền tảng cho chủ trương, chính sách của Đảng hiện nay trong việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài những công trình nghiên cứu trên, một số công trình khác cũng tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như bài viết: *“Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh - nhìn từ Đại hội XIII của Đảng”* của Lê Thị Hoàng (2021), đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước, số 303 (4/2021); *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về ý Đảng - lòng dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân hiện nay”* của Nguyễn Hữu Đồng (2016), đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng, số 2 (303); *“Kiên quyết đấu tranh với hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay”* của Vũ Chiên Thắng (2020), Tạp chí Cộng sản, Số 940 (4/2020), tr 51-57;

Nhiều công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Những nghiên cứu trên đã phân tích, luận giải một số vấn đề về thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đây là cơ sở khoa học để các công trình nghiên cứu sau phân tích sâu hơn và đặt nền móng cho các công trình nghiên cứu về thực trạng xây

dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Đồng thời, các công trình nghiên cứu cũng đã phân tích những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.1.3. Những nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn và ở đồng bằng sông Cửu Long

Những công trình nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn và ở đồng bằng sông Cửu Long tiêu biểu như:

Công trình nghiên cứu *“Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc Tây Nam Bộ trong thời kỳ mới, hội nhập”* của Sơn Song Sơn [105], phân tích các đặc điểm của các dân tộc ở vùng Tây Nam Bộ. Tác giả đã chỉ ra những tồn tại trong việc phát huy vai trò “khối đại đoàn kết dân tộc”, đồng thời đề xuất nhiều giải pháp nhằm củng cố sức mạnh “đại đoàn kết” trong khu vực. Những giải pháp nổi bật bao gồm tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính sách “đại đoàn kết dân tộc”, kết hợp với việc thực hiện “chính sách dân tộc” và “chính sách tôn giáo”. Bên cạnh đó, công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí và đào tạo nhân lực, phát triển nhân tài trong các cộng đồng dân tộc. Tác giả đề cao vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc và tôn giáo, đồng thời chỉ ra vấn đề cần kiên quyết chống lại các âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Bài viết *“Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở - động lực phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh”* của Đình Vũ [162], phân tích một số vấn đề của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” do Đảng bộ và chính quyền tỉnh Trà Vinh phát động. Tác giả chỉ ra những chuyển biến quan trọng trong cuộc sống của cộng đồng dân tộc Khmer và chỉ ra những khó khăn đang tồn tại. Tác giả đề xuất các giải pháp tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc Khmer nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ hủ tục. Đây là những giải pháp góp phần quan trọng trong củng cố khối đại đoàn kết, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào Khmer ở các địa phương.

Công trình “*Đặc điểm dân cư và tâm lý người dân Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thực hiện có hiệu quả chiến lược đại đoàn kết dân tộc*” của Phạm Văn Búa [14], công trình phân tích đặc điểm về dân cư và tâm lý của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Khu vực này là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc: Kinh, Chăm, Khmer và Hoa, với sự khác biệt về lịch sử, ngôn ngữ và văn hóa. Tuy nhiên, trong quá trình sinh sống cộng cư và khai hoang, các dân tộc đã phát triển mối quan hệ đoàn kết và tương trợ lẫn nhau. Qua các giai đoạn lịch sử, họ kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, đồng thời thể hiện những phẩm chất đáng quý như kiên cường, tự lực, sáng tạo, chịu thương chịu khó và tinh thần bất khuất. Việc nhận thức đúng đắn về đặc điểm dân cư và tâm lý đã giúp Đảng thành công trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy quá trình phát triển khu vực.

Công trình nghiên cứu “*Phát huy giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*” của Huỳnh Thanh Quang [97], luận án tập trung nghiên cứu các đặc điểm và giá trị nổi bật của văn hóa Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. Luận án khảo sát thực trạng đời sống đồng bào Khmer, phân tích các giá trị văn hóa và ảnh hưởng của chúng đến việc hình thành và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong khu vực. Tác giả làm rõ vai trò của văn hóa trong xây dựng ý thức đoàn kết giữa các tộc người, đồng thời nhận diện yếu tố tác động đến quá trình này. Luận án đưa ra những định hướng và giải pháp thiết thực nhằm phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào Khmer, qua đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, các giải pháp này góp phần ngăn chặn hiệu quả những âm mưu chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch, đảm bảo sự ổn định, phát triển khu vực.

Cuốn sách “*Quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn (1991 - 2006) - Kết quả và kinh nghiệm*” của Phạm Văn Búa [15], nội dung cuốn sách nghiên cứu quá trình triển khai chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn từ 1991 đến 2006. Công trình tổng kết thực tiễn, đánh giá các kết quả đạt được, các hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được và nguyên nhân của những hạn chế. Từ đó, tác giả đã đúc rút ra bài học kinh nghiệm quý giá, làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm khai

thác hiệu quả tiềm năng của vùng. Nội dung cuốn sách cũng đề cập đến việc nghiên cứu các đối sách phù hợp để giải quyết những tồn tại, phát huy thế mạnh và thúc đẩy công cuộc đổi mới đất nước. Tác giả đã đề xuất các giải pháp dựa trên nhu cầu cấp thiết phù hợp với thực tiễn của đồng bằng sông Cửu Long nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của chiến lược đại đoàn kết dân tộc, tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi để phát triển vùng trong tương lai.

Bài viết “*Đảng bộ cơ sở các tỉnh, thành khu vực Tây Nam Bộ với công tác dân vận trong đồng bào Khmer*” của Hứa Khánh Vy [164], tập trung phân tích công tác dân vận ở khu vực Tây Nam Bộ. Nghiên cứu của tác giả đã hệ thống một số kết quả đạt được trong việc triển khai các hoạt động dân vận của các đảng bộ cơ sở, đặc biệt trong việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước thành các chương trình hành động phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương. Tác giả nhấn mạnh hiệu quả từ các hoạt động tuyên truyền, vận động. Mặt khác, cũng chỉ rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng, nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc Khmer, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và thúc đẩy sự phát triển của khu vực Tây Nam Bộ.

Công trình nghiên cứu “*Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” của Nguyễn Phấn Đầu [29], luận án làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Tác giả phân tích sâu sắc tính toàn diện, ý nghĩa thực tiễn và sức sống bền bỉ của tư tưởng này trong bối cảnh hiện nay. Luận án nghiên cứu nền tảng lý luận, đánh giá thực trạng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của công tác dân vận trong việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Dựa trên các phân tích, luận án đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thúc đẩy sự phát triển, hòa hợp, đoàn kết trong cộng đồng dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

Công trình “*Hội đoàn kết sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ*” của Bạch Thanh Sang [102], luận án tập trung nghiên cứu vai trò và sự phát triển của Hội đoàn kết sư sãi yêu nước ở khu vực Tây Nam Bộ. Tác giả khái quát đặc điểm, tình hình hoạt động của Hội và dự báo các xu hướng tác động trong tương lai. Luận án nhấn mạnh sự cần

thiết của Hội đoàn kết sư sãi trong bối cảnh hiện nay, khẳng định vai trò quan trọng của tổ chức trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua các phân tích khoa học và thực tiễn, công trình làm rõ đóng góp của hội trong việc thực hiện chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gìn giữ văn hóa, ổn định chính trị và đảm bảo an ninh trật tự tại vùng Tây Nam Bộ. Tác giả cũng đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò tích cực của Hội đoàn kết sư sãi trong các hoạt động cộng đồng và phát triển của khu vực.

Tác giả Nguyễn Văn Sỹ Bài với bài viết *“Nhận diện một số quan điểm xuyên tạc và thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”* [106], đã luận giải hai nội dung quan trọng: Thứ nhất, tác giả phân tích các quan điểm xuyên tạc, âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề tôn giáo để phá hoại “khối đại đoàn kết dân tộc tại đồng bằng sông Cửu Long”. Thứ hai, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm ngăn chặn những âm mưu của các thế lực thù địch. Tác giả nhấn mạnh cần coi trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về tôn giáo và công tác tôn giáo, đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và kiên quyết ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước. Điều này sẽ góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong khu vực, tăng cường sự gắn kết và ổn định xã hội.

Công trình *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc”* của Hà Thị Thùy Dương [38]. Bài viết phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và vạch trần âm mưu “chia để trị” của các thế lực thù địch trong lịch sử cũng như hiện nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết là nguồn sức mạnh vô địch giúp dân tộc Việt Nam giành thắng lợi cách mạng. Các thế lực phản động luôn tìm cách xuyên tạc, bịa đặt, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, yếu kém trong thực hiện chính sách để chia rẽ Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trên cơ sở tư tưởng của Người, bài viết đề xuất bốn giải pháp trọng yếu: tăng cường tuyên truyền, hoàn thiện chính sách, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh và nâng cao cảnh giác trong

nhân dân. Qua đó, góp phần bảo vệ vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Tác phẩm *“Các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”* của Đoàn Trung Dũng [170]. Bài viết phân tích sâu sắc công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, củng cố, tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở nhận diện những thách thức về dân tộc, tôn giáo, lịch sử và không gian mạng, các địa phương đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW. Các tỉnh ủy chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, cuộc thi chính luận và phát triển nội dung tuyên truyền bằng nhiều hình thức, phương tiện. Đồng thời, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo. Bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp toàn diện, từ phát triển kinh tế - xã hội đến công tác kiểm tra, giám sát, nhằm củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tác giả Lê Thị Diễm Trinh với nghiên cứu *“Vai trò và đặc trưng của đồng bào Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long”* [186], bài viết làm rõ vai trò lịch sử và hiện tại của đồng bào Khmer trong tiến trình phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với truyền thống đoàn kết, cần cù và gắn bó lâu đời cùng các dân tộc anh em, đồng bào Khmer không chỉ góp phần giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa mà còn là lực lượng nòng cốt trong tăng cường tình hữu nghị Việt Nam - Campuchia. Tác giả nhấn mạnh đặc điểm riêng biệt của cộng đồng Khmer về dân số, văn hóa, tín ngưỡng, tổ chức cộng đồng (phum, srok), cùng những biến đổi trong quá trình hội nhập và phát triển. Bài viết đồng thời chỉ ra nỗ lực của đồng bào Khmer trong nhận diện, đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch. Từ đó, khẳng định yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục quan tâm thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, phát huy vai trò đồng bào Khmer trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Bài viết “*Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thanh Sơn [180]. Bài viết nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi hội tụ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, hình thành từ quá trình cộng cư lâu đời giữa các dân tộc. Trong tiến trình đổi mới và hội nhập, công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa đạt nhiều thành tựu nổi bật, góp phần ổn định xã hội, xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, vùng vẫn đối mặt với nhiều thách thức như: nhận thức chưa đúng về vị trí của văn hóa, đầu tư thiếu đồng bộ, nhân lực yếu, tác động của biến đổi khí hậu và văn hóa ngoại lai, điều này đã ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của vùng.

Công trình “*Giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*” của Phan Thuận, Phạm Phương Lan [185]. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tác giả chỉ ra những kết quả tích cực như giảm nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng dân số, mở rộng chính sách an sinh xã hội, nhưng đồng thời cũng thẳng thắn nhận diện các bất cập: y tế, giáo dục còn yếu; di cư và già hóa dân số gia tăng; bất bình đẳng giới, phân hóa giàu nghèo sâu sắc. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị sáu nhóm giải pháp then chốt: đầu tư kết cấu hạ tầng; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với đặc thù địa phương; giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng lao động và tạo việc làm; thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường cung cấp dịch vụ xã hội thiết yếu. Những giải pháp này nhằm hiện thực hóa Nghị quyết 13-NQ/TW, Nghị quyết 78/NQ-CP, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới.

Bài viết “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới*” của Đào Thị Hoàn [173]. Bài viết khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là chiến lược cách mạng nhất quán, xuyên suốt và là sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Đại đoàn kết là sự kết tinh giữa truyền thống yêu nước và chủ nghĩa Mác - Lênin, là động lực to lớn đưa dân tộc vượt qua mọi thử thách. Trong bối cảnh thế

giới biến động phức tạp, phát huy sức mạnh nội sinh thông qua đại đoàn kết toàn dân là yêu cầu cấp thiết để phát triển đất nước bền vững. Tác giả nhấn mạnh vai trò của Đảng trong lãnh đạo mặt trận đoàn kết, gợi mở giải pháp củng cố khối liên minh công - nông - trí, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và hệ thống chính trị. Việc cụ thể hóa Nghị quyết 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương là bước đi quan trọng nhằm phát huy truyền thống đoàn kết, khơi dậy khát vọng phát triển, góp phần hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển.

Tác giả Nguyễn Thị Tuyết Loan với công trình nghiên cứu *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long tham gia xây dựng chính quyền cùng cấp hiện nay”* [176]. Bài viết phân tích vai trò, nội dung và phương thức tham gia xây dựng chính quyền cùng cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tác giả khẳng định Mặt trận là chủ thể chính trị quan trọng, góp phần củng cố bộ máy chính quyền vững mạnh, dân chủ, gần dân. Nội dung tham gia bao gồm: tuyên truyền chủ trương, chính sách; tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, tổ chức bộ máy chính quyền; phản biện xã hội; đấu tranh phòng, chống tiêu cực. Phương thức thực hiện được cụ thể hóa qua chương trình hành động, giám sát, góp ý, đối thoại và sơ kết tổng kết. Vai trò của Mặt trận thể hiện ở việc góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ công chức, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa chính quyền với nhân dân. Qua đó, khẳng định vị thế, sứ mệnh chính trị của Mặt trận trong xây dựng chính quyền vững mạnh, vì dân, đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

Ngoài ra, một số nghiên cứu khác cũng tập trung phân tích việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu quả trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như bài viết: *“Phòng chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng”* của Dương Thị Ngọc Minh (2022), đăng trên Tạp chí Dân tộc học, Số 2 (230); *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc”* của Hà Thị Thùy Dương (2023), đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị 11 - 2023, số 5498; *“Phát huy phương pháp đại đoàn*

kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” của Phạm Thị Hằng (2021), đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 6; ...

Dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nhưng do khác biệt về mục tiêu nghiên cứu nên vẫn chưa có công trình nào phân tích một cách toàn diện về vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, những nghiên cứu trước đây đóng vai trò quan trọng, cung cấp nền tảng khoa học cần thiết để tiếp tục đào sâu, làm rõ hơn các vấn đề cốt lõi. Trên cơ sở đó, việc đề xuất những quan điểm và giải pháp mang tính sáng tạo sẽ góp phần hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới của đồng bằng sông Cửu Long. Việc vận dụng tư tưởng này không chỉ giúp tăng cường sự gắn kết cộng đồng dân tộc mà còn thúc đẩy sự phát triển khu vực trên các lĩnh vực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay của vùng.

1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá kết quả đạt được

Các công trình tác giả đề cập ở trên nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đây cũng là hướng đề tài tác giả nghiên cứu, có thể đánh giá khái quát:

Thứ nhất, các công trình nêu trên cho thấy, về cơ bản, các nhà khoa học đã phản ánh khá sâu sắc, chi tiết về cơ sở, quá trình hình thành, nội dung, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay. Một số công trình đã phân tích, làm rõ một số khái niệm như: dân tộc, đại đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh; luận giải những vấn đề về nội dung tư tưởng đại đoàn kết dân tộc. Nhìn chung các công trình đã bước đầu đặt vấn đề nghiên cứu, phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc sâu hơn và cũng cung cấp thêm nhiều luận cứ khoa học có giá trị. Các công trình đã làm rõ thêm cơ sở lý luận, khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam. Một số tác giả đã khẳng định xây dựng khối đại đoàn kết vừa là mục tiêu, vừa là động lực, yêu

cầu tất yếu để thúc đẩy phát triển đất nước. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc còn là vấn đề chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện để phát huy sức mạnh, tinh thần dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, các công trình chỉ nghiên cứu, phân tích một số vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc nhưng chưa đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện từ quá trình hình thành, phát triển và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn ở một khu vực có tính đặc thù như đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ hai, nhiều công trình đã nghiên cứu thực trạng những vấn đề dân tộc và quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng trong thời kỳ đổi mới đất nước đến nay. Từ phân tích những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, nêu lên những vấn đề đặt ra và đề xuất các giải pháp nhằm củng cố khối đại đoàn kết. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc phân tích thực trạng, những vấn đề cơ bản, chỉ ra phương hướng, đề xuất giải pháp chung ở Việt Nam, chưa có những giải pháp đi sâu vào những vấn đề cụ thể trong từng vùng miền, địa phương, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long, chưa có những giải pháp cụ thể khắc phục triệt để những hạn chế một cách căn cơ và lâu dài.

Thứ ba, các nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở phân tích các yếu tố kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, nét văn hóa của các dân tộc, nhiều công trình đã làm rõ cơ sở lý luận cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, biện pháp củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Một số nghiên cứu cũng đã tiến đi sâu hơn phân tích thực trạng, khảo sát, phân tích số liệu, đi đến những đánh giá khách quan về quá trình xây dựng khối đoàn kết trong thực tiễn. Tuy nhiên, xét về mặt lý luận, các công trình này vẫn chưa làm sáng tỏ đầy đủ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh quyết định sự thành công trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, chưa có những phân tích chuyên sâu về những chuyển biến tích cực trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Đặc biệt, vẫn thiếu các nghiên cứu chuyên biệt đề xuất những giải pháp mang tính đột phá, phù hợp với thực tiễn địa phương, vận dụng hiệu quả và lâu dài để giải quyết triệt để những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong hiện tại và tương lai.

Tóm lại, qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, cho thấy các nhà khoa học đã bước đầu làm rõ một số nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các công trình nghiên cứu đã được các nhà khoa học nghiên cứu, phân tích ở nhiều góc độ khác nhau, nhưng do phạm vi và mục đích nghiên cứu khác nhau nên chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, các công trình trên là cơ sở lý luận và thực tiễn rất quan trọng để tác giả tiếp tục đi sâu nghiên cứu vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Từ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn và khoảng trống trong các công trình nghiên cứu trước, luận án xác định rõ định hướng nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ hơn nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc - một số vấn đề lý luận. Trong đó, luận án tập trung phân tích nội dung cốt lõi và các nguyên tắc chỉ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua, từ đó đánh giá đúng những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, làm rõ các vấn đề còn tồn tại như sự suy giảm niềm tin của một bộ phận nhân dân, tình trạng

phân hóa giàu nghèo giữa các dân tộc, sự thách thức từ các yếu tố bên ngoài (truyền thông xã hội, diễn biến hòa bình, vấn đề dân tộc, tôn giáo,...), từ đó chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, nghiên cứu dự báo xu hướng vận động của tình hình trong nước và quốc tế tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian tới; phân tích những yêu cầu mới trong bối cảnh phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết Trung ương liên quan đến xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển vùng. Từ đó, luận án đề xuất quan điểm chỉ đạo và hệ thống giải pháp có tính khả thi, lâu dài và phù hợp với thực tiễn ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tăng cường sức mạnh nội sinh và thúc đẩy phát triển bền vững khu vực trong bối cảnh mới.

Tiểu kết chương 1

Các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ nhiều khía cạnh về đại đoàn kết dân tộc từ góc độ lý luận, thực tiễn, lịch sử và chính sách, đồng thời khẳng định giá trị trường tồn, sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ vai trò của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phát huy khối đại đoàn kết; phân tích mối quan hệ giữa đại đoàn kết với ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Một số công trình đi vào thực tiễn triển khai ở các vùng dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn...; đồng thời đề xuất những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết trong bối cảnh hội nhập và đổi mới.

Tuy nhiên, từ kết quả tổng quan có thể thấy còn một khoảng trống nhất định trong nghiên cứu: thiếu các công trình chuyên sâu gắn với đặc thù của đồng bằng sông Cửu Long, là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh, đa dạng về dân tộc, tôn giáo và chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, chuyển đổi kinh tế và các yếu tố xã hội. Các nghiên cứu hiện đề cập đến xây

dựng khối đại đoàn kết dân tộc nói chung nhưng chưa chú trọng khai thác khía cạnh vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long một cách toàn diện, có hệ thống và gắn với bối cảnh mới.

Mặt khác, trong điều kiện đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ là yêu cầu chính trị cấp bách, mà còn là nhiệm vụ chiến lược lâu dài nhằm tăng cường sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh nội lực của toàn dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị và phát triển bền vững đất nước. Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nhiều thách thức đan xen về biến đổi khí hậu, dịch chuyển lao động, phân hóa xã hội và ảnh hưởng của các loại hình truyền thông mới thì việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc càng trở nên cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Do đó, việc luận án lựa chọn tiếp cận chuyên biệt và đi sâu vào nghiên cứu vấn đề “Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” là hoàn toàn cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung, làm rõ thêm những giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới; đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác xây dựng chính sách, điều hành của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể ở đồng bằng sông Cửu Long; củng cố hệ thống chính trị vững mạnh và tăng cường đồng thuận xã hội để thúc đẩy phát triển vùng trên tất cả các lĩnh vực ngày càng bền vững.

Chương 2

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Khái niệm dân tộc

“Dân tộc” được hiểu là cộng đồng người được hình thành qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử nhân loại và của mỗi quốc gia. Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2005), khái niệm dân tộc thường được hiểu theo hai nghĩa khác nhau:

Tiếp cận theo nghĩa thứ nhất, dân tộc là để chỉ một quốc gia dân tộc, phân biệt quốc gia dân tộc này với quốc gia dân tộc khác trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới; dân tộc là một cộng đồng tộc người, không phân biệt trình độ phát triển, số lượng nhiều hay ít, hay phạm vi quốc gia nơi cư trú. Ở phương diện này, dân tộc có bốn đặc điểm cốt lõi: sử dụng chung một ngôn ngữ; có chung lịch sử và nguồn gốc; đời sống văn hóa tương đồng và cùng nhận thức, tự xác định mình thuộc về dân tộc đó.

Tiếp cận theo nghĩa thứ hai, là để chỉ tộc người (ethnic), phân biệt dân tộc này với dân tộc khác trong một quốc gia dân tộc; dân tộc là một tổ chức cộng đồng thuộc lãnh thổ nhất định có những đặc trưng cơ bản là: Có một lãnh thổ chung, là vùng đất, vùng trời, vùng biển và thềm lục địa (nếu có) mà ở đó các tộc người cùng nhau sinh sống. Lãnh thổ này được phân định với các nước bằng đường biên giới trên đất liền, trên biển và trên không.

Dù hai khái niệm này không hoàn toàn giống nhau nhưng chúng có mối quan hệ mật thiết và gắn bó hữu cơ. Khi nhắc đến dân tộc Việt Nam, không thể không đề cập đến 54 dân tộc (tộc người) đang cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Đây là một cộng đồng rộng lớn, đa dạng quyết định sự phát triển bền vững của quốc gia. Về ngôn ngữ và văn hóa, dân tộc là chủ thể sáng tạo và lưu truyền một hệ thống giá trị văn hóa bao gồm tín ngưỡng, tập quán, nghệ thuật, đạo lý sống và hệ biểu tượng mà qua đó các thế hệ duy trì bản sắc và khẳng định sự khác biệt của mình với cộng đồng

khác. Về đời sống kinh tế, dân tộc được hình thành và củng cố qua quá trình phát triển sản xuất chung, trao đổi nội bộ, hình thành lợi ích kinh tế thống nhất, nền tảng vật chất để có kết cộng đồng. Đặc điểm quan trọng nhất của dân tộc là một chỉnh thể thống nhất, có ý thức tự giác cộng đồng dân tộc, có cùng cội nguồn, lịch sử, số phận và khát vọng. Chính yếu tố này tạo nên bản chất chính trị - xã hội của dân tộc, phân biệt nó với các hình thức cộng đồng đơn giản như bộ lạc, thị tộc. Trong bối cảnh hiện đại, dân tộc là chủ thể của quốc gia, là nền tảng để xây dựng nhà nước dân tộc, nơi nhân dân thực hiện quyền lực chính trị của mình thông qua nhà nước. Dân tộc cũng là lực lượng trung tâm trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ chủ quyền, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ giá trị chung cho quốc gia.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về “Dân tộc”: Khi đề cập đến Dân tộc, Người thường dùng khái niệm “Đồng bào” để nói rằng, các dân tộc trên đất nước Việt Nam đều có chung một nguồn cội: “Con Rồng, cháu Tiên” [80, tr.91]; con “Lạc cháu Hồng” [73, tr.229] đều là anh em một nhà, con cháu của các vua Hùng. Người từng khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta” [77, tr.38]. Người cho rằng quyền độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Người lên án mọi hình thức áp bức, thống trị của chủ nghĩa thực dân, đồng thời khẳng định mạnh mẽ rằng: “Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [74, tr.1]. Từ đó, Người đề cao vai trò của tinh thần yêu nước như một nguồn sức mạnh vĩ đại, là động lực thúc đẩy dân tộc đứng lên giành độc lập và xây dựng đất nước. Theo Người, dân tộc Việt Nam chỉ có thể phát triển khi các giai cấp, tôn giáo, cộng đồng các dân tộc bao gồm cả dân tộc đa số và thiểu số cùng chung sức, đồng lòng vì mục tiêu chung. Từ những luận điểm trên, có thể khẳng định: Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân tộc là sự kết tinh giữa tinh thần yêu nước truyền thống với lý luận cách mạng khoa học, giữa khát vọng độc lập tự do với lý tưởng nhân đạo và tiến bộ xã hội.

Từ những quan điểm trên, có thể khái quát: *Dân tộc là một cộng đồng người sinh sống trong một quốc gia, có chung một nhà nước, một lãnh thổ, một nền kinh tế, một chế độ chính trị – xã hội, có ngôn ngữ và văn hóa chung, thống nhất.*

Như vậy, khái niệm dân tộc trong đề tài luận án của tác giả được tiếp cận theo nghĩa là quốc gia - dân tộc, là dân cư của một quốc gia.

2.1.2. Khái niệm đại đoàn kết

“Đại đoàn kết” được bắt nguồn từ khái niệm “đoàn kết”. Theo *Từ điển Chính trị vắn tắt* (Nhà xuất bản Matxcova, 1998): đoàn kết là sự tập hợp nhiều cá nhân thành một khối vững chắc, đồng lòng và nhất trí, đồng thời ủng hộ các phong trào, tổ chức hay cá nhân dựa trên sự tương đồng về quan điểm hoặc lợi ích. Đây còn là sự phối hợp trong hoạt động và hành động. Theo Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý (1998): Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau.

Đoàn kết còn được tiếp cận ở nhiều phương diện khác nhau, trong đó hàm chứa những nội dung phong phú; đoàn kết là sự hợp nhất các nhân tố, các bộ phận thành một hệ thống có trật tự theo một quy trình vận động và chặt chẽ, tạo nên một tổng hợp lực, nhằm phát huy sức mạnh theo cấp số nhân đối với từng bộ phận riêng lẻ. Nó không phải là một phép cộng đơn giản, máy móc của từng cá nhân lại với nhau để thành một tổng số, mà là quá trình tích lũy từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi căn bản về chất của sự đoàn kết.

Trong *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê (2003) cùng một số tài liệu khác cho rằng: “đoàn kết” là sự kết hợp thành một khối thống nhất, hoạt động vì mục tiêu chung; còn “đại đoàn kết” mang nghĩa mở rộng hơn, là sự đoàn kết ở quy mô lớn. Những định nghĩa này mang tính phổ thông, cơ bản và chưa đi phân tích sâu ở các khía cạnh.

Trên phương diện tổ chức, đoàn kết dùng để chỉ một cấp độ cao của sự tập hợp mang tính tự giác của từng cá nhân, của tổ chức. Trong tập hợp đó có tính cố kết, liên kết, ràng buộc, chế định lẫn nhau, nếu thiếu nó sẽ không thể thực hiện thắng lợi được các mục tiêu và nhiệm vụ của tổ chức đề ra. Sự thống nhất trong đa dạng của tổ chức sẽ tạo nên tính năng động, sáng tạo của tổ chức. Đó chính là sự thống nhất giữa “cái riêng và cái chung”, “cá nhân và tập thể” trong tổ chức xây dựng đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Trên phương diện xã hội, đoàn kết là sự đồng thuận, đồng tâm, đồng sức của các thành viên trong cộng đồng xã hội. Mọi người thống nhất với nhau và thuận lòng

gắn bó với nhau để cùng hành động vì mục tiêu chung. Cho dù có sự khác biệt nhất định nhưng thông qua mục tiêu chung các cá nhân tìm thấy lợi ích và quyền lợi của mình, tìm thấy chỗ đứng của mình trong cộng đồng xã hội. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng.

Trên phương diện văn hóa, đoàn kết chính là một giá trị đạo đức của con người và xã hội loài người. Trong đoàn kết, con người thể hiện ý thức cộng đồng, lòng vị tha, đức bao dung và tinh thần trách nhiệm gắn bó giữa cá nhân với tập thể, mình vì mọi người và mọi người vì mình, kết hợp giữa lợi ích riêng và lợi ích chung. Đoàn kết còn thể hiện tính xã hội của con người cùng đồng lòng, đồng sức nhằm bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa của nhân loại.

Từ những quan điểm cho thấy, đoàn kết là sự kết hợp của các cá nhân để cùng chung sức lực, tinh thần và ý chí để đạt được một mục tiêu chung. Nó bao gồm sự đồng tình, sự hợp tác và sự tôn trọng lẫn nhau để tạo ra một sức mạnh lớn hơn, đem lại hiệu quả cao hơn và giải quyết các vấn đề khó khăn một cách nhanh hơn. Đoàn kết mang lại nhiều lợi ích cho cả cá nhân và cộng đồng, giúp giải quyết các vấn đề khó khăn, tăng cường tinh thần làm việc, tạo ra một cộng đồng mạnh mẽ đoàn kết chặt chẽ cùng hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để đạt được mục tiêu chung. Đoàn kết đòi hỏi sự hiện diện của cả chủ thể và đối tượng, nhằm đạt được mục tiêu hành động chung. Đây là quá trình tập hợp và gắn kết các cá nhân thành một lực lượng thống nhất, qua đó tăng cường sức mạnh cho cộng đồng và xã hội. Để xây dựng một khối đoàn kết vững chắc, không chỉ cần ý chí, tinh thần và niềm tin, mà còn đòi hỏi sự hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của tập thể và cộng đồng.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát: *đoàn kết là sự gắn bó, thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động, sự liên minh chặt chẽ, thống nhất gồm nhiều người trong một quốc gia - dân tộc cùng đồng tâm, hiệp lực để tạo nên sức mạnh tổng hợp vượt qua khó khăn, thử thách, bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vì mục đích chung.*

Với tinh thần nhân văn cao cả, suốt cả cuộc đời, Hồ Chí Minh đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh đã nhiều lần sử dụng cụm từ “đại đoàn kết” với nhiều phương diện khác nhau. Trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ, Người khẳng định: “Đối với những đồng bào lạc lối lầm

đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có thể mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang” [74, tr.280-281]. Trong thư gửi đồng bào Công giáo ngày 14/10/1945, Người viết: “Dân tộc ta suy hay thịnh, mất hay còn, chính ở trong lúc này. Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà” [74, tr.55]. Trong tác phẩm Sửa đổi lỗi làm việc, Người khẳng định: “Từ nay, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, phải kiên quyết chữa cái bệnh hẹp hòi đó để thực hành chính sách đại đoàn kết”. Trong bài Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc, Người nói:

“Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [79, tr. 244].

Đây được xem là định nghĩa đầy đủ nhất của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết. Như vậy, *đại đoàn kết được hiểu là sự thống nhất cao độ, liên minh chặt chẽ với quy mô rộng lớn gồm nhiều người trong một quốc gia - dân tộc không phân chia giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, tín ngưỡng, văn hóa, giàu nghèo, giới tính, ... để tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm hướng đến mục đích chung là xây dựng thành khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, lớn mạnh, thống nhất vì sự phát triển bền vững.*

Khái niệm “đại đoàn kết” thể hiện rõ là sự thống nhất cao độ và liên minh chặt chẽ của đông đảo các lực lượng xã hội trong phạm vi một quốc gia - dân tộc. Bản chất của đại đoàn kết không phải là sự xóa bỏ hay phủ nhận những khác biệt vốn có về giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, tín ngưỡng, văn hóa, mức sống hay giới tính, mà là sự gắn kết các chủ thể xã hội đa dạng ấy trong một chỉnh thể thống nhất trên cơ sở mục tiêu chung và lợi ích căn bản của dân tộc. Chính tính bao trùm, rộng mở đã làm nên nội dung cốt lõi của đại đoàn kết, bảo đảm cho sự thống nhất xã hội được hình thành một cách tự giác, bền vững.

Trên cơ sở đó, đại đoàn kết tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn, kết tinh và phát huy tối đa các nguồn lực vật chất, tinh thần, trí tuệ và văn hóa của toàn dân tộc. Sự liên minh chặt chẽ giữa các cá nhân, cộng đồng và lực lượng xã hội khác nhau cho phép chuyển hóa sự đa dạng thành động lực phát triển, đồng thời hạn chế nguy cơ phân hóa và xung đột lợi ích. Mục đích cao nhất của đại đoàn kết là hướng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, lớn mạnh và thống nhất, làm nền tảng quan trọng cho sự ổn định lâu dài và phát triển bền vững của đất nước trong mọi giai đoạn lịch sử.

2.1.3. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh: “đại đoàn kết dân tộc là hệ thống những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp giáo dục, tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng nhằm phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là tư tưởng xây dựng, củng cố và mở rộng lực lượng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và xây dựng xã hội mới” [63, tr.165].

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề đại đoàn kết dân tộc. Tuy cách diễn đạt của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc rất phong phú trong cách dùng từ như: đoàn kết, đại đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết các dân tộc, đại đoàn kết toàn dân tộc,... nhưng nội hàm của các khái niệm trên đều đề cập đến đại đoàn kết dân tộc mà trong đó lực lượng đoàn kết là toàn dân tộc Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được tạo nên bởi bốn yếu tố cơ bản “Đông, Địch, Kết, Đồng”, Người nói: *“Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!”* [73, tr.266]. “Đông” là dùng để chỉ sự tập hợp lực lượng của đoàn kết. Đoàn kết đòi hỏi phải có lực lượng. Để tạo ra sức mạnh của lực lượng thì phải đoàn kết. Người khẳng định: “Đoàn kết là lực lượng mạnh nhất của chúng ta. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi” [79, tr.90]. “Địch” là sự tập hợp lực lượng cách mạng để thực hiện mục đích chung thống nhất. Theo Người, mục đích chung của đoàn kết là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. “Kết” là sự gắn kết, liên kết số đông người có cùng

chung một lý tưởng để tạo thành một khối thống nhất chặt chẽ. “Đồng” là sự đồng tâm - nhất trí, đồng lòng - đồng sức, đồng tâm - hiệp lực.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Người viết: *“Đảng ta đã khéo tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong Mặt trận dân tộc thống nhất, thực hiện đoàn kết dân tộc để đấu tranh chống đế quốc và phong kiến”* [82, tr.417]. Theo Hồ Chí Minh, để đại đoàn kết dân tộc nhân dân phải cùng hướng về một lợi ích chung, thống nhất đó là độc lập, tự do của Tổ quốc; ấm no, hạnh phúc của nhân dân cùng sinh sống trong một lãnh thổ, đất nước Việt Nam; các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo hay người Việt Nam ở ngoài nước luôn xem nhau là anh em ruột thịt sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau. Đại đoàn kết các dân tộc chính là kết quả tất yếu trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh cho rằng: đại đoàn kết dân tộc là tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc. “Dân” hay “nhân dân” hay “đồng bào các dân tộc” vừa là tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể và tất cả đều là chủ thể để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam. Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đã phân tích, có thể khái quát: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là hệ thống quan điểm về vị trí, vai trò, chủ thể, nguyên tắc, hình thức, phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng trên cơ sở thống nhất về mục tiêu chung và những lợi ích căn bản, bình đẳng, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo, giai cấp, giới tính, vùng miền, ... tạo ra sức mạnh phục vụ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc.*

Khái niệm đã chỉ rõ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là một hệ thống quan điểm toàn diện và nhất quán, khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Người coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Chủ thể của khối đại đoàn kết là toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, giới tính, vùng miền hay quá khứ xã hội; trong đó, nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Việc tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng phải

dựa trên sự thống nhất về mục tiêu chung và những lợi ích căn bản của dân tộc, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt, không kỳ thị và loại trừ.

Trên cơ sở đó, tư tưởng Hồ Chí Minh xác định rõ các nguyên tắc, hình thức và phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử và điều kiện cụ thể của đất nước. Đoàn kết không chỉ dừng lại ở tinh thần hay khẩu hiệu mà phải được tổ chức thành sức mạnh hiện thực thông qua các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất, gắn liền với thực hành dân chủ, thuyết phục, nêu gương và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các lực lượng xã hội. Nhờ đó, đại đoàn kết dân tộc trở thành sức mạnh to lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc trước đây, đồng thời tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.1.4. Khái niệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2003), cụm từ “xây dựng” trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tạm dịch: làm cho hình thành và phát triển theo một định hướng nhất định về tư tưởng, tổ chức, quan hệ xã hội có chiến lược.

Xây dựng còn được hiểu là quá trình kiến tạo có chủ đích, mang tính kế hoạch, hướng đến củng cố, hoàn thiện và phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng, góp phần hình thành một khối thống nhất về ý chí, niềm tin và hành động vì mục tiêu phát triển chung. Quá trình này bao gồm việc định hướng tư tưởng, xây dựng thể chế, các cơ chế chính sách và tổ chức thực tiễn nhằm huy động, tập hợp, gắn kết các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, giai cấp và các thành phần xã hội trên cơ sở lợi ích chung, mục tiêu chung vì sự phát triển bền vững của quốc gia - dân tộc. Xây dựng không chỉ đơn thuần là việc thiết lập một cách hình thức mà còn là quá trình vận động, duy trì và phát triển khối đại đoàn kết thông qua các biện pháp chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp lý và ngoại giao, đảm bảo sự thống nhất trong đa dạng, sự đồng thuận trong hành động, và sự bền vững của sự gắn kết dân tộc. Như vậy, có thể khái quát: *xây dựng chính là một quá trình kiến tạo liên tục, lâu dài, mang tính chiến lược nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng lòng của toàn dân vì lợi ích quốc gia, dân tộc.*

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên, thẩm nhuần lời dạy của Lênin: “vấn đề dân tộc như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản [71, tr.299], Hồ Chí Minh nhận thức rằng trong điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến vấn đề dân tộc là vấn đề trung tâm, giải quyết nó là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải đoàn kết dân tộc, đây là nhân tố quyết định sự thành công hoàn toàn của cách mạng giải phóng dân tộc và thắng lợi của cuộc cách mạng này tạo tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng với sự hiểu biết sâu sắc lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh chỉ ra những luận cứ cách mạng và khoa học làm cơ sở xuất phát cho chiến lược đại đoàn kết các dân tộc của Đảng. Người cho rằng: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác – Lênin” [82, tr.672].

Từ thực tiễn của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức rằng muốn giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được một khối đại đoàn kết dân tộc. Chỉ khi toàn dân đồng lòng, kết thành một khối thống nhất, cách mạng mới có đủ sức mạnh để lật đổ ách đô hộ, giành lại độc lập, tự do. Với Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ là một chiến lược mà còn là một nguyên tắc mang tính sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Người không chỉ kêu gọi đoàn kết trong phạm vi một giai cấp mà nhấn mạnh vào việc kết nối toàn dân tộc, bất kể giai tầng xã hội, dân tộc hay tôn giáo, miễn là cùng chung một mục tiêu giải phóng dân tộc. Đây chính là tư tưởng cốt lõi tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam, giúp dân tộc ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mặc dù Hồ Chí Minh không nêu khái niệm cụ thể nào về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhưng thông qua những bài nói chuyện, bài viết, bài phát biểu của Người về đại đoàn kết, đoàn kết dân tộc, đại

đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc,... đều hướng đến mục tiêu to lớn và lâu dài là tập hợp tất cả quần chúng nhân dân không bỏ sót một ai, xây dựng thành một khối vững chắc để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không còn có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa” [74, tr.130].

Hồ Chí Minh đã nhận thức được yêu cầu khách quan của lịch sử, cho nên, Người đặc biệt quan tâm đến xây dựng khối đoàn kết các dân tộc trong việc bảo đảm thắng lợi của cách mạng. Người khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” [83, tr.119].

Để xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, theo Hồ Chí Minh phải thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Người khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [82, tr.371]. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện được đoàn kết dân tộc, quyền bình đẳng mà trước hết là bình đẳng về kinh tế được quan tâm đúng mức, Hồ Chí Minh cho rằng phải chú trọng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc, từng bước nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho họ làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi. Người nói: “Trung ương Đảng và Chính phủ, mà trực tiếp là các cấp ủy Đảng, các ủy ban địa phương, các cô, các chú phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc” [84, tr.166]. Để xây dựng khối đoàn kết dân tộc bền vững, cần triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc trên nhiều lĩnh vực, thực hiện tốt chính sách dân tộc đồng nghĩa với việc đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển và khắc phục sự chênh lệch về trình độ giữa các dân tộc, Người nói:

“Cán bộ địa phương, dân tộc, phải cố gắng học tập, đoàn kết chặt chẽ với cán bộ miền xuôi lên công tác, tránh tư tưởng dân tộc hẹp hòi” [81, tr.523].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần nhân văn, bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc là nguyên tắc nền tảng trong quan hệ giữa người với người, giữa dân tộc với dân tộc. Người luôn đề cao vai trò của tinh thần hữu nghị, tương trợ giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới, coi đó là điều kiện quan trọng để duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt về chủng tộc, màu da, ngôn ngữ hay tín ngưỡng không thể là lý do để phân biệt đối xử hay gây chia rẽ giữa các cộng đồng. Mọi dân tộc, dù lớn hay nhỏ, dù đa số hay thiểu số đều có quyền được tôn trọng và bình đẳng như nhau. Chính vì vậy, Người khẳng định: “Bất kỳ dân tộc nào cũng đều là anh em một nhà, chia rẽ dân tộc là không tốt” [81, tr.523]. Câu nói giản dị nhưng hàm chứa tư tưởng nhân văn sâu sắc, thể hiện rõ quan điểm chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, phản đối chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và kêu gọi tăng cường đoàn kết toàn dân tộc. Khẳng định tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong thư gửi đến Đại hội các dân tộc thiểu số ở PlâyCu (4/1946), Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau;... Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta;... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta” [74, tr.249].

Những câu nói thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia dân tộc. Đoàn kết không chỉ là sự đồng thuận về chính trị mà còn là sự chia sẻ trong cuộc sống, sự đồng cam cộng khổ giữa các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc, cùng chung một vận mệnh dân tộc.

Vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long càng mang ý nghĩa chiến lược. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cộng đồng dân tộc Việt Nam, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Mục tiêu quan trọng là đảm bảo sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân, đồng bào các dân tộc. Đồng thời, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, là nền tảng cho sự phát triển bền vững, toàn diện, tạo sự gắn kết bền chặt giữa các dân tộc, góp phần ngăn chặn âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết của các thế lực thù địch.

Từ những quan điểm trên cho thấy việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là quá trình phát huy sức mạnh toàn dân tộc trên cơ sở lấy nhân dân làm gốc, đoàn kết giữa các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân và người Việt Nam ở nước ngoài dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm tạo nên một khối thống nhất, bền chặt, cùng chung mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải gắn bó chặt chẽ với đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân cư và sinh kế của địa phương; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các dân tộc anh em, giữa phát triển kinh tế và ổn định xã hội, giữa bảo tồn giá trị truyền thống và đổi mới sáng tạo. Đây là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, nhân tố quyết định thành công trong phát triển bền vững khu vực giàu tiềm năng về nhiều mặt nhưng cũng đầy thách thức. Khẳng định xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng phù hợp với xu thế phát triển của vùng trong bối cảnh mới.

Như vậy, *xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là quá trình vận dụng hệ thống quan điểm, chủ thể, nguyên tắc, hình thức và phương pháp của Hồ Chí Minh để huy động, tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài để xây dựng thành khối đại đoàn kết dân tộc thống nhất về ý chí, niềm tin và hành động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở lấy dân làm gốc; phát huy quyền*

làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở đồng bằng sông Cửu Long, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khái niệm cho thấy xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những vấn đề cốt lõi: Thứ nhất, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải đặt trên nền tảng vận dụng hệ thống quan điểm, nguyên tắc, phương pháp của Hồ Chí Minh. Đây là kim chỉ nam, bảo đảm cho sự đúng đắn và khoa học của đường lối. Thứ hai, phải huy động, tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài. Thứ ba, xác định khối đại đoàn kết phải thống nhất ý chí, niềm tin và hành động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là điều kiện tiên quyết bảo đảm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh. Thứ tư, lấy dân làm gốc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân. Thứ năm, xây dựng khối đoàn kết phải gắn với tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Thứ sáu, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở tạo đồng thuận xã hội và niềm tin chính trị trong nhân dân. Thứ bảy, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long không chỉ vì lợi ích vùng mà còn góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh mang ý nghĩa chiến lược lâu dài, lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam trong và ngoài nước. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, nhân dân là trung tâm, cùng chung ý chí và hành động, tạo nên động lực to lớn cho sự phát triển bền vững của đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời góp phần củng cố và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

2.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.2.1. Vị trí, vai trò của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

2.2.1.1. Vị trí của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, có vị trí hàng đầu trong hệ thống tư tưởng của Người, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [85, tr.611]. Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là một trong những nội dung nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn hơn thế nữa, vượt qua khuôn khổ tư tưởng thuần túy, nó trở thành nguồn sức mạnh, động lực tinh thần bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh coi việc xây dựng khối đại đoàn kết là vấn đề chiến lược có ý nghĩa sống còn lâu dài, không phải là sách lược tạm thời trong từng lúc, từng nơi, lại càng không phải là một thủ đoạn chính trị. Đây là vấn đề cơ bản nhất về đại đoàn kết dân tộc, phân biệt giữa đại đoàn kết dân tộc chân chính với các kiểu đoàn kết dân tộc vì những động cơ khác. Trong thực tế, ở nhiều thể chế chính trị khác nhau, sự tập hợp lực lượng nhân dân vì những mục tiêu khác nhau của lực lượng này hay lực lượng khác. Nếu không xác định thực hiện đại đoàn kết dân tộc là một nhiệm vụ chiến lược, vì nhân dân mà chỉ coi đó là thủ đoạn chính trị thì tất sẽ dẫn tới khối đại đoàn kết sẽ không bền vững, sẽ thay đổi khi mục tiêu chính trị đã thay đổi, lực lượng nhân dân trở thành công cụ để phục vụ mục tiêu chính trị cho một bộ phận lợi ích nhóm.

Khi đề cập đến vị trí khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã chỉ ra minh chứng từ thắng lợi của Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Người nêu lên vấn đề vì sao có cuộc thắng lợi đó? Và một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi đó là nhờ vào sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [73, tr.256].

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để tranh thủ thuận lợi, thời cơ, đẩy lùi nguy cơ,

vượt qua khó khăn, thử thách thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ để giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mà còn nhằm khai thác, phát huy nguồn lực vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn, thách thức nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2.2.1.2. Vai trò của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc luôn giữ vai trò rất quan trọng, là mục tiêu chiến lược, động lực thúc đẩy sự thành công của cách mạng. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng, nhờ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mà dân tộc ta đã từng bước xây dựng được cơ đồ của đất nước vững chắc.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là sự thể hiện đầy đủ, rõ nét sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc đã đưa Cách mạng Tháng Tám đi đến thắng lợi vẻ vang và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945), làm nên chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), chiến thắng vĩ đại trong kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1975) và thành tựu to lớn gần 40 năm đổi mới đất nước (từ 1986 đến nay), tiếp tục đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên thứ 3, Kỷ nguyên Vươn mình của dân tộc.

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Trong buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam (3/1951), Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước toàn thể dân tộc, mục đích của Đảng Lao động Việt Nam gồm trong 8 chữ là: “Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc” [83, tr.49].

Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, do quần chúng, vì quần chúng nhân dân. Đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng có nhiệm vụ thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng đấu tranh một cách tự giác, có tổ chức thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Tóm lại, *xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn giữ vị trí, vai trò rất quan trọng,*

được xem nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng, là nền tảng vững chắc để cách mạng thành công, tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước lên một tầm cao mới.

2.2.2. Nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một tư tưởng lớn của của Hồ Chí Minh được đúc kết từ trong nhận thức và trong thực tiễn hoạt động cách mạng. Những vấn đề cốt lõi trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

2.2.2.1. Xác định nhân dân là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc

Hồ Chí Minh luôn xem nhân dân là nền tảng của khối đại đoàn kết. Người nhấn mạnh: *“Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”* [80, tr.453]. Hồ Chí Minh cho rằng: *“cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”* [82, tr.672], Người luôn tìm cách để huy động toàn thể nhân dân, không bỏ sót bất kỳ lực lượng nào tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung. Sự nghiệp cách mạng từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành hiện thực để chứng minh cho chân lí mà Hồ Chí Minh nêu ra: *“Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”* [75, tr.333]. Theo Hồ Chí Minh, *“dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”* [85, tr.280]. Do vậy, khối đại đoàn kết phải được xây dựng trên nền tảng nhân dân, mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chỉ khi huy động được sức mạnh to lớn của nhân dân, cách mạng mới có cơ sở vững chắc để giành thắng lợi.

2.2.2.2. Đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nhân dân trong và ngoài nước

Điểm nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là tinh thần rộng mở, không giới hạn đối tượng đoàn kết. Người khẳng định một cách nhất quán và rõ ràng: *“Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”* [74, tr.244]. Quan điểm này thể hiện tầm nhìn chiến lược, vượt lên những rào cản hẹp hòi, cục bộ, đồng thời khẳng định bản chất nhân văn, dân chủ sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Theo Hồ Chí Minh, khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, mà còn phải mở rộng tới mọi tầng lớp xã hội, mọi giai cấp, mọi tôn giáo, mọi cộng đồng dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam. Ngay cả những người từng có sai lầm, lầm đường lạc lối, nếu biết hướng về dân tộc, về Tổ quốc, thì đều được cảm hóa, tập hợp và tạo điều kiện để cống hiến. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa nguyên tắc và linh hoạt, giữa kiên định mục tiêu độc lập dân tộc với tinh thần khoan dung, hòa hợp, nhằm quy tụ tối đa mọi nguồn lực cho sự nghiệp cách mạng.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm sâu sắc tới vấn đề đoàn kết tôn giáo và đoàn kết các dân tộc thiểu số, coi đây là bộ phận hữu cơ của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Người luôn nhấn mạnh việc tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời khẳng định đồng bào các tôn giáo đều là công dân Việt Nam, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng đó góp phần hóa giải những mâu thuẫn tiềm ẩn, tăng cường sự gắn bó, đồng thuận xã hội, tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho cách mạng Việt Nam.

Một nội dung có ý nghĩa đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là quan điểm coi đồng bào Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Người cho rằng dù sống ở đâu, làm gì, miễn là có lòng yêu nước, hướng về quê hương, thì đều là lực lượng quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân. Quan điểm này không chỉ mang giá trị nhân văn sâu sắc mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài, mở rộng không gian đoàn kết vượt ra ngoài biên giới lãnh thổ, biến tinh thần yêu nước thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nhân dân trong và ngoài nước đã nâng đại đoàn kết từ một yêu cầu mang tính sách lược lên tầm chiến lược lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chính sự rộng mở, linh hoạt nhưng nhất quán về mục tiêu ấy đã làm cho khối đại đoàn kết dân tộc trở thành nguồn sức mạnh to lớn, bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mọi giai đoạn lịch sử.

2.2.2.3. Lấy mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội làm điểm quy tụ

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở thống nhất lợi ích dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: nếu mục tiêu của sự đoàn kết không hướng tới độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân thì sẽ không thể bền vững. Chính mục tiêu cao cả ấy đã trở thành sợi chỉ đỏ, kết nối mọi lực lượng thành một khối thống nhất. Khối đại đoàn kết dân tộc chỉ bền vững khi cùng quy tụ về một mục tiêu chung. Với Hồ Chí Minh, mục tiêu đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” [85, tr.131]. Đây là mục tiêu hàng đầu trong cách mạng giải phóng dân tộc mà đến nay giá trị vẫn trường tồn. Đồng thời, Hồ Chí Minh cho rằng: “...chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [80, tr.128]. Vì vậy, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt, bảo đảm cho sự đoàn kết lâu dài, vững chắc.

2.2.2.4. Thực hành khoan dung, độ lượng, xóa bỏ mặc cảm, thành kiến để mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc

Để mở rộng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh chủ trương thực hành khoan dung, độ lượng, hóa giải mọi mặc cảm, định kiến. Người nói: “*Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù trước đây họ chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ*” [79, tr.244]. Người luôn nhấn mạnh tinh thần “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, lấy cái lớn để vượt qua cái nhỏ, hướng về tương lai để hóa giải mặc cảm quá khứ. Đây là nguyên tắc quan trọng để củng cố và mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, biến sự khác biệt thành đa dạng trong thống nhất.

Hồ Chí Minh chỉ rõ:

“Tôi cả quyết cam đoan rằng Chính phủ và đồng bào ta sẽ hết sức khoan hồng đại độ. Chẳng những để cho những người đó cải quá tu tâm, quay về với Tổ quốc, mà lại sẵn sàng trọng dụng họ, nếu những người đó có tài nghệ. Một dân tộc đã tự cường, tự lập, dân chủ cộng hòa thì không làm những việc nhỏ nhen, báo thù báo oán” [75, tr.39].

Có khoan hồng đại độ, thì mới có đại đoàn kết, đó cũng là một triết lý đại đoàn kết rất sâu sắc của Hồ Chí Minh. Khoan hồng đại độ không chỉ thể hiện cái tâm, mà còn thể hiện cái tầm của chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Hình ảnh thể hiện của tinh thần khoan dung chính là sông to và biển rộng, Người cho rằng: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ” [76, tr.130].

2.2.2.5. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với đường lối, chính sách Đảng, Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn đoàn kết được nhân dân, trước hết phải có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng chính đáng của họ, từ đó thu hút nhân dân đi theo. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một nội dung của đường lối cách mạng, chứ không chỉ là công cụ vận động. Nếu chính sách không hợp lòng dân, thì dù phương pháp vận động có khéo đến mấy cũng không thể tập hợp được lực lượng quần chúng. Người nói: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi” [79, tr.18]. Ngược lại, nếu đường lối đúng đắn, hợp lòng dân, thì dù phương pháp vận động còn vụng về, cán bộ có thể mắc sai lầm, nhân dân vẫn bao dung, chia sẻ và hỗ trợ sửa chữa để cùng vượt qua khó khăn. Người căn dặn: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh” [74, tr.65]. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn kiên trì xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua các hình thức tổ chức mặt trận với những tên gọi khác nhau, xem đó là một tất yếu khách quan của cách mạng. Người luôn nhất quán chủ trương thật thà, chân thành trong xây dựng và xử lý các mối quan hệ, nhất là khi cách mạng gặp khó khăn, phức tạp.

Có đoàn kết mới có thể thành công nên đoàn kết là điểm xuất phát và là soi chiếu để tổ chức xây dựng đội ngũ, hình thành lực lượng cách mạng. Ở bất cứ thời kỳ cách mạng nào, khi xây dựng đường lối chiến lược, chủ trương hành động, đều là xác định được những mục tiêu, định hướng và phương pháp phù hợp với nguyện

vọng, quyền lợi của đại đa số quần chúng nhân dân mới có thể thu hút và phát huy triệt để sức mạnh của quần chúng vào sự nghiệp cách mạng.

2.2.3. Chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cũng là xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chữ “đại” trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là biên độ của đại đoàn kết được mở rộng tối đa, là đoàn kết với mọi đối tượng, lực lượng có thể đoàn kết được.

Xây dựng khối đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chính là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và những người yêu nước đang sống ở nước ngoài. Đây không phải tư tưởng điều hòa giai cấp, xóa nhòa giai cấp, mà là tư tưởng đoàn kết rộng rãi trên nguyên tắc: không khi nào vì nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp. Với các dân tộc ít người thì thực hiện đoàn kết trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi. Với các tôn giáo, phải tôn trọng tự do tín ngưỡng của người theo đạo, đoàn kết giữa những người không theo tôn giáo với người có đạo. Trong đánh giá con người cụ thể, Hồ Chí Minh không bao giờ để định kiến giai cấp làm phai mờ bản chất dân tộc. Người luôn tìm thấy những nhân tố dân tộc trong con người Việt Nam, kể cả trong những hoàn cảnh éo le nhất, chỉ trừ bọn cố tình phản bội lại Tổ quốc. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ, Người khuyên:

“Đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu Tổ quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang” [74, tr.208-281].

Hồ Chí Minh xác định các đối tượng, lực lượng của khối đại đoàn kết bằng phương pháp rất khoa học. Theo Người, dân tộc là một cộng đồng hiện thực của

những con người hiện thực. Để nhận diện đúng cộng đồng ấy, Người tiếp cận cộng đồng dân tộc bằng nhiều phương diện khác nhau chẳng hạn như: giai cấp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, lứa tuổi, vùng miền,... Tùy theo từng phương diện sẽ chia cộng đồng dân tộc thành những lực lượng xã hội khác nhau, với những đặc điểm về nhu cầu, lợi ích, tâm lý, thái độ khác nhau. Hồ Chí Minh không tuyệt đối hóa một phương diện nào hay quan hệ nào. Trái lại, luôn nhìn các đối tượng lực lượng đại đoàn kết dân tộc một cách toàn diện, khách quan.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được xác định bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và nhân dân nói chung và người Việt Nam yêu nước đang sống ở nước ngoài. Mỗi chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đều giữ vai trò quan trọng khác nhau, tổng hợp lại sẽ tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc Việt Nam, cụ thể:

2.2.3.1. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò là “hạt nhân” lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phải đặc biệt chú trọng yếu tố “hạt nhân” là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng vì đó là điều kiện cho sự Đoàn kết ngoài xã hội. Đảng xây dựng chủ trương, hoạch định đường lối đúng đắn, sáng tạo để đoàn kết các dân tộc cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ trương, đường lối xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng là định hướng chính trị, là nguyên tắc chủ đạo cho phương hướng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Bởi vì đồng bào không chỉ tin vào Đảng có đường lối đúng đắn, sáng tạo mà đồng bào ta còn tin tưởng vào sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hướng về Đảng, chung sức xây dựng, bảo vệ Đảng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể khởi xướng, vun đắp, lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh cho rằng: “...sức cách mạng phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh” [72, tr.289]. Đảng có vai trò lãnh đạo trong việc đảm bảo các lợi ích của nhân dân. Do đó, mỗi đảng viên phải là người có đạo đức cách mạng, là công bộc của dân, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng

định: “Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân Đảng ta không có lợi ích nào khác. Vì vậy, cán bộ và đảng viên phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ hết sức trung thành của nhân dân” [83, tr.107]. Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước là nhằm thực hiện đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng:

“Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là: Các dân tộc đều bình đẳng và phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em. Đồng bào miền xuôi phải ra sức giúp đỡ đồng bào miền ngược cùng tiến bộ về mọi mặt. Chính sách đúng đắn ấy đã bắt đầu đạt những kết quả tốt đẹp” [83, tr.495].

Để hoàn thành sứ mệnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam phải là một đảng trí tuệ, cách mạng và thống nhất. Chỉ có một Đảng như vậy mới đủ sức tập hợp, xây dựng, lãnh đạo xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc. Sự đoàn kết trong Đảng phải gắn bó mật thiết với đoàn kết dân tộc. Khi nói về bệnh hẹp hòi trong Đảng và sự cần thiết phải đoàn kết ngoài Đảng, Hồ Chí Minh chỉ rõ:

“Họ quên rằng: chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước. Họ quên rằng: so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một người đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Vì vậy ta cần phải hợp tác với những người ngoài Đảng. Ta không được khinh rẻ họ, chê bai họ. Ta phải liên lạc mật thiết với dân chúng. Không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định thất bại” [75, tr.278].

Đối với địa phương, Hồ Chí Minh giao cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương phải chăm lo, giúp đỡ các đồng bào các dân tộc về mọi mặt, Người còn chỉ rõ: “Trung ương Đảng và Chính phủ, mà trực tiếp là các cấp ủy đảng, các ủy ban địa phương, các cô, các chú, phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc” [84, tr.166].

2.2.3.2. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Hồ Chí Minh khẳng định chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ, Chính phủ là người đầy tớ của nhân dân. Chính phủ có một mục đích: hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Người đã chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa Chính phủ với nhân dân các dân tộc trong một khối đoàn kết thống nhất để thực hiện mục tiêu độc lập, tự do của Tổ quốc và ấm no hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối... nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [74, tr.64].

Để đoàn kết đồng bào các dân tộc, Chính phủ phải quan tâm đến lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân dân các dân tộc, Người nói: “Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa,... Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ...” [74, tr.258]. Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Người nhấn mạnh nhiệm vụ của Chính phủ phải giúp nhân dân các dân tộc thiếu số về mọi mặt: “1- Dân tộc bình đẳng: Chính phủ sẽ bãi bỏ hết những điều hủ tị cũ, bao nhiêu bất bình (đẳng) trước sẽ sửa chữa đi. 2- Chính phủ sẽ gắng sức giúp cho các dân tộc thiếu số về mọi mặt: a) Về kinh tế, sẽ mở mang nông nghiệp cho các dân tộc được hưởng. b) Về văn hóa, Chính phủ sẽ chú ý trình độ học thức cho dân tộc” [74, tr.130].

2.2.3.3. Mặt trận Dân tộc thống nhất có vai trò nòng cốt trong tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất chính là cái cốt vật chất, là điều kiện tiên quyết giúp cho việc chuyển hoá đại đoàn kết dân tộc từ sức mạnh tinh thần tiềm tàng thành sức mạnh vật chất thực tế, tự giác, có tổ chức của cả dân tộc. Với quan điểm này, Người nhấn mạnh rằng, chính sách mặt trận là chính sách rất quan trọng. Công tác mặt trận là công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức liên minh chính trị đồng đảo nhất, rộng rãi nhất, là

trung tâm đại đoàn kết của toàn dân tộc nói chung và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nói riêng; là nơi quy tụ ý chí dân tộc, tinh thần dân tộc, sức mạnh dân tộc. Đó còn là môi trường tập hợp, rèn luyện, phát huy bản lĩnh chính trị, cách mạng của các lực lượng, các cá nhân yêu nước, tiến bộ trong đại cuộc dựng nước và giữ nước.

Hồ Chí Minh còn xác định, cương lĩnh của Mặt trận thật vững chắc, rất rộng rãi và thiết thực. Người khẳng định rằng: với sự cố gắng của mọi người và sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc, Mặt trận sẽ làm tròn nhiệm vụ vẻ vang là giúp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Thành công to lớn trong việc lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất về thực chất và quan trọng hơn cả là đã giải quyết một cách đúng đắn và sáng tạo quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giải quyết thành công vấn đề tập hợp rộng rãi lực lượng cách mạng và liên minh chính trị phù hợp với đặc điểm cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp và tương quan so sánh lực lượng ở nước ta qua các thời kỳ cách mạng trước đây. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho quan điểm, đường lối của Đảng về công tác Mặt trận. Người nói: “Đảng ta có chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất đúng đắn cho nên đã phát huy được truyền thống đoàn kết và yêu nước rất vẻ vang của dân tộc ta” [83, tr.453].

Trong lịch sử cách mạng nước ta từ khi có Đảng đến nay không lúc nào vắng tổ chức Mặt trận. Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam từ Hội phản đế đồng minh (18/11/1930) - hình thức đầu tiên - đến các tổ chức Mặt trận mang những tên gọi khác nhau sau này như Phản đế liên minh (3/1935), Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế (10/1936), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (6/1938), Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương (11/1939), Việt Nam độc lập đồng minh hội (gọi tắt là Việt Minh) (19/5/1941), Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) (29/5/1946), Mặt trận Liên Việt (3/3/1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955), riêng ở miền Nam từ năm 1960 có thêm Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960), Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam (20/4/1968) và đến nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (4/02/1977) là sự vận dụng mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo các hình thức lôi cuốn, tập hợp các tầng lớp nhân dân phù hợp với từng thời kỳ đấu tranh của cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục giữ vai trò trong tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp nhân dân phát huy tinh thần dân chủ, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của nhân dân góp phần quan trọng vào xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Như vậy, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là sự nghiệp cách mạng của cả hệ thống chính trị, trong đó Mặt trận Tổ quốc có trách nhiệm giữ vai trò trong tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân vào xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và phát đất nước lên tầm cao mới.

2.2.3.4. Nhân dân giữ vai trò trung tâm, chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nhân dân là những người Việt Nam yêu nước, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở ngoài nước cùng hướng vào mục tiêu chung xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân còn là chủ thể của mọi quyền lực nhà nước, là chỗ dựa vững chắc, là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân; Bao nhiêu quyền hạn đều của dân; Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân; Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân; Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra; Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [76, tr.232].

Theo Người, nhân dân, đồng bào các dân tộc đều là chủ của nước nhà, do vậy toàn thể nhân dân phải đoàn kết với nhau để bảo vệ Tổ quốc của mình, Người khẳng định:

“Tất cả nhân dân các dân tộc đều có quyền làm chủ nước nhà. Tất cả mọi người, mọi dân tộc phải thấm nhuần điều đó. Đã làm chủ thì mọi người, mọi dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ, phải ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước để xây dựng Tổ quốc, xây dựng xã hội chủ nghĩa làm cho toàn dân” [83, tr.48].

Hồ Chí Minh cho rằng: “Nước lấy dân làm gốc”, “Gốc có vững cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [75, tr.501-502]. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh,

biểu hiện của dân là gốc là phải tin ở dân, gần gũi với dân, kính trọng dân và biết dựa vào dân, phải nhận thức rõ:

“Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng. Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng”; “có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [75, tr.333-335].

Hồ Chí Minh nhắc đến câu nói dân gian: “Dễ mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [85, tr.280]. Với vai trò là chủ thể đặc biệt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đòi hỏi Nhân dân, đồng bào các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để tăng gia sản xuất mang lại cơm no, ấm áo; đoàn kết để đảm bảo an ninh, trật tự; đoàn kết giữa các dân tộc còn là sự trung thành với Tổ quốc với Chính phủ... Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào các dân tộc ghi nhớ và làm cho đúng: 1. Đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau. 2. Giúp đỡ bộ đội diệt phi, trừ gian, giữ gìn trật tự. 3. Ra sức sản xuất để mọi người được no ấm. 4. Hết sức trung thành với Tổ quốc với Chính phủ...” [78, tr.367]. Bốn nội dung trên có mối liên hệ biện chứng với nhau, trong đó, Người đã coi trọng và đặt nội dung đoàn kết lên vị trí số một. Với sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc sẽ đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

Hồ Chí Minh yêu cầu các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm khắc phục những biểu hiện cản trở việc đoàn kết dân tộc. Đặc biệt là “phải khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Người dân tộc lớn dễ mắc bệnh kiêu ngạo. Cán bộ địa phương, nhân dân địa phương lại dễ cho mình là dân tộc bé nhỏ, tự ti, cái gì cũng cho là mình không làm được, rồi không cố gắng. Đó là những điểm phải tránh” [84, tr.167]. Người nói: “Đồng bào miền núi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền xuôi. Và đồng bào miền xuôi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền núi... Phải đoàn kết các dân tộc, phải đoàn kết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt” [84, tr.166]. Để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, Người chỉ dẫn cho đồng bào bằng những công việc rất cụ thể: khuyến khích khai hoang; vận động đồng bào định

canh, định cư; hướng dẫn cho đồng bào thực hành tiết kiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng hệ thống thủy lợi, mở mang đường sá, kết hợp chặt chẽ công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp và chế biến; đẩy mạnh việc cải tiến nông cụ sản xuất, chống xói mòn... Như vậy, nhân dân được xem là chủ thể rất quan trọng, giữ vai trò trung tâm của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

2.2.4. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã nêu lên một số nguyên tắc chỉ đạo trong nhận thức và hoạt động thực tiễn:

2.2.4.1. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích của nhân dân lao động và giải quyết hài hòa giữa lợi ích chung của dân tộc với lợi ích của nhân dân

Đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Hạt nhân của nguyên tắc này là giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích phức tạp, chông chéo giữa cá nhân - tập thể, gia đình - xã hội, bộ phận - toàn thể, giai cấp - dân tộc, quốc gia - quốc tế theo phương châm: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược xuyên suốt, là nguyên tắc lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phải được xây dựng và củng cố trên nền tảng vững chắc của sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi chính đáng của nhân dân lao động và các quyền thiêng liêng của con người.

Với triết lý “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “cầu đồng, tôn dị”, “thêm bạn, bớt thù”, Hồ Chí Minh đã quy tụ được mọi lực lượng trong nước và quốc tế, xây dựng nên những mặt trận đoàn kết phong phú, đa dạng từ ngành, giới, vùng miền đến toàn quốc, làm nên sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết dân tộc. Trong mỗi xã hội luôn tồn tại sự đa dạng về giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội; lợi ích của các nhóm này có thể khác nhau, thậm chí xung đột, nhưng phần lớn vẫn gắn bó với lợi ích dân tộc. Đối với những nhóm có lợi ích đối lập, đi ngược với lợi ích dân tộc, cần có chính sách độc lập, hạn chế ảnh hưởng, qua đó giữ gìn sự đồng thuận và phát triển hài hòa trong khối đại đoàn kết. Hồ Chí Minh cho rằng, trong mọi hoàn cảnh, cần đặt nhiệm vụ đoàn kết dân tộc lên hàng đầu, không để những khác biệt, chia rẽ trở thành rào cản của tiến trình cách mạng. Sự

khác biệt và cách biệt chỉ trở thành mối nguy khi nó chuyển hóa thành mâu thuẫn đối kháng với lợi ích chung. Do đó, cần loại trừ triệt để những yếu tố mâu thuẫn với lợi ích dân tộc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi ích dân tộc bao gồm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; còn lợi ích con người là tự do, hạnh phúc. Những lợi ích này hợp thành sức mạnh dân tộc, đồng thời là nguyên tắc bất biến của cách mạng Việt Nam.

2.2.4.2. Tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một trong những nguyên tắc cốt lõi làm nên chiều sâu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là nguyên tắc “tin vào dân, dựa vào dân, vì lợi ích của dân”. Đây không chỉ là kim chỉ nam trong chiến lược vận động quần chúng, mà còn là biểu hiện sinh động của tư tưởng “lấy dân làm gốc” xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò quyết định của nhân dân đối với sự thành bại của cách mạng. Theo Người, nhân dân là nguồn sức mạnh vô tận, là lực lượng sáng tạo vĩ đại nhất của lịch sử. Với quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh xác định xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là trước hết và trên hết, phải là sự đoàn kết của đại đa số nhân dân bao gồm công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Họ là gốc rễ, là nền móng vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân. Tuy nhiên, muốn xây dựng một khối đại đoàn kết thực sự bền vững, không thể chỉ dừng lại ở việc đoàn kết những người cùng khổ; mà cần phải mở rộng mặt trận, thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp, không bỏ sót bất cứ ai có thể góp phần cho sự nghiệp chung.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh khẳng định, để quy tụ và lãnh đạo được toàn dân, Đảng phải thực sự là bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất của dân tộc. Quyền lãnh đạo không thể do tự phong hay áp đặt, mà phải được nhân dân thừa nhận bằng chính hiệu quả, bằng thực tiễn cống hiến và phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh từng nói rõ: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán hai chữ ‘Cộng sản’ mà được họ yêu mến” [76, tr.16]. Chỉ khi nào Đảng đồng hành cùng dân, phục vụ dân, tôn trọng dân và vì dân, thì khi đó, lòng dân mới hướng về Đảng, khối đại đoàn kết mới thực sự trở thành sức mạnh nội sinh vĩ đại trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

2.2.4.3. Xây dựng khối Đại đoàn kết trên cơ sở tự giác, có tổ chức; đại đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững, dân chủ và đồng thuận

Trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh không xem đoàn kết như một khẩu hiệu hình thức, mà coi đó là động lực sống còn của cách mạng, là “cội nguồn sức mạnh của dân tộc”, là điều kiện quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, trước tiên phải có một Đảng cách mạng chân chính, làm nòng cốt lãnh đạo. Đảng ấy phải được xây dựng trên nền tảng lý luận khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đồng thời phải biết liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác. Người khẳng định: “Để làm trọn trách nhiệm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân. Có như thế mới phát triển và củng cố được lực lượng cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng” [83, tr.453]. Đây chính là tiền đề cơ bản để định hình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc có tổ chức, có định hướng và có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh tính tự giác trong đoàn kết. Tự giác ở đây là sự tự nhận thức, tự ý thức về lợi ích dân tộc, về trách nhiệm công dân và nghĩa vụ với đất nước, từ đó chủ động tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung. Tuy nhiên, tính tự giác chỉ trở thành sức mạnh thực tế khi nó được tổ chức, định hướng và dẫn dắt bởi một lực lượng lãnh đạo đủ tâm - tầm - trí - đức, đó chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là kết hợp nhuần nhuyễn giữa đoàn kết dân tộc với liên minh giai cấp. Theo Người, liên minh công - nông là xương sống của khối đại đoàn kết dân tộc, còn Mặt trận dân tộc thống nhất là hình thức tổ chức rộng rãi để tập hợp mọi lực lượng yêu nước. Càng củng cố vững chắc liên minh công - nông, thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng phát huy sức mạnh to lớn. Và ngược lại, Mặt trận càng được mở rộng, càng giúp lan tỏa tinh thần đại đoàn kết đến mọi tầng lớp nhân dân.

Hồ Chí Minh coi Đảng là thành viên tích cực của Mặt trận Dân tộc thống nhất, là lực lượng tiên phong, là linh hồn và là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện đoàn kết toàn dân. Để thực hiện được vai trò đó, Đảng phải thường xuyên vận động,

tuyên truyền, giáo dục để quần chúng nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của đoàn kết, đồng thời tìm ra những hình thức, phương pháp tổ chức phù hợp để thu hút và tập hợp các lực lượng xã hội tiến bộ, hướng họ đến mục tiêu chung vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đã đặt nền tảng dân chủ và đồng thuận như hai yếu tố cốt lõi bảo đảm tính vững bền cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Dân chủ không chỉ là một phương tiện tổ chức đời sống chính trị - xã hội mà còn là giá trị nền tảng để củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận giữa các tầng lớp nhân dân. Đồng thuận không thể có nếu thiếu dân chủ và dân chủ sẽ trở nên hình thức nếu không hướng đến đồng thuận xã hội. Lòng tin của nhân dân chính là thước đo mức độ vững chắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Lòng tin phụ thuộc vào sự đúng đắn của đường lối, chính sách; vào năng lực lãnh đạo và đạo đức cách mạng của Đảng; vào việc thực hành dân chủ, minh bạch trong đời sống xã hội và vào sự tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của người dân trong mọi lĩnh vực. Khi lòng tin được củng cố, sự đồng thuận xã hội sẽ ngày càng sâu sắc, làm cho khối đại đoàn kết dân tộc trở nên bền chặt, trở thành nền tảng vững chắc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2.4.4. Bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Bình đẳng giữa các dân tộc là nguyên tắc quan trọng trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Sự bình đẳng giữa các dân tộc là được đối xử ngang nhau hợp lý về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật, về điều kiện và cơ hội phát triển trên các lĩnh vực của đời sống xã hội giữa các dân tộc, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, nguồn gốc dân tộc. Đây không chỉ là nguyên tắc quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mà còn là nguyên tắc của chính sách dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết giữa các dân tộc với nhau phải trên nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc, kiên quyết đấu tranh khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và tự ti dân tộc. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [82, tr.371]. Sự bình đẳng giữa các dân tộc với đoàn kết các dân tộc có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó, bình đẳng giữa các dân tộc chính là cơ sở, điều kiện vững

bền nhất, chắc chắn nhất của sự đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc và ngược lại đoàn kết giữa các dân tộc chính là con đường để thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc. Người khẳng định: “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [82, tr.371]. Bình đẳng giữa các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải được thực hiện trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó tập trung vào 4 lĩnh vực nền tảng: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2.2.4.5. Tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển và chống lại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch

Hồ Chí Minh chỉ rõ, kẻ thù cũng hiểu rất rõ sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc nên chúng luôn tìm cách chia rẽ các dân tộc, kích động sự thù hận, hiềm khích giữa các dân tộc để làm suy yếu sức mạnh đó, từ đó dễ dàng cai trị, áp bức. Người nói: “Trước kia bọn thực dân phong kiến chia rẽ chúng ta, chia rẽ các dân tộc, xúi giục dân tộc này hiềm khích oán ghét dân tộc khác để chúng áp bức bóc lột chúng ta. Nay chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ” [81, tr.532]. Các dân tộc phải ý thức rõ và cảnh giác trước âm mưu của chúng và đập tan âm mưu đó bằng cách tăng cường sự đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc.

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc. Theo Hồ Chí Minh phải có thái độ tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, tránh thái độ miệt thị, coi thường văn hoá, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo,... của dân tộc khác. Tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc là nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc nhằm khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Đồng thời, phát huy lòng tự hào, ý thức tự vươn lên, tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc trong lao động sản xuất và xây dựng đời sống. Bảo đảm các vấn đề đó là nguyên tắc cơ bản để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Mặt khác, nguyên tắc tôn trọng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải được thực hiện một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

2.2.5. Hình thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, chỉ khi xây dựng thành công mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, cả trong nước và kiều bào sinh sống ở nước ngoài. Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp như các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... trong đó, bao trùm là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Mặt trận là một chiến lược cơ bản, lâu dài, xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc cũng như trong xây dựng nước Việt Nam ngày càng vững mạnh. Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nam nữ, lứa tuổi... Song, đây không phải là một tập hợp lỏng lẻo, ngẫu nhiên, tự phát, mà là một khối chặt chẽ, có tổ chức trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, phải lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, đoàn kết trên cơ sở tự nguyện của các tổ chức, cá nhân. Mặt trận lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích cơ bản của các giai tầng trong xã hội làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng. Bởi nói đến đại đoàn kết là giải quyết các mối quan hệ và vấn đề lợi ích giữa cá nhân và tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận Dân tộc thống nhất phải lấy tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục quần chúng làm phương thức hoạt động chủ yếu để khơi gợi tính tự giác cách mạng của quần chúng. Người xác định nội dung tuyên truyền cách mạng phải giản dị, thiết thực, vừa nêu lên những yêu cầu cấp bách của lịch sử, vừa phản ánh được nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân, có ngôn ngữ diễn đạt phù hợp với từng đối tượng. Để tập hợp lực lượng đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Dân tộc

thống nhất, theo Hồ Chí Minh cần thực hiện nguyên tắc vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những điều tốt của nhau, phê bình, góp ý những điều chưa tốt của nhau. Phê bình trên lập trường thân ái, vì dân, vì nước, để tăng cường đoàn kết. Đồng thời, lấy chân thành để cảm hóa, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, nơi tập hợp mọi người dân Việt Nam, không chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ ở đâu, nếu vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam, đều được coi là thành viên của mặt trận. Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của mặt trận dân tộc thống nhất theo đó, cũng có thể khác nhau nhưng thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, nơi quy tụ, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất: phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng; phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân; phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững; là khối đoàn kết chặt chẽ lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

2.2.6. Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm các phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục và thực hiện. Phương pháp tuyên truyền, vận động trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh luôn thể hiện tính linh động, phát triển, thích ứng với sự vận động, biến đổi của thực tiễn khách quan, của cách mạng Việt Nam; thể hiện mục đích xây dựng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tích cực tuyên truyền, vận động các giai cấp, tầng lớp nhân dân đoàn kết một lòng chiến thắng kẻ thù, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã

hội. Theo Hồ Chí Minh, nội dung phương pháp tuyên truyền, vận động, thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tập trung vào các vấn đề cốt lõi sau:

2.2.6.1. Làm tốt công tác dân vận, tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Hồ Chí Minh cho rằng: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [76, tr.234]. Theo Người, để phát huy vai trò, trí tuệ, khả năng của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng, Đảng, Nhà nước trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, mỗi cán bộ đảng viên phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Nhân dân cần hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình để từ đó tích cực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, chủ động phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp của đất nước.

Đối với đồng bào các dân tộc, theo Hồ Chí Minh vận động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, đoàn kết các dân tộc để đồng bào thấy được và thực hiện. Theo Hồ Chí Minh, công tác tuyên truyền phải trả lời những câu hỏi “Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách nào?” [84, tr.159]. Mục đích của tuyên truyền, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại” [75, tr.191]. Theo Người, mỗi giai đoạn cách mạng có mục đích và nhiệm vụ tuyên truyền, huấn luyện khác nhau:

“Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi làm độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà” [84, tr.161].

Hồ Chí Minh còn xác định công tác tuyên truyền, vận động quần chúng là một nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa thiết thực, góp phần quan trọng quyết định sự thành bại của cách mạng trong mọi thời kỳ.

Về nội dung tuyên truyền, vận động: Theo Hồ Chí Minh, nội dung tuyên truyền, vận động trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải toàn diện và thiết thực đối với đời sống của nhân dân, đồng bào các dân tộc. Người nhấn mạnh: “Từ nay các đảng viên, cán bộ,... thật sự chú ý vận động, giúp đỡ đồng bào về công tác sản xuất, văn hóa, vệ sinh, phòng bệnh để đồng bào vùng cao cải thiện dần đời sống của mình” [82, tr.231]. Cụ thể, về kinh tế phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, làm thủy lợi thật tốt,... Về văn hóa - xã hội, chú ý phát triển văn hóa giáo dục, phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào các dân tộc, bãi bỏ hết những điều hủ tục cũ; phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi... Về quốc phòng - an ninh phải tăng cường giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,...

Hình thức tuyên truyền, vận động: trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, hình thức tuyên truyền, vận động phải diễn đạt dễ hiểu, dễ thực hiện để đồng bào hiểu được, nhớ được, làm được. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ tuyên truyền phải sử dụng linh hoạt, uyển chuyển, đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền. Khi tuyên truyền ở vùng đồng bào các dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn yêu cầu cán bộ tuyên truyền phải học tiếng nói của người dân tộc. Mặt khác, do trình độ học vấn của đồng bào các dân tộc thiểu số còn thấp, lại ở vùng sâu vùng xa, thiếu thông tin nên công tác tuyên truyền phải cụ thể, thiết thực. Người còn chỉ rõ: “Phải làm sao giải thích cho đồng bào các dân tộc ở địa phương hiểu và đoàn kết tốt. Muốn làm tốt công tác này, cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu” [83, tr.225]. Đặc biệt, trong tuyên truyền và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc phải sát với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, cư dân ở các vùng, các địa phương.

Lực lượng làm công tác tuyên truyền, vận động: theo Hồ Chí Minh công tác tuyên truyền vận động trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không là trách nhiệm của riêng mỗi cá nhân, tổ chức nào mà là trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, các

đoàn thể, cán bộ, toàn quân và dân ta. Người nói: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân đều phải phụ trách dân vận” [76, tr.233]. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng nước ta; góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Hồ Chí Minh yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân hiểu và tích cực thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

2.2.6.2. Xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh giữ vai trò hạt nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Để xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, việc tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng là cần thiết nhưng chưa đủ. Cần có phương pháp tổ chức khoa học để xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, bao gồm Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự thống nhất và bền vững của hệ thống chính trị cách mạng là yếu tố quyết định cho sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

Với vai trò là hạt nhân lãnh đạo cách mạng và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng trong sạch và vững mạnh. Đảng phải là đảng trí tuệ, đại diện cao nhất cho trí tuệ dân tộc, đủ sức nhận thức, nắm bắt những nhu cầu khách quan của lịch sử dân tộc; có năng lực tiếp thu, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tri thức nhân loại, kết hợp với tổng kết, phát triển kinh nghiệm của dân tộc để đề ra đường lối, chiến lược đúng đắn. Để trở thành một đảng trí tuệ, Hồ Chí Minh căn dặn, các đảng viên từ Trung ương đến các đảng viên bình thường phải ra sức học tập lý luận, phải thường xuyên bám sát thực tiễn, phân tích và tổng kết thực tiễn. Đảng ta phải là đảng cách mạng, tức là phải theo đuổi đến cùng, phấn đấu đến cùng cho lý tưởng giải phóng dân tộc, giai cấp và con người; phải kiên quyết và triệt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng, không dao động, nửa vời; các đảng viên cộng sản phải dám xả thân vì lý tưởng của Đảng, vì dân tộc; phải thống nhất trong tư tưởng, hành động, tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật; phải xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm vũ khí xây

dựng Đảng, đoàn kết thống nhất trong đảng. Chỉ có như vậy thì mới đủ sức giữ vai trò là hạt nhân trong tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

Sau khi giành được chính quyền, việc duy trì khối đại đoàn kết dân tộc phụ thuộc phần lớn vào hoạt động và vai trò của Nhà nước cách mạng. Là bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, mọi chủ trương, chính sách và hành động của Nhà nước đều tác động trực tiếp đến cuộc sống, lợi ích, tâm tư và tình cảm của quần chúng nhân dân. Mỗi chủ trương, chính sách và hành động đúng đắn của Nhà nước sẽ đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống, kết nối nhân dân, các dân tộc thành một khối vững chắc; ngược lại, mỗi chính sách, chủ trương hay quyết định sai lầm của Nhà nước có thể gây rạn nứt khối đoàn kết dân tộc. Do đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và củng cố Nhà nước cách mạng, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; tất cả cán bộ, công chức Nhà nước phải trung thành và tận tụy phục vụ nhân dân, suốt đời làm đầy tớ và công bộc cho nhân dân. Chỉ có như vậy, Nhà nước mới thật sự là tổ chức đại diện cho quyền lực của nhân dân và được nhân dân tin tưởng, ủng hộ.

Đối với các tổ chức, đoàn thể quần chúng cần được xây dựng từ thấp đến cao, phù hợp với yêu cầu và trình độ nhận thức của quần chúng. Hình thức tổ chức các đoàn thể quần chúng cần đa dạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh chủ trương thành lập các hội, Người kêu gọi:

“Dân ta phải mau mau tổ chức lại. Nông dân phải vào “Nông dân Cứu quốc hội”. Thanh niên phải vào “Thanh niên Cứu quốc hội”. Phụ nữ vào “Phụ nữ Cứu quốc hội”. Trẻ con vào “Nhi đồng Cứu quốc hội”. Công nhân vào “Công nhân Cứu quốc hội”. Binh lính vào “Binh lính Cứu quốc hội”. Các bậc phú hào văn sĩ vào “Việt Nam Cứu quốc hội”. Những hội ấy do Việt Nam độc lập đồng minh lãnh đạo. Người có tiền giúp tiền, kẻ có sức giúp sức. Đồng tâm hợp lực. Muôn người một lòng. Nhân cơ hội này mà khôi phục lại Tổ quốc, mà làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập. Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi, mau mau đoàn kết lại!!!” [73, tr.246].

Mặt khác, cương lĩnh và chương trình hành động của các đoàn thể quần chúng phải rõ ràng, thiết thực, phong phú, phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của dân

chúng. Hồ Chí Minh tóm gọn chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh trong hai câu diển ca: “Có mười chính sách bày ra, một là ích nước hai là lợi dân” [73, tr.242]. Người chỉ đạo các hội cứu quốc tổ chức tuyên truyền, giáo dục quần chúng bằng các hình thức như tổ chức các lớp học quân sự, mở các lớp học chữ quốc ngữ, học hát các bài ca cách mạng. Hồ Chí Minh còn căn dặn cán bộ đoàn thể phải gần dân, yêu dân, kính trọng dân, học tập dân, Người nói: “Ý dân là ý trời. Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại” [80, tr.63] và “...đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì, ta phải làm nấy” [74, tr.169]. Chỉ như vậy mới hiểu được dân tâm, dân tình, dân sinh, dân ý, từ đó mới được dân yêu mến, quý trọng, tin theo.

2.2.6.3. Xử lý các mối quan hệ, mở rộng đến mức cao nhất trận tuyến cách mạng và thu hẹp đến mức tối đa trận tuyến thù địch

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giai cấp luôn được phân thành ba tuyến: cách mạng một bên, phản cách mạng một bên, và ở giữa là một lực lượng trung gian - đối tượng lôi kéo của hai bên đối lập. Thành bại trong cuộc đấu tranh này không chỉ phụ thuộc vào thực lực của mỗi bên, mà còn phụ thuộc rất lớn vào việc bên nào tranh thủ được sự ủng hộ của lực lượng trung gian. Do đó, phương pháp đại đoàn kết của Hồ Chí Minh chính là cách xử lý khoa học mối tương quan giữa các lực lượng, nhằm mở rộng tối đa trận tuyến cách mạng và tạo thế áp đảo của cách mạng đối với phản cách mạng để giành thắng lợi.

Đối với lực lượng cách mạng bao gồm công nhân, nông dân, lao động chân tay, lao động trí óc. Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là khai thác, phát huy sự thống nhất, tương đồng, hạn chế, khắc phục, tiến tới xóa bỏ dần những khác biệt trong mục tiêu và lợi ích. Theo Hồ Chí Minh, sự đoàn kết, thống nhất của lực lượng cách mạng chính là điều kiện tiên quyết giúp thu hút, tập hợp các lực lượng trung gian vào trận tuyến cách mạng, cô lập các lực lượng thù địch.

Với lực lượng trung gian, bao gồm các tầng lớp, giới thượng lưu, nhân sĩ, hoàng tộc, quan lại,... Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là xóa bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, khơi gợi và cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước; chân thành hợp tác và trọng dụng. Phương pháp này phải được tiến hành trên cơ sở tầm nhìn chiến

lược, một tấm lòng độ lượng, nhân ái và một thái độ chân thành, cởi mở, thật thà. Hồ Chí Minh nhiều lần tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp, tín ngưỡng, tôn giáo và trước đây đứng về phe nào. Chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân, vì nước. Người căn dặn:

“... chúng ta cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân. Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó cho chúng ta” [79, tr.144-145].

Đối với các thế lực thù địch, phương pháp Hồ Chí Minh là chủ động, kiên quyết tiến công tiêu diệt trên cơ sở phân hóa, cô lập chúng đến mức cao độ. Phương pháp của Người chứa đựng nhiều cấp độ: Chăm chú theo dõi, khai thác mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, lôi kéo, tranh thủ những lực lượng nào còn có thể tranh thủ được, hòa hoãn tạm thời với những lực lượng nào, bộ phận nào còn có thể hòa hoãn được, thu hẹp và cô lập lực lượng thù địch nguy hiểm nhất, trực tiếp nhất. Đối với thế lực thù địch ngoan cố, phản động nhất, phương pháp Hồ Chí Minh là kiên quyết đấu tranh, không ngừng thế tiến công và “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi” [85, tr.512]. Đây được xem là phương pháp cách mạng triệt để của Hồ Chí Minh.

Như vậy, trong phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, việc xử lý các mối quan hệ giữa lực lượng cách mạng, lực lượng trung gian và phản cách mạng là yếu tố quan trọng. Hồ Chí Minh đã kết hợp giữa chiến lược và sách lược, giữ vững nguyên tắc và áp dụng linh hoạt các biện pháp tùy theo tình hình cụ thể của từng giai đoạn cách mạng. Trong giải quyết các mối quan hệ, sử dụng linh hoạt phương châm “đĩ bất biến ứng vạn biến” đã giúp Đảng và nhân dân ta đã vượt qua nhiều thử thách nguy hiểm khi vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc. Đại đoàn kết dân tộc, thêm bạn bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù là phương pháp cách mạng để phát triển lực lượng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giúp chuyển yếu thành mạnh, tạo ra thế và lực, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một nội dung xuyên suốt, có vị trí đặc biệt quan trọng trong di sản tư tưởng của Người, là kim chỉ nam định hướng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Trên cơ sở kế thừa tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc và tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về cách mạng Việt Nam, trong đó nội dung tư tưởng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được xem là yếu tố nền tảng để cách mạng thắng lợi, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước trong từng giai đoạn lịch sử của dân tộc.

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những khái niệm cơ bản làm nền tảng lý luận cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc khẳng định vị trí, vai trò của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Theo Người, đoàn kết là sức mạnh vô địch, là yếu tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Tư tưởng này được Người thể hiện nhất quán trong từng thời kỳ cách mạng, từ kháng chiến đến xây dựng đất nước, với niềm tin vững chắc. Khác với nhiều hình thức tập hợp dân chúng mang tính nhất thời, xây dựng khối đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chiến lược lâu dài, là nguyên tắc cơ bản, được xây dựng trên cơ sở quyền lợi căn bản và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản như: lấy dân làm gốc, tôn trọng sự khác biệt, đề cao lợi ích chung, khoan dung, chân thành và tôn trọng lẫn nhau. Quan điểm của Hồ Chí Minh đã chỉ ra khi đường lối chính trị đúng đắn, hợp lòng dân thì mới có thể quy tụ và phát huy sức mạnh của nhân dân. Đại đoàn kết dân tộc không thể có được bằng mệnh lệnh hay khẩu hiệu, mà phải được hình thành qua quá trình vận động thực tiễn, gắn bó lợi ích chung của dân tộc, trách nhiệm và niềm tin giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Hồ Chí Minh đã xác định rõ lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là toàn thể nhân dân Việt Nam, bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, độ tuổi, không phân biệt nơi cư trú hay thành phần xã hội,... Các lực lượng này được phát huy hiệu quả thông qua vai trò trung tâm, yếu tố hạt nhân và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; vai trò của Nhà nước trong thể chế hóa chủ

trương, đường lối, chính sách của Đảng; vai trò tập hợp, vận động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể. Trong đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu, gần dân, vì dân, trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc có giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần huy động sức mạnh tổng hợp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo tồn bản sắc văn hóa, thúc đẩy bình đẳng dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, ngăn chặn âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một hệ giá trị toàn diện, khoa học và nhân văn sâu sắc. Tư tưởng ấy không chỉ góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX mà còn tiếp tục soi sáng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI và mãi mãi về sau. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vào thực tiễn, đặc biệt tại các khu vực có tính đặc thù về dân tộc, tôn giáo, truyền thống văn hóa như đồng bằng sông Cửu Long và một số địa phương là rất quan trọng để tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết của dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chương 3

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

3.1.1. Đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất nằm ở phía Nam của Tổ quốc Việt Nam. Trước sáp nhập địa giới hành chính (01/7/2025) đồng bằng sông Cửu Long có 12 tỉnh và một thành phố trực thuộc trung ương bao gồm các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

Sau sáp nhập địa giới hành chính (01/7/2025) Chính phủ ban hành Nghị quyết số 306/NQ-CP, ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045. Theo đó, đồng bằng sông Cửu Long gồm 5 tỉnh, thành phố: tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và thành phố Cần Thơ. Sau khi thực hiện sắp xếp lại địa giới hành chính, đồng bằng sông Cửu Long có 495 đơn vị cấp xã/ phường, trong đó có 399 xã, 93 phường, 3 đơn vị đặc khu, 14 đơn vị miền núi và 8 đơn vị hải đảo. Tổng diện tích tự nhiên toàn vùng là 34.839,8 km², với dân số hơn 17 triệu người [95]. Trong đó, tỉnh An Giang là đơn vị có diện tích lớn nhất với 9.987 km² và dân số đông nhất 4.995.214 người; tỉnh Cà Mau có quy mô dân số nhỏ nhất 1.988.464 người và ít đơn vị cấp xã/phường nhất (64 đơn vị). Thành phố Cần Thơ là trung tâm đô thị lớn, có tỷ lệ phường khá cao (31 phường/103 đơn vị hành chính cấp xã), dân số 4.112.487 người [95]. Sự điều chỉnh địa giới hành chính đã góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, phân bổ lại nguồn lực phát triển giữa các địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác quản lý nhà nước, quy hoạch vùng và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội hiệu quả.

Về tên gọi đồng bằng sông Cửu Long đã có từ rất lâu và bên cạnh đó cũng có nhiều tên gọi khác (vùng đồng bằng sông Mê Kông, vùng Tây Nam Bộ) nhưng về mặt pháp lý tên gọi được sử dụng chính hiện nay là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vùng có đường bờ biển kéo dài từ Đông sang Tây trên 700 km và tạo ra thêm lục địa cho đánh bắt thủy sản gấp 2 lần đất liền; hơn 150 đảo lớn nhỏ. Vì vậy, đồng bằng sông Cửu Long đóng vai trò quan trọng về chiến lược phát triển kinh tế biển, ngành hàng không, hàng hải và đường bộ, đặc biệt phát triển không gian chiến lược trong khu vực Đông Nam Á; vùng có đường giao thông hàng hải quốc tế giữa Đông Á và Nam Á, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đồng bằng sông Cửu Long với cửa sông Mê Kông chảy qua nhiều nước và đây là con đường giao thông thủy nội địa ở Đông Nam Á rất quan trọng và là cửa ngõ ra biển Đông đến nhiều quốc gia.

Trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đồng bằng sông Cửu Long là vùng có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đặc biệt quan trọng, cụ thể:

Về vị trí địa lý: đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm sản xuất nông nghiệp, là vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất Việt Nam, góp phần đáng kể vào an ninh lương thực và xuất khẩu nông sản. Việc cung cấp lương thực cho cả nước và xuất khẩu giúp thắt chặt mối quan hệ giữa các vùng miền, tạo điều kiện cho sự giao lưu và hợp tác kinh tế. Vùng có hệ thống sông ngòi chằng chịt, thuận lợi cho giao thông đường thủy, giúp kết nối các địa phương với nhau và với cả nước. Việc kết nối này góp phần thúc đẩy sự giao lưu, đoàn kết giữa các dân tộc và địa phương.

Về điều kiện tự nhiên: đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất đai màu mỡ nhờ có phù sa bồi đắp hàng năm, thích hợp cho canh tác nông nghiệp, giúp người dân địa phương có cuộc sống ổn định và phát triển. Việc đảm bảo sinh kế cho người dân góp phần giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi và kênh rạch phong phú cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản, tạo cơ hội cho đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống.

Mặc dù vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long mang lại nhiều lợi thế, cũng có một số hạn chế ảnh hưởng đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, chẳng hạn như: Vùng thường xuyên phải đối mặt với lũ lụt hàng năm và tình trạng xâm nhập mặn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất

nông nghiệp và đời sống của người dân. Những thiên tai này có thể gây ra sự bất đồng và căng thẳng giữa các cộng đồng dân tộc, đặc biệt là khi nguồn lực hỗ trợ không đủ đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người. Sạt lở bờ sông là một vấn đề nghiêm trọng ở đồng bằng sông Cửu Long, làm mất đất đai, nhà cửa và gây thiệt hại lớn về kinh tế. Điều này có thể dẫn đến di cư và phân tán cộng đồng, ảnh hưởng đến sự đoàn kết và ổn định xã hội. Nhìn chung, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng có cơ cấu dân số đa dạng về thành phần dân tộc, gồm: “Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, trong đó dân số đông nhất là người Kinh với 16,96 triệu người, người Khmer khoảng 1,14 triệu người, người Hoa 0,15 triệu người và thấp nhất là người Chăm 0,13 triệu người” [129, tr.57-58]. Mỗi cộng đồng dân tộc có phong tục, tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa riêng biệt, nhưng nhìn chung đều có sự gắn bó qua nhiều thế hệ.

Sự đa dạng về dân số tạo ra nhiều yếu tố thuận lợi nhưng cũng đặt ra thách thức trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự hiện diện của nhiều dân tộc với truyền thống văn hóa phong phú giúp hình thành một bản sắc vùng đặc trưng, giàu tính cố kết cộng đồng. Người Kinh, Khmer, Chăm và Hoa đã có quá trình giao lưu, hợp tác lâu dài, tạo ra những nét chung trong đời sống cộng đồng thể hiện rõ tinh thần đoàn kết dân tộc qua sự phối hợp trong các lễ hội truyền thống như Lễ Ok Om Bok của người Khmer, Tết Nguyên đán của người Kinh, hay Tết Nguyên tiêu của người Hoa,...

Trong những năm gần đây dân số ở đồng bằng sông Cửu Long có sự biến động, thiếu ổn định, chủ yếu là do xu hướng di cư lao động đến các tỉnh, thành phố phát triển như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, trong số đó phần lớn là các hộ dân có thu nhập kinh tế thấp, phải di cư lên các đô thị hoặc đến các khu vực phát triển để có điều kiện cải thiện mức sống gia đình. Nhìn chung, về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và dân cư của đồng bằng sông Cửu Long có nhiều yếu tố thuận lợi cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn, thử thách.

3.1.2. Đặc điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội

3.1.2.1. Đặc điểm về kinh tế

Hiện nay, đồng bằng sông Cửu Long có gần 10 triệu hộ nông dân; “quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, năm 2020 đạt khoảng 970 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,95% tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả nước; tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đạt 56,02 triệu đồng/ người/ năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,8% [10]. Đồng bằng sông Cửu Long còn là vựa lúa, trung tâm sản xuất thủy sản, trái cây lớn nhất cả nước; đóng góp 31,37% GDP toàn ngành nông nghiệp và hơn 50% sản lượng lúa và các nguồn lợi khác về sản lượng nuôi trồng thủy sản, sản lượng trái cây, đóng vai trò quan trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu [10]. Đồng thời, trong vùng có nhiều tiềm năng về dầu khí và năng lượng tái tạo, như năng lượng gió, năng lượng mặt trời và là khu vực có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; nhiều rừng sinh thái rộng lớn, với bốn khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên được công nhận là khu Ramsar của thế giới. Thống kê năm 2021, dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch bệnh COVID-19, tốc độ tăng GRDP nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 1,6%; giá trị gia tăng ngành nông nghiệp của vùng chiếm 32,2% GRDP toàn vùng và chiếm 31,37% GDP ngành nông nghiệp cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long luôn đứng đầu cả nước về gạo, tôm nước lợ, cá tra và trái cây” [10].

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2023, “tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của vùng đồng bằng sông Cửu Long ước tính tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 8,6% của năm 2022. Trong đó, tỉnh Hậu Giang dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2023 với mức 12,3%, xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, kế đến là tỉnh Tiền Giang với 5,72% so với năm 2022. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%; công nghiệp và xây dựng tăng 9,5%; dịch vụ tăng 7,8%. Vấn đề lạm phát: Bình quân năm 2024, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của đồng bằng sông Cửu Long tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm và giá xăng dầu tăng. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị ở đồng bằng sông Cửu Long tháng 9/2024 là 3,2%, giảm so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự phục hồi tích cực của thị trường lao động” [130].

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và du lịch; đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất cả nước, đóng góp phần lớn sản lượng gạo xuất khẩu, cùng với nguồn thủy sản phong phú như cá tra, tôm nước lợ. Vùng có hệ thống sông ngòi chằng chịt, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa, trái cây nhiệt đới và nuôi trồng thủy sản.

Mặt khác, vùng có vị trí địa lý chiến lược, kết nối thuận lợi với TP. Hồ Chí Minh và các tuyến đường thủy quốc tế tạo điều kiện cho giao thương, xuất khẩu hàng hóa. Hệ thống cảng biển và cửa khẩu biên giới giúp tăng cường trao đổi thương mại, đặc biệt với các nước Asean. Ngoài ra, đồng bằng sông Cửu Long còn có tiềm năng lớn về du lịch sinh thái với cảnh quan sông nước đặc trưng, hệ sinh thái rừng ngập mặn và văn hóa miền Tây Nam Bộ đặc sắc, thu hút du khách trong và ngoài nước.

Như vậy, với tiềm năng về phát triển kinh tế của đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần quan trọng vào ổn định đời sống của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Từ những lợi thế tự nhiên, kết hợp với các chính sách phát triển của nhà nước, đang giúp đồng bằng sông Cửu Long dần chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và khai thác tiềm năng kinh tế biển, đưa vùng trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam.

3.1.2.2. Đặc điểm về chính trị

Đồng bằng sông Cửu Long, với vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng ở cực Nam Tổ quốc, là một khu vực có nhiều đặc điểm chính trị nổi bật, vừa mang tính ổn định lâu dài, vừa tiềm ẩn những yếu tố tác động phức tạp. Về mặt chính trị, vùng đất này là địa bàn có truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần cách mạng kiên cường; trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Những tên tuổi như Xứ ủy Nam Kỳ, Khu ủy Tây Nam Bộ, các căn cứ địa cách mạng U Minh, Đồng Tháp Mười... đã khắc ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, từng là dấu ấn, tấm gương về đoàn kết trong nhân dân, biết bao thế hệ bám đất, bám làng để đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Về cơ cấu tổ chức hệ thống chính trị, đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có tổ chức Đảng và chính quyền các cấp được xây dựng ngày càng vững mạnh. Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam được giữ vững và không ngừng đổi mới cả về phương thức lãnh đạo lẫn chất lượng đội ngũ cán bộ. Hệ thống chính trị ở cơ sở, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số như Khmer, Hoa... từng bước được củng cố theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm phát huy được vai trò đại diện của nhân dân, gần dân và vì dân. Đặc biệt, đồng bằng sông Cửu Long có cộng đồng dân tộc Khmer sinh sống lớn nhất Việt Nam, tập trung tại các địa phương như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang... Do đó, đòi hỏi phải có chính sách nhất quán, lâu dài trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Chủ trương của Đảng về công tác dân tộc và tôn giáo được triển khai sâu rộng trong nhân dân đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường “thế trận lòng dân” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn chung vùng đồng bằng sông Cửu Long duy trì được sự ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo. Đây là tiền đề quan trọng cho phát triển kinh tế, văn hóa, đối ngoại và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù về vị trí địa lý tiếp giáp biên giới Campuchia và vùng biển Tây Nam, khu vực này cũng là nơi chịu ảnh hưởng của các yếu tố an ninh phi truyền thống như tôn giáo, dân tộc, biến đổi khí hậu, di cư tự do và các hoạt động lợi dụng dân chủ để xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách lợi dụng các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đất đai, ô nhiễm môi trường... để tuyên truyền chống phá, gây bất ổn chính trị.

3.1.2.3. Đặc điểm về văn hóa - xã hội

Về đặc điểm văn hóa - xã hội: đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có nền văn hóa - xã hội phong phú, hình thành từ quá trình khai hoang, giao thoa dân tộc và thích ứng với điều kiện tự nhiên đặc thù. Đây là nơi hội tụ của nhiều cộng đồng dân tộc, trong đó người Kinh chiếm đa số, bên cạnh các dân tộc Khmer, Chăm, Hoa, tạo nên một nền văn hóa đa dạng nhưng hài hòa. Văn hóa Khmer với hệ thống chùa chiền

và các lễ hội truyền thống như Chol Chnam Thmay, Ok Om Bok; văn hóa Hoa với tín ngưỡng thờ Quan Công, Bà Thiên Hậu; cùng với các tín ngưỡng dân gian, Phật giáo, Đạo Cao Đài, Hòa Hảo đã góp phần tạo nên một bức tranh văn hóa sống động. Mỗi dân tộc trong vùng đều có những đặc trưng văn hóa riêng rất phong phú góp phần nên tạo nét văn hóa đặc trưng của vùng.

Năm 2013 nghệ thuật “đờn ca tài tử” được tổ chức UNESCO - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc công nhận là di sản văn hóa phi vật thể. Nhiều lễ hội của vùng đất phương Nam với sự tham gia của cộng đồng người Kinh như: Lễ hội Dừa (Bến Tre), Lễ hội Lúa (Hậu Giang), Lễ hội đờn ca tài tử cấp quốc gia ở Bạc Liêu, lễ hội Ok-Om-Bok, đua Ghe ngo của dân tộc Khmer. Đồng bằng sông Cửu Long còn là nơi có nhiều công trình kiến trúc gắn với bản sắc văn hóa của các dân tộc như đền thờ của đồng bào Chăm, chùa của người Việt, người Hoa, người Khmer; có văn hóa ẩm thực độc đáo và đa dạng của vùng đất phương Nam trù phú.

Hiện nay, mạng lưới giáo dục của vùng có hơn 40 trường đại học, cao đẳng, hơn 70 trường trung cấp, dạy nghề, có 6.961 trường mầm non và phổ thông, trong đó có 1.514 trường đạt chuẩn quốc gia [129]. Mặc dù về giáo dục đã có nhiều tiến bộ trong những năm qua nhưng tỷ lệ trẻ em bỏ học ở nhiều địa phương vẫn còn cao, đặc biệt ở các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Hệ thống y tế cũng gặp khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân do thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

Lịch sử đồng bằng sông Cửu Long đã có truyền thống đoàn kết trong đấu tranh chống lại giặc ngoại xâm để bảo vệ lãnh thổ, làm sâu sắc thêm tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Mặc dù sự đa dạng văn hóa là một lợi thế nhưng nó cũng có thể dẫn đến những hiểu lầm và xung đột văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc. Sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng và trình độ văn hóa có thể trở thành rào cản trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long có nếp sống phóng khoáng, nghĩa tình, thể hiện qua sự chân chất, hiếu khách và tinh thần cộng đồng cao. Lối sống này gắn liền với điều kiện thiên nhiên sông nước, ảnh hưởng đến phương thức lao động, sinh hoạt và giao thương. Tập quán sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp trồng lúa

nước, cây ăn quả, nuôi cá, đánh bắt thủy sản và các làng nghề truyền thống như: làng nghề làm bánh tráng, hủ tiếu (Sa Đéc - Đồng Tháp, Cái Răng - Cần Thơ, Trà Vinh), nghề gốm đồ (Mang Thít - Vĩnh Long), nghề đan lục bình, đan lát thủ công (Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp), nghề làm nước mắm (Phú Quốc - Kiên Giang, Cà Mau), nghề làm muối (Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau), nghề chế biến khô cá, mắm cá (An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang), nghề làm bánh pía, kẹo dừa (Sóc Trăng, Bến Tre), làng nghề dệt chiếu (Định Yên - Đồng Tháp, Cà Mau), nghề nuôi ong lấy mật (Bến Tre, Hậu Giang, Cà Mau), nghề sản xuất rượu truyền thống (Gò Đen - Long An, Phú Lễ - Bến Tre);... Những làng nghề này không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa mà còn đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương, là yếu tố quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Về đặc điểm con người: ở đồng bằng sông Cửu Long mang những đặc trưng riêng biệt, được hình thành từ môi trường tự nhiên trù phú, nền văn hóa đa dạng và lịch sử khai phá lâu đời. Người dân nơi đây được biết đến với tính cách phóng khoáng, cởi mở, sẵn sàng giao lưu và kết nối, điều này bắt nguồn từ lối sống sông nước, gần bó với thương mại, chợ nổi và các hoạt động giao thương. Tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cũng là một nét đặc trưng rõ nét, thể hiện qua các hình thức lao động tập thể như “góp công góp của”, “làm đồng đôi công” đã có từ lâu đời, hay lối sống chan hòa, luôn sẵn sàng giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn. Bên cạnh đó, sự linh hoạt và sáng tạo trong lao động là yếu tố quan trọng giúp người dân thích nghi với điều kiện sản xuất thay đổi theo mùa, từ canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản cho đến phát triển thương mại, du lịch.

Có thể thấy rằng người dân ở đồng bằng sông Cửu Long có tinh thần lạc quan, yêu đời, lối sống giản dị. So với các vùng miền khác, người dân ở đồng bằng sông Cửu Long ít bị ràng buộc bởi lễ nghi phong kiến, có lối sống thoải mái, linh hoạt và cởi mở trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.

3.1.3. Đặc điểm về dân tộc và tôn giáo

3.1.3.1. Đặc điểm về dân tộc

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có nhiều thành phần dân tộc và mỗi dân tộc có đặc điểm riêng, cụ thể:

Người Kinh: dân số với 16,96 triệu người [129, tr.57-58], sinh sống rộng khắp ở các tỉnh, thành phố trong vùng. Người Kinh trong vùng có truyền thống canh tác lúa nước lâu đời, kết hợp với nuôi trồng thủy sản và phát triển các ngành dịch vụ, thương mại; phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống như làm bánh tráng, đan lát và chế biến thực phẩm. Lối sống mang đậm dấu ấn văn hóa miền Tây Nam Bộ, cởi mở, phóng khoáng, trọng tình nghĩa và có tinh thần cộng đồng cao. Đời sống văn hóa gắn với nghệ thuật dân gian đặc trưng như đờn ca tài tử, hát bội.

Người Khmer: là dân tộc thiểu số nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long với 1,14 triệu người [129, tr.57-58], tập trung chủ yếu tại các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu (trước 01/7/2025). Văn hóa Khmer chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo Nam Tông, thể hiện qua hệ thống chùa chiền Khmer với kiến trúc đặc trưng và các lễ hội lớn như Ok Om Bok, Tết Chôl Chnăm Thmây. Người Khmer chủ yếu làm nông nghiệp, trồng lúa nước theo phương thức truyền thống, kết hợp với chăn nuôi gia súc, nuôi cá, tôm và làm nghề thủ công như dệt chiếu, dệt thổ cẩm, làm gốm. Một bộ phận người Khmer tham gia lao động thuê trong nông nghiệp và các khu công nghiệp.

Người Hoa: tập trung chủ yếu ở trung tâm các đô thị lớn như Cần Thơ, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Châu Đốc (trước 01/7/2025) với 149.449 người [129, tr.57-58]. Họ nổi tiếng với tinh thần kinh doanh, phát triển mạnh thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Cộng đồng người Hoa có tính liên kết cao, thường duy trì các hội quán để hỗ trợ lẫn nhau. Họ có tín ngưỡng đa dạng, gồm Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, và thờ Quan Công, Bà Thiên Hậu. Người Hoa tham gia nhiều lĩnh vực sinh kế như buôn bán, kinh doanh, Đông y, sản xuất gốm sứ, làm bánh, dệt may, ...

Người Chăm: tập trung chủ yếu ở An Giang (Châu Đốc, Tân Châu), sống ven sông Hậu với 13.170 người [129, tr.57-58]. Người Chăm hầu hết theo Hồi giáo (Islam) với các quy định nghiêm ngặt về trang phục, ẩm thực và đời sống tôn giáo. Văn hóa của người Chăm mang đặc trưng của cộng đồng Hồi giáo Đông Nam Á, thể hiện qua kiến trúc thánh đường, lễ hội Ramadan, nghi thức cầu nguyện hàng ngày. Người Chăm chủ yếu làm nông nghiệp, trồng lúa, cây ăn trái, chăn nuôi bò, dê. Bên

cạnh đó, họ còn làm nghề thủ công như dệt thổ cẩm, làm gốm, sản xuất thực phẩm và một số người buôn bán nhỏ tại chợ, kinh doanh vải vóc, vàng bạc, mỹ phẩm.

Nhìn chung, đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất đa dạng về dân tộc, với sự giao thoa văn hóa phong phú giữa người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng nhưng cùng chung sống hài hòa, đoàn kết dân tộc, góp phần tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Tính đa dạng này không chỉ thể hiện qua lối sống, phong tục tập quán mà còn qua các ngành nghề sinh kế đặc trưng, giúp vùng đất này trở thành một trong những khu vực có bản sắc văn hóa đặc sắc và phong phú.

3.1.3.2. Đặc điểm tôn giáo

Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng tôn giáo nhiều nhất nước. Trong vùng hiện có 13 tôn giáo được Nhà nước công nhận, bao gồm: “Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo (Islam giáo), đạo Cao đài, Phật giáo Hòa Hảo, Minh Sư đạo, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ hương, Cơ đốc Phục lâm, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn và Baha’I. Trong đó, Phật giáo, Tin lành, đạo Cao đài có nhiều hệ phái khác nhau trong cùng một tôn giáo. Riêng Phật giáo ở đồng bằng sông Cửu Long, Phật giáo Nam Tông Khmer có khoảng 1,1 triệu tín đồ, với 446 ngôi chùa và khoảng 09 nghìn nhà sư. Toàn vùng có 4.611 cơ sở thờ tự, 47.334 chức sắc, chức việc, 6.675.718 tín đồ các tôn giáo, chiếm khoảng 37% dân số” [15, tr.17].

Quá trình phát triển, du nhập và thực hành đức tin, lễ nghi, phương châm hành đạo của các tôn giáo đã hình thành nên những đặc trưng riêng của vùng: nhiều hình thức tôn giáo khác nhau, các tôn giáo tồn tại đan xen, hòa đồng; giáo lý, giáo luật, lễ nghi phù hợp văn hóa, con người nơi đây, đặc biệt là các tôn giáo nội sinh; có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố: tính tôn giáo, tính văn hóa và tính dân tộc; tính nhập thể trong giáo lý và thực hành đức tin tôn giáo. Các tôn giáo đã và đang thực hiện tốt phương châm hành đạo, có những đóng góp tích cực trong phát triển đồng bằng sông Cửu Long trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện trên một số khía cạnh như: đóng vai trò là điểm tựa tinh thần, thúc đẩy sự hòa hợp với thiên nhiên và gắn kết cộng đồng; bảo tồn và lan tỏa những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp; chủ động đóng góp vào các hoạt động xã hội như giáo dục, y tế, an sinh xã hội.

Tinh thần bình đẳng, bác ái, khoan dung, những nét đặc trưng của con người đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục được duy trì và lan tỏa qua các hoạt động tôn giáo, đặc biệt trong Công giáo, Tin lành, Phật giáo Nam Tông Khmer và các tôn giáo nội sinh. Các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của các dân tộc được bảo tồn và phát huy một cách sáng tạo, tạo nên bản sắc riêng không bị pha trộn. Đồng thời, những chuẩn mực tôn giáo đã góp phần định hướng ứng xử, củng cố và lan tỏa các giá trị đạo đức phù hợp với xã hội hiện đại.

Hiện nay, các tôn giáo, chức sắc và chức việc có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân trong vùng, nhất là đối với các tín đồ tôn giáo, điều này tác động đến việc thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo. Thông qua các hoạt động tôn giáo, họ đã tích cực tuyên truyền, giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, sống tốt đời, đẹp đạo. Đây là nhân tố góp phần quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, nhiều chức sắc tôn giáo uy tín, có đạo đức tốt đã được nhân dân tin tưởng, tín nhiệm bầu làm đại biểu của nhân dân, trực tiếp tham gia quản lý nhà nước ở các địa phương, đóng góp vào sự phát triển của vùng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3.2. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.2.1. Ưu điểm và nguyên nhân

3.2.1.1. Ưu điểm

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long đã không ngừng nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới.

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về “*phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” [22], các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long đã không ngừng nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xác định đây là nhiệm vụ trọng

tâm, chiến lược của Đảng, cần phải nhận thức đúng đắn, quán triệt sâu sắc trong nhận thức và cụ thể hóa thành các chương trình hành động triển khai sâu rộng trong nhân dân, mang lại hiệu quả cao.

Trong suốt 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, việc quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã trở thành định hướng xuyên suốt trong hoạt động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhận thức về vai trò chiến lược của đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới ngày càng được nâng cao, thể hiện rõ qua việc ban hành các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Các tỉnh, thành trong khu vực như Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ đã triển khai thường xuyên các cuộc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân. Cụ thể, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức hơn 15.000 cuộc tuyên truyền, thu hút trên 324.000 lượt người tham dự [156]. Ở Cà Mau, việc quán triệt Nghị quyết được lồng ghép trong các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, với hàng trăm mô hình triển khai tại cơ sở [151]. Tại Cần Thơ, việc phổ biến Nghị quyết được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú như hội thảo, tập huấn, chuyên mục truyền hình “Đại đoàn kết”, góp phần chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể.

Các cấp ủy Đảng các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long đã xác định rõ: đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực phát triển. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết được lồng ghép vào các văn kiện đại hội, chương trình hành động của Mặt trận và đoàn thể các cấp. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc tập hợp nhân dân, mở rộng mặt trận đoàn kết “công - nông - trí”, đoàn kết dân tộc, tôn giáo, cựu chiến binh, phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi, doanh nhân, kiều bào,...

Minh chứng cho hiệu quả của việc nâng cao nhận thức là sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị và sự đồng thuận mạnh mẽ trong nhân dân. Riêng ở Cần Thơ - trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long, hơn 85% người dân được tập hợp vào các

tổ chức đoàn thể, với hơn 95% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa [145]. Tỉnh Vĩnh Long có trên 263.000 hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, hơn 67 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó nhiều xã đạt chuẩn nâng cao [156]. Cà Mau đã xây dựng được 204 mô hình nông thôn mới, 164 mô hình bảo vệ môi trường, 83 mô hình tự hào hàng Việt Nam,... [151].

Bên cạnh công tác tuyên truyền, các cấp ủy còn chú trọng đổi mới phương thức hoạt động và kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Có thể khẳng định, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã thể hiện rõ vai trò chủ động, sáng tạo trong việc tiếp thu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Nhờ đó, đã tạo ra sự chuyển biến căn bản về nhận thức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, làm cơ sở vững chắc để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Chính sự đoàn kết, đồng thuận, chung sức, đồng lòng là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước và ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, vận động các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam trong và ngoài nước xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là chiến lược cách mạng, là nguồn sức mạnh vĩ đại để tạo nên những thắng lợi lịch sử của dân tộc. Thấm nhuần tư tưởng đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã không ngừng củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc bằng việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, phát huy vai trò của từng giai cấp, tầng lớp trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã mở rộng hình thức tập hợp nhân dân thông qua việc phát triển các tổ chức thành viên mới như Hội Khuyết tật, Hội Làm vườn, Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài... Nhờ đó, tỷ lệ tập hợp người dân ở các địa phương vào tổ chức đạt trên 85% [145], góp phần nâng cao hiệu quả các

phong trào hành động cách mạng, xây dựng lực lượng cốt cán chính trị tại địa phương. Các phong trào thi đua yêu nước như “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã lan tỏa sâu rộng ở các tỉnh, thành phố trong khu vực. Bên cạnh đó, các hình thức vận động nhân dân được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng, từ đó tập hợp, khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm cộng đồng và ý thức xây dựng quê hương.

- Kết quả vận động các giai cấp, tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc:

Phát huy những thành tựu của công cuộc đổi mới, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng được mở rộng và củng cố, tập hợp ngày càng nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở trong và ngoài nước; sự tin cậy lẫn nhau và sự đồng thuận xã hội ngày càng được tăng cường. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng. Niềm tin của đông đảo các tầng lớp nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng được củng cố. Tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm xã hội của nhân dân được tôn trọng và khơi dậy trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của cả nước và địa phương, các thành phần cụ thể:

Công nhân, công chức, viên chức và người lao động: Ngày càng tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, tỷ lệ qua đào tạo được nâng lên, nhiều công nhân có trình độ và năng lực ứng dụng công nghệ mới, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, đóng góp trực tiếp vào quá trình phát triển thành phố. Đội ngũ công nhân và người lao động phát huy vai trò tích cực trong khối liên minh công - nông - trí thức, gương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Nông dân: tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, liên kết hợp tác, tạo ra năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức cao. Đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trong thành phố từng

bước cải thiện, điều kiện ăn, ở, đi lại, học hành và chăm sóc sức khỏe của nông dân có chuyển biến tiến bộ; là lực lượng chủ lực xây dựng và phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh lương thực, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp và xuất khẩu.

Đội ngũ trí thức: phát triển nhanh về số lượng, sớm thích nghi với môi trường làm việc, năng động, sáng tạo, có nhiều đóng góp đáng ghi nhận trên các lĩnh vực, nhất là trong công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và phản biện xã hội.

Giới doanh nhân: có bước phát triển khá nhanh góp phần phát triển sức sản xuất, huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo,...

Lực lượng thanh thiếu niên: xung kích, tình nguyện trong học tập, lao động, sáng tạo trên nhiều lĩnh vực, góp phần xây dựng thành phố ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại; tình nguyện tham gia công tác xã hội, tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông và phòng, chống các tệ nạn xã hội có hiệu quả. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội Sinh viên được củng cố phát triển, tỷ lệ tập hợp thanh niên vào tổ chức đoàn, hội rất lớn, tiêu biểu riêng thành phố Cần Thơ chiếm 90% [145].

Giới phụ nữ: tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, làm nòng cốt trong việc thực hiện bình đẳng giới. Các phong trào của phụ nữ những năm qua có nhiều tiến bộ, khẳng định sự phát triển, trưởng thành và có những đóng góp tích cực của các tầng lớp phụ nữ trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội; ngày càng có nhiều phụ nữ thành đạt trong nghề nghiệp, có vị trí cao trong xã hội và đời sống chính trị.

Hội cựu chiến binh Việt Nam: luôn phát huy vai trò gương mẫu ở các địa phương, là lực lượng quan trọng trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở. Hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng phong phú, đa dạng, chất lượng được nâng cao; tiếp tục phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội cụ Hồ”, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cùng nhau đoàn

kết giúp nhau trong cuộc sống, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, là chỗ dựa tin cậy của Đảng và Chính quyền ở cơ sở.

Hội Người cao tuổi: ngày càng tăng về số lượng và tiềm năng, được chăm sóc tốt hơn về vật chất và tinh thần, được tạo điều kiện để tiếp tục phát huy trí tuệ và kinh nghiệm cho gia đình và xã hội; luôn nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ”, xây dựng gia đình hòa thuận, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo.

Đồng bào các dân tộc thiểu số: Tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội, vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống có nhiều chuyển biến đáng kể, đời sống của đồng bào từng bước cải thiện qua việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và các tỉnh, thành phố trong vùng. Nhận thức của đồng bào trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được nâng lên.

Đồng bào tín đồ các tôn giáo: Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo ở các địa phương được cải thiện; trong các năm qua, nhiều cơ sở thờ tự được quan tâm, sửa chữa, xây dựng, các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo được đáp ứng tốt hơn. Đại đa số các vị chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo ngày càng gần gũi với Đảng, Nhà nước và Mặt trận, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương, nhất là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào thi đua “Sống tốt đời, đẹp đạo”.

Người Việt Nam ở nước ngoài: luôn hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước. Hầu hết kiều bào ở nhiều tỉnh, thành trong khu vực phấn khởi trước những chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, đa số đều hướng về gia đình, quê hương; giúp đỡ người thân phát triển kinh tế gia đình. Số lượng kiều bào về thăm quê hương, góp phần xây dựng quê hương ngày càng nhiều, nhất là trong công tác từ thiện nhân đạo, xã hội, xây dựng nông thôn.

- Thực hiện gắn kết các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh không thể tách rời khỏi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; sự phát triển bền vững của đồng bằng sông Cửu Long chính là kết quả trực tiếp của việc xây dựng khối đại

đoàn kết dân tộc vững chắc thông qua các chương trình, dự án phát triển gắn với lợi ích thiết thực của nhân dân. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long đã chủ động gắn kết các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Các chương trình quốc gia về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, an sinh xã hội, hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số... đều được triển khai theo hướng đồng bộ, thiết thực, lấy người dân làm trung tâm, lấy khối đại đoàn kết làm nền tảng vận động và tổ chức thực hiện. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã trở thành phong trào sâu rộng, có sức lan tỏa mạnh mẽ ở đồng bằng sông Cửu Long. Tiêu biểu, thành phố Cần Thơ có 36/36 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 47/47 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị [145] và các tỉnh trong khu vực cũng đạt được những kết quả nhất định. Những kết quả đó không chỉ thể hiện sự phát triển đồng bộ về hạ tầng, kinh tế - xã hội, mà còn là minh chứng sinh động cho sự gắn bó chặt chẽ giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng, chính quyền trong công cuộc đổi mới.

Các hoạt động chăm lo đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, người có công, người nghèo cũng là một phần không thể tách rời trong chiến lược gắn kết phát triển và đoàn kết. Các hoạt động cứu trợ thiên tai, phòng chống dịch bệnh (Covid-19) đã trở thành cầu nối đoàn kết, lan tỏa tinh thần nhân ái trong cộng đồng. Như vậy, có thể khẳng định rằng: việc gắn kết giữa các chương trình, dự án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long đã đem lại sự phát triển bền vững cho vùng, đóng góp tích cực vào sự ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường niềm tin và tạo nên sức mạnh nội sinh cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trên tất cả các lĩnh vực trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, việc tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long đã được các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo sâu sắc; chú trọng thực hiện nguyên tắc bình đẳng trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

Trong lĩnh vực kinh tế: Trên cơ sở quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, XIII, Đảng bộ và Chính quyền các tỉnh, thành ở đồng bằng sông Cửu Long đã triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế, đặc biệt là các chính sách ưu đãi nhằm nâng cao đời sống của người dân trong khu vực, nhất là đối với các dân tộc thiểu số và thúc đẩy sự gắn kết cộng đồng. Các tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình 135, đây cũng là Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, qua triển khai thực hiện rộng rãi ở đồng bằng sông Cửu Long, kết quả đã đạt được những thành tựu quan trọng. Mặt khác, các địa phương tập trung vào việc cải thiện, đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chính sách cho hộ nghèo, cận nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi để có điều kiện vươn lên trong cuộc sống; hỗ trợ sinh kế và đào tạo nghề cho người dân. Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long nói chung, và đối với dân tộc thiểu số nói riêng đã giảm đáng kể, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của khu vực [115].

Trong lĩnh vực chính trị: đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần củng cố vững chắc hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của Đảng bộ và chính quyền các cấp. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được quan tâm thực hiện thường xuyên, đổi mới về nội dung và phương pháp, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ được sắp xếp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chính quyền địa phương chỉ còn 2 cấp (tỉnh và xã), đây là bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước được nâng cao, tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng tăng. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, đảm bảo tính nghiêm minh, kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Công tác dân vận có nhiều đổi mới, gắn với nhiệm vụ chính trị, phát huy tốt vai trò của hệ thống chính trị và lực lượng cốt cán trong tôn giáo, dân tộc; phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai hiệu quả.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: văn hóa là cầu nối giữa các dân tộc, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian qua, Đảng bộ và Chính quyền các tỉnh, thành trong khu vực đã triển khai nhiều chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc, đặc biệt là văn hóa Khmer, Hoa và Chăm. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “*xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đã tạo nên bước chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long. Các lễ hội văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số như lễ hội Ok Om Bok (lễ cúng trăng) của người Khmer, lễ hội Nghinh Ông của người Hoa, và các nghi lễ Hồi giáo của người Chăm,... đã được tổ chức thường xuyên với quy mô lớn hơn, thu hút sự tham gia đông đảo của người dân.

Về chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực, qua khảo sát về đảm bảo các nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở và vui chơi giải trí 36,79% đánh giá tốt. Chăm sóc sức khỏe là lĩnh vực nhận được đánh giá tích cực với 72,41% cho rằng tốt. Đặc biệt, đồng bào đánh giá cao việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết và phong tục tập quán của dân tộc mình với 29,91% đánh giá rất tốt và 69,91% tốt, phản ánh sự quan tâm lớn đối với việc bảo tồn văn hóa dân tộc (*Xem phụ lục 6, bảng 8*).

Trong lĩnh vực giáo dục: lĩnh vực giáo dục và đào tạo không ngừng được mở rộng theo hướng chuẩn hóa, chất lượng. Mạng lưới trường lớp và quy mô học sinh ở các bậc học, cấp học ngày một nâng lên. Các cơ sở giáo dục đại học phát triển mạnh như: Trường Đại học Cần Thơ (thành phố Cần Thơ), trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang), trường Đại học Đồng Tháp (tỉnh Đồng Tháp), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long),... Các ngành đào tạo ngày càng đa dạng, đa lĩnh vực và giữ vai trò quan trọng trong đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ trẻ em ở đồng bằng sông Cửu Long trong độ tuổi học tiểu học và trung học cơ sở đã đi học đạt trên 90%. Hiện nay, đồng bằng

sông Cửu Long có hơn 2.000 cơ sở giáo dục mầm non; 5.671 cơ sở giáo dục tiểu học; 1.341 cơ sở giáo dục THCS; 350 cơ sở giáo dục THPT. Toàn vùng có 16 trường đại học (công lập và ngoài công lập), 26 trường Cao đẳng, 62 cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Các hoạt động như hỗ trợ khi gặp khó khăn đột xuất (99,64%), miễn giảm học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo (87,23%) và cấp thẻ bảo hiểm y tế (82,5%) đạt tỷ lệ rất cao (*Xem phụ lục 6, bảng 18*). Các lớp học song ngữ Việt - Khmer và Việt - Hoa đã được mở rộng tại nhiều địa phương. Điều này giúp học sinh dân tộc thiểu số có cơ hội học tập tốt hơn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa của mình.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh: Các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long đã quán triệt sâu sắc nội dung và xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”. Đồng thời, thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với việc bố trí, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố, xây dựng thế trận lòng dân ngày càng vững chắc. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý hiệu quả các vụ việc liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong khu vực, không để bị động, bất ngờ, phát sinh thành điểm nóng. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục phát triển mạnh mẽ với nhiều mô hình “*dân vận khéo*” hiệu quả, tiêu biểu như: “*Toàn dân tham gia tố giác tội phạm và tệ nạn xã hội qua đường dây nóng*”; “*Kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy*”; “*Camera an ninh*”; mô hình “*3 không*”; mô hình “*6 không*”, mô hình “*9 không*”,... Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được đẩy lùi. Nhiều biện pháp được triển khai bảo đảm trật tự công cộng, trật tự đô thị, an toàn giao thông, hạn chế tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn.

- *Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.*

Trong quá trình phát triển, các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long luôn phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, gắn bó keo sơn, cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước âm mưu, thủ đoạn, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù

địch, đồng bào các dân tộc trong vùng đã nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại tinh vi, xảo quyệt.

Trên cơ sở triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về *“công tác dân tộc”* và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *“đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp thực tiễn. Nhiều mô hình mang lại hiệu quả cao trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được nhân rộng như: mô hình *“Câu lạc bộ Người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”* ở tỉnh An Giang; mô hình *“Gương sáng học và làm theo Bác trong đồng bào dân tộc Khmer”* ở tỉnh Bạc Liêu; *“Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”* ở các tỉnh, thành phố; mô hình *“3 không”* trong chùa Khmer (không mê tín dị đoan, không nghe theo kẻ xấu, không vi phạm pháp luật ngày càng phát huy hiệu quả). Mặt trận Tổ quốc ở các tỉnh, thành phố trong khu vực cũng đã tổ chức nhiều diễn đàn như *“Nghe dân nói”*, *“Gặp gỡ, đối thoại với người có đạo”*, *“Đồng hành cùng đồng bào dân tộc, tôn giáo”*, qua đó chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải thích và phản bác luận điệu sai trái.

- *Thực hiện Ngày hội đại đoàn kết dân tộc (18/11 hằng năm).*

Hằng năm, các địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long tham gia tích cực Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11). Thông qua Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở đã nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về truyền thống vẻ vang của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tiếp tục tăng cường, xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ mới, qua đó tiếp tục động viên các tầng lớp nhân dân tích cực chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, thực hiện tốt việc *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* góp phần phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa phương.

Thông qua việc tổ chức *“Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc”* nhiều gương người tốt việc tốt, những điển hình, nhân tố mới trên các lĩnh vực của đời sống xã

hội, thi đua phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo được biểu dương khen thưởng, tạo sự lan tỏa trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước tại các khu dân cư; các giá trị văn hóa mang bản sắc dân tộc đã được gìn giữ và phát huy, đó là những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, góp phần củng cố tình làng nghĩa xóm, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng.

3.2.1.2. Nguyên nhân

- Sự lãnh đạo đúng đắn, nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị – xã hội luôn xác định xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là chiến lược cách mạng cơ bản, lâu dài, là nguồn sức mạnh chủ yếu để phát triển đất nước.

Các cấp ủy Đảng quán triệt sâu sắc trong thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về *“phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”* [22], qua 20 năm thực hiện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đảng tiếp tục kiên định nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh đại đoàn kết dân tộc, coi đây là nguyên lý cốt lõi trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong các nghị quyết Trung ương và Đảng bộ các tỉnh, thành phố trong vùng, nội dung phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết luôn được đặt ở vị trí trung tâm, gắn chặt với phát triển bền vững và giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

Đảng ta đã cụ thể hóa đường lối đoàn kết thành chính sách phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số như Khmer, Hoa, Chăm. Các chương trình như 135, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước nâng cao đời sống, phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới. Đảng đã quan tâm xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh ở cơ sở, nâng cao chất lượng

cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng đã lãnh đạo phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, vận động nhân dân hưởng ứng tích cực các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”. Nhờ đó, tinh thần đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo trong vùng ngày được thắt chặt. Trước yêu cầu phát triển của kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đảng ta đã chỉ đạo lồng ghép mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vào các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, tăng cường liên kết vùng..., nhằm bảo đảm công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Như vậy, sự lãnh đạo đúng đắn, nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam được xem là nhân tố quyết định trong xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Đây là nền tảng vững chắc để vùng phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Phát huy tốt vai trò tổ chức, quản lý xã hội của Nhà nước trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong tổ chức và quản lý xã hội, là lực lượng trực tiếp cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động cụ thể. Đối với đồng bằng sông Cửu Long, khu vực giàu tiềm năng nhưng cũng đầy thách thức, sự chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong quản lý nhà nước là điều kiện then chốt để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Trong thời gian qua, Nhà nước đã thể chế hóa kịp thời và đồng bộ các chủ trương, đường lối về đại đoàn kết dân tộc, ban hành hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân. Thông qua các văn bản như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2015), Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016) cùng các văn bản dưới luật, Nhà nước đã tạo khung pháp lý vững chắc để tổ chức thực hiện đoàn kết dân tộc trên thực tế. Đồng thời, việc ban hành và triển khai hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội như chương trình mục tiêu

quốc gia về giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã góp phần thu hẹp khoảng cách vùng miền, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào Khmer, Hoa, Chăm, đây là những cộng đồng dân cư tiêu biểu trong khu vực.

Vai trò của Nhà nước còn thể hiện rõ trong việc tổ chức thực hiện chính sách một cách chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương. Các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long đã vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương vào thực tiễn, phát huy tốt vai trò chính quyền cơ sở, xây dựng chính quyền gần dân, vì dân, tôn trọng nhân dân và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc, tôn giáo. Chính quyền các cấp đã chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm lý, nhu cầu của nhân dân để có phương án hỗ trợ, can thiệp kịp thời, không để xảy ra điểm nóng, mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, qua đó giữ vững ổn định chính trị và tăng cường đồng thuận xã hội.

Nhà nước đã điều phối, gắn kết các lực lượng trong hệ thống chính trị, đặc biệt là trong việc phối hợp giữa chính quyền địa phương - Mặt trận Tổ quốc - các đoàn thể nhân dân trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh trật tự khóm, ấp, xã, phường; xây dựng đời sống văn hóa, đạo đức trong cộng đồng dân cư. Nhiều mô hình điểm về tự quản, hòa giải, khuyến học, bảo tồn văn hóa dân tộc đã được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển và nhân rộng. Nhờ đó, người dân ở cả đô thị và nông thôn, người Kinh cũng như các dân tộc thiểu số đều được tạo điều kiện tham gia vào quá trình quản lý xã hội, cùng nhau xây dựng đời sống đoàn kết, nghĩa tình.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, dịch bệnh và đô thị hóa diễn biến phức tạp, vai trò điều tiết và điều hành của Nhà nước càng trở nên quan trọng. Việc tích hợp mục tiêu phát triển bền vững với mục tiêu tăng cường đoàn kết dân tộc được thể hiện qua các chương trình chuyển đổi sinh kế, phát triển nông nghiệp thông minh, bảo vệ nguồn nước, đảm bảo an sinh xã hội,... Các chính sách này không chỉ hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn mà còn góp phần củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, từ đó tăng cường đoàn kết trong cộng đồng.

Tóm lại, vai trò tổ chức và quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã và đang được phát huy hiệu quả ở đồng bằng sông Cửu Long, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho nhân dân các dân tộc sẽ là yếu tố quyết định để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh phát triển vùng lên tầm cao mới.

- Có hình thức, phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với thực tiễn, điều kiện của đồng bằng sông Cửu Long.

Việc lựa chọn đúng hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện giữ vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, quyết định hiệu quả của quá trình vận động, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân. Với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa và dân tộc đặc thù của đồng bằng sông Cửu Long, việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức và phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết đã trở thành một trong những yếu tố then chốt góp phần bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế và củng cố niềm tin nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Trong thời gian qua, các hình thức vận động đoàn kết được triển khai đa dạng, linh hoạt, sát với đời sống nhân dân. Trong đó, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động tổ chức nhiều hoạt động phong phú như: “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” (18/11 hằng năm), các diễn đàn nhân dân, hội thi văn hóa - thể thao, ẩm thực của các dân tộc, lễ hội truyền thống của đồng bào Kinh, Khmer, Chăm, Hoa được tổ chức với sự đồng hành của chính quyền và hệ thống chính trị. Các hoạt động này vừa góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, vừa tạo không gian giao lưu, gắn bó giữa các cộng đồng dân cư, qua đó làm sâu sắc thêm tinh thần đoàn kết, hiểu biết, tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc, tôn giáo.

Phương pháp tiếp cận cộng đồng dựa trên nguyên tắc tôn trọng, lắng nghe và đồng hành cùng nhân dân được áp dụng hiệu quả. Thay vì áp đặt một chiều, các cấp chính quyền và đoàn thể ở đồng bằng sông Cửu Long đã vận dụng cách làm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, lắng nghe dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin”. Chính phương pháp gần dân, sát dân, tin dân đã giúp giải quyết kịp thời các mâu thuẫn tiềm

ấn, tạo sự đồng thuận và chủ động tham gia của người dân trong các hoạt động xây dựng đời sống cộng đồng. Việc gắn kết nội dung đại đoàn kết với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội cũng là phương pháp được thực hiện rộng khắp và mang lại hiệu quả rõ nét. Thông qua các chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, an sinh xã hội, chuyển đổi cây trồng - vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, các cấp chính quyền đã vận động nhân dân chung sức thực hiện, đồng thời khơi dậy tinh thần trách nhiệm, cùng nhau vươn lên phát triển kinh tế hộ, hợp tác xã, làng nghề truyền thống,... Trong quá trình ấy, mối quan hệ đoàn kết không chỉ được vun đắp trên nền tảng tinh thần mà còn hiện hữu trong hành động tập thể, sự gắn bó lợi ích và tương thân tương ái trong nhân dân, đồng bào các dân tộc.

Nhiều địa phương trong vùng đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, báo chí địa phương để tuyên truyền chủ trương, chính sách đoàn kết dân tộc một cách dễ hiểu, sinh động và tiếp cận đến từng đối tượng. Việc kết hợp giữa tuyên truyền truyền thống (họp dân, thông tin miệng) với hình thức mới (video clip, tọa đàm, diễn đàn trực tuyến, qua mạng xã hội) đã gia tăng hiệu quả truyền thông, nâng cao nhận thức cho đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Điểm nổi bật trong phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết ở đồng bằng sông Cửu Long là sự kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền và vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể. Cơ chế phối hợp này không cứng nhắc mà mềm dẻo, linh hoạt theo điều kiện từng địa phương; từ đó bảo đảm tính đồng bộ, nhịp nhàng trong triển khai các chủ trương, tránh chồng chéo hoặc hình thức, góp phần tạo dựng niềm tin và sự đồng thuận cao trong nhân dân. Nhìn chung, nhờ lựa chọn đúng đắn, phù hợp các hình thức và phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với đặc thù vùng đồng bằng sông Cửu Long, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã trở thành phong trào xã hội sâu rộng, lan tỏa trong mọi lĩnh vực đời sống. Đây là một minh chứng sinh động cho tư duy đổi mới, thực tiễn và nhân văn trong công tác vận động quần chúng hiện nay là nền tảng vững chắc để tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của vùng đất giàu truyền thống cách mạng và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nhờ có đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết, tinh thần trách nhiệm và tích cực trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đội ngũ cán bộ từ Trung ương đến cơ sở chính là lực lượng nòng cốt, trực tiếp hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống nhân dân. Ở đồng bằng sông Cửu Long, đội ngũ cán bộ đã không ngừng được rèn luyện, trưởng thành và nâng cao trình độ toàn diện về chính trị, tư tưởng, chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều địa phương trong vùng đã chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ nữ nhằm tạo nguồn nhân lực kế cận có chất lượng. Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy, hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng tăng, thể hiện rõ chính sách trọng dụng, khuyến khích và phát huy vai trò của người dân bản địa trong quản lý nhà nước và công tác dân vận.

Trong quá trình triển khai các chương trình giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, ứng phó với biến đổi khí hậu, cán bộ cơ sở đã chủ động “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, vận động, giải thích, thuyết phục người dân cùng tham gia. Chính tấm gương tận tụy, trách nhiệm, thấm nhuần đạo đức công vụ và lòng yêu nước của đội ngũ cán bộ đã tạo dựng niềm tin vững chắc trong nhân dân, làm cầu nối gắn kết giữa ý Đảng với lòng dân.

Nhiều cán bộ địa phương đã tích cực đổi mới phương pháp công tác, phát huy sáng kiến trong xây dựng các mô hình tự quản, mô hình “dân vận khéo”, “Người lớn tuổi tiêu biểu”, “chức sắc tôn giáo gương mẫu”, “người có uy tín trong cộng đồng dân cư”,... Đây là những phương pháp phù hợp với đặc thù văn hóa - xã hội của vùng, vừa phát huy truyền thống cộng đồng, vừa tạo điều kiện để các lực lượng xã hội cùng tham gia quản lý, điều hành, giám sát, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Nhờ đó, các chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không còn là khẩu hiệu mà trở thành hành động cụ thể, thực chất và lan tỏa trong đời sống xã hội.

Đội ngũ cán bộ tại các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long còn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong giữ gìn ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm đoàn kết dân tộc - tôn giáo, nhất là trong bối cảnh nhiều thách thức mới như thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường lao động,... Nhiều địa phương đã xử lý kịp thời các vụ

việc phức tạp, mâu thuẫn tiềm ẩn trong cộng đồng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện ổn định để nhân dân yên tâm lao động, sản xuất, học tập và sinh hoạt.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết, trách nhiệm và gần gũi với nhân dân đã, đang và sẽ tiếp tục là nhân tố then chốt trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, am hiểu địa bàn, gắn bó với cơ sở không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là chiến lược lâu dài nhằm bảo đảm sự vững mạnh của hệ thống chính trị và sự phát triển bền vững của cả vùng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Ý thức tự giác và sự đồng thuận của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long ý thức tự giác của nhân dân thể hiện rõ trong việc tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Nhân dân ở các địa phương đã chủ động tham gia hiến đất làm đường, đóng góp công sức xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư, bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội và thiên tai; đồng bào các dân tộc thiểu số như Khmer, Hoa, Chăm luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó, chung sức, chung lòng với cộng đồng dân cư, tôn trọng pháp luật, tích cực phát huy vai trò trong đời sống chính trị, xã hội ở địa phương.

Sự đồng thuận của nhân dân là nền tảng quan trọng để thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong những lĩnh vực có liên quan đến quyền lợi, niềm tin và văn hóa của cộng đồng. Việc nhân dân tin tưởng và ủng hộ các chương trình, dự án phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách an sinh xã hội,... đã góp phần tạo nên môi trường ổn định, hài hòa giữa các thành phần dân cư. Với truyền thống “kính trên, nhường dưới”, “tình làng nghĩa xóm”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no” đã được phát huy, lan tỏa thông qua các hoạt động cộng đồng. Cán bộ gần dân, hiểu dân,

dựa vào dân chính là yếu tố khơi dậy tinh thần tự quản, tự chủ, tự giác trong nhân dân. Mô hình “ấp văn hóa” chính là sản phẩm tiêu biểu của sự đồng thuận trong nhân dân.

Chính vì vậy, ý thức tự giác và sự đồng thuận của nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long là một trong những yếu tố cốt lõi góp phần xây dựng, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là kết quả của sự tuyên truyền, vận động mà sâu xa hơn, đó là biểu hiện của một truyền thống văn hóa đoàn kết lâu đời, là niềm tin chính trị vững chắc và là động lực thúc đẩy sự phát triển đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được xem là nhiệm vụ chiến lược, quyết định sự thành bại của cách mạng. Tuy nhiên, thực tiễn ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cho thấy, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác “Dân vận”, “Mặt trận” và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của vùng.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa thật sự thấm nhuần quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đại đoàn kết dân tộc. Trong nhận thức, vẫn còn biểu hiện xem nhẹ vai trò của các lực lượng xã hội ngoài Đảng, chưa thực sự tin tưởng vào sức mạnh, trí tuệ và vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một số cán bộ cơ sở còn mắc bệnh hình thức trong công tác dân vận, tổ chức các hoạt động giao lưu, gặp gỡ giữa các dân tộc, tôn giáo mang tính đối phó, thiếu chiều sâu, không gắn với giải quyết quyền lợi thiết thực của người dân.

Đối với nhân dân, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo thiếu hiểu biết về chủ trương, đường lối xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phần

do điều kiện thông tin, trình độ học vấn còn thấp, phần do tâm lý tự ti, mặc cảm từ đó dẫn đến có thái độ xem xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chỉ là nhiệm vụ của cấp trên, của chính quyền, chưa thấy rõ trách nhiệm, quyền lợi và vai trò chủ thể của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính những điều này đã phần nào cản trở quá trình quy tụ lòng dân, hạn chế hiệu quả của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Như vậy, nếu không khắc phục được tình trạng thiếu nhận thức đầy đủ và toàn diện này thì mục tiêu xây dựng một khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, thống nhất ý chí và hành động, đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức để phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long sẽ khó đạt được.

- Vấn đề hòa hợp, đoàn kết các cộng đồng dân tộc, tôn giáo ở một số địa phương của đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội vẫn còn một số bất cập.

Đồng bằng sông Cửu Long với đa dạng các cộng đồng dân tộc như Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và cùng với sự hiện diện của nhiều tôn giáo lớn như Phật giáo, Hòa Hảo, Công giáo, Tin Lành, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa... thì vấn đề hòa hợp, đoàn kết giữa các cộng đồng ấy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, tại một số địa phương trong khu vực, tình hình hòa hợp, đoàn kết dân tộc, tôn giáo vẫn còn tồn tại những bất cập, tác động tiêu cực đến việc triển khai xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ở một số nơi vẫn chưa nhận thức đầy đủ về yêu cầu khách quan và tính cấp thiết của việc hòa hợp, đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ mới. Việc thực hiện quyền bình đẳng và bảo đảm sinh kế giữa các cộng đồng dân cư vẫn còn chênh lệch. Nhiều vùng có đông đồng bào Khmer hoặc tín đồ tôn giáo vẫn thuộc diện nghèo, thiếu đất sản xuất, điều kiện hạ tầng yếu kém, tiếp cận giáo dục, y tế, thông tin còn nhiều rào cản. Bất cập này đã tạo ra khoảng cách phát triển, gây trở ngại cho việc củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong nhân dân.

Một số phần tử phản động và thế lực thù địch vẫn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Lợi dụng mạng xã hội, chúng gieo rắc thông tin sai lệch về quyền tự do

tín ngưỡng, khiếu kiện về đất đai liên quan đến cơ sở tôn giáo hoặc gây mâu thuẫn giữa các nhóm cộng đồng, đặc biệt là trong các dịp lễ tết hoặc sự kiện chính trị lớn. Ở một số địa phương, sự thiếu cảnh giác và khả năng phản bác chưa cao của cán bộ cơ sở khiến công tác vận động quần chúng gặp khó khăn, làm gia tăng rào cản trong việc xây dựng niềm tin giữa chính quyền và nhân dân. Vấn đề nhân quyền, dân chủ, tự do tôn giáo cũng bị các thế lực xấu xuyên tạc nhằm kích thích tư tưởng ly khai trong đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ phong trào ly khai thành lập một hệ phái Phật giáo độc lập khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tạo nền tảng cho các yêu sách chính trị đòi thành lập “Khu tự trị của người Khmer Crôm” ở Nam Bộ. Họ khai thác các đặc thù tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào Khmer để lôi kéo, tuyên truyền, tạo rạn nứt với người Kinh và dân tộc khác, qua đó làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hòng phá vỡ tình hữu nghị tốt đẹp giữa nhân dân Việt Nam và Campuchia. Các hoạt động khác như kích động tổ chức “ngày tưởng niệm mất đất” dựa trên Hiệp định phân định biên giới, cổ xúy “đòi lại đất cha ông” và xúi giục đồng bào bỏ sang Campuchia nhằm gây rối loạn chính trị và an ninh khu vực. Ngoài ra, việc một số phần tử xấu đội lốt tôn giáo để hình thành các “đạo lạ”, tổ chức sinh hoạt trái phép cũng tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương.

Bên cạnh đó, ở một số địa phương sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đôi khi còn mang tính hình thức, chưa phát huy hiệu quả thực chất trong việc củng cố hòa hợp dân tộc, tôn giáo. Các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong nội bộ cộng đồng dân cư, nhất là tại những vùng có tính chất dân cư đa dạng, đan xen về dân tộc, tôn giáo.

Như vậy, việc nhận diện rõ và có giải pháp khắc phục những bất cập trong vấn đề hòa hợp, đoàn kết các cộng đồng dân tộc, tôn giáo ở một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Đây là vấn đề mang tính chính trị - xã hội sâu sắc, là yếu tố nền tảng để bảo đảm cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh.

- Một bộ phận nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long còn thiếu cảnh giác, dễ bị các thế lực thù địch, phản động lợi dụng, lôi kéo, kích động, chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, bên cạnh những thời cơ thuận lợi, đất nước ta cũng đang đối mặt với nhiều thách thức mới, trong đó có hoạt động chống phá ngày càng tinh vi, phức tạp của các thế lực thù địch, phản động. Một trong những thủ đoạn nguy hiểm mà chúng đang đẩy mạnh là lợi dụng sự nhẹ dạ, mất cảnh giác của một bộ phận nhân dân ở những vùng còn khó khăn về kinh tế, văn hóa - xã hội để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Thực tế cho thấy, vẫn còn một bộ phận người dân thiếu hiểu biết chính trị, thiếu nhạy bén với âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, dễ bị lôi kéo bởi luận điệu xuyên tạc, kích động. Vấn đề nhận thức chính trị, pháp luật, thiếu thông tin chính thống, đặc biệt là ở những địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có đạo còn nhiều hạn chế. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một phận đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các thế lực phản động thường lan truyền tin giả, bóp méo sự thật, xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, gieo rắc tâm lý hoài nghi, bất mãn trong quần chúng nhân dân.

Với sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội, các đối tượng thù địch ngày càng gia tăng việc sử dụng không gian mạng để tuyên truyền xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đặc biệt trong các dịp lễ trọng đại, sự kiện chính trị lớn của đất nước. Nhiều người dân, nhất là giới trẻ, chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng nhận diện thông tin xấu độc, dễ dàng chia sẻ, bình luận, cổ súy cho các quan điểm lệch lạc, trái chiều, tiếp tay vô tình cho hoạt động chống phá. Bên cạnh đó, sự buông lỏng quản lý ở một số cơ sở, sự hạn chế về năng lực tuyên truyền, vận động quần chúng, đặc biệt là ở cấp cơ sở cũng tạo ra khoảng trống để các thế lực xấu chen chân, tuyên truyền xuyên tạc. Công tác nắm bắt dư luận, phản ứng với thông tin sai lệch chưa thực sự kịp thời, nhiều vụ việc để kéo dài gây bức xúc trong dân, làm suy giảm niềm tin và tạo điều kiện để kẻ xấu kích động, thổi phồng vấn đề. Chính vì vậy, việc một bộ phận nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long còn thiếu cảnh giác, dễ bị lợi dụng, lôi kéo, kích động là vấn đề nghiêm trọng cần được nhận diện đúng đắn, tìm ra nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

- Một số chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long hiệu quả chưa cao, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong quá trình thực hiện đường lối phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định rõ vai trò chiến lược của đồng bằng sông Cửu Long, xác định là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, thủy sản, có vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, trong đó có những chính sách và dự án chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và gián tiếp tác động tiêu cực đến việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của vùng.

Thực trạng cho thấy, một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thiếu tính đồng bộ, chậm triển khai, chưa gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương. Ví dụ điển hình là chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, dù được triển khai rộng khắp, nhưng theo báo cáo giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023), tỷ lệ hộ nghèo ở một số tỉnh như Trà Vinh (11,38%), Sóc Trăng (10,57%), Bạc Liêu (9,78%) vẫn cao hơn nhiều so với mức trung bình cả nước (hơn 5%) [12]. Trong đồng bào dân tộc thiểu số tình trạng thiếu đất sản xuất, việc làm bấp bênh, thu nhập không ổn định vẫn diễn ra phổ biến, gây ra sự chênh lệch phát triển giữa các cộng đồng dân cư, làm phát sinh tâm lý mặc cảm, tự ti, ngại hòa nhập với cộng đồng các dân tộc. Việc đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của vùng. Theo Báo cáo số 103/BC-CP của Chính phủ trình Quốc hội (2022), hệ thống giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục ở đồng bằng sông Cửu Long còn bất cập, thiếu tính kết nối, đặc biệt là ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa. Điều này không chỉ làm giảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản mà còn tạo rào cản cho sự hòa nhập và phát triển toàn diện của người dân trong vùng, từ đó ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng và niềm tin của nhân dân vào các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước.

Về vấn đề chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu triển khai còn chậm, hiệu quả chưa rõ rệt, nhất là trong bối cảnh đồng bằng sông Cửu Long đang chịu tác động nặng nề của hạn hán, xâm nhập mặn, sụt lún đất và sạt lở dọc các sông lớn. Việc thiếu định hướng sinh kế ổn định không chỉ khiến người dân rơi vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo, mà còn làm giảm sự đồng thuận xã hội, cản trở quá trình huy động nguồn lực toàn dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Từ thực trạng trên, có thể thấy rằng, hiệu quả chưa cao của một số chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long không chỉ là vấn đề quản lý, điều hành mà còn là thách thức lớn đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong vùng.

Trước thực trạng trên, đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội phải kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chính sách theo hướng toàn diện, bền vững, lấy người dân làm trung tâm; đồng thời tăng cường giám sát, nâng cao năng lực triển khai thực hiện. Đặc biệt, cần phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong tham gia, giám sát, phản biện các chính sách phát triển vùng, từ đó củng cố niềm tin, nâng cao ý thức tự giác, đồng thuận xã hội trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đồng bằng sông Cửu Long.

3.2.2.1. Nguyên nhân của hạn chế

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Công tác giáo dục lý luận chính trị, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn những hạn chế nhất định, biểu hiện ở tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thật sự gắn bó với điều kiện, đặc điểm cụ thể của vùng. Nội dung giáo dục lý luận chính trị, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại một số địa phương vẫn còn mang tính giáo điều, lý thuyết suông, ít được cụ thể hóa thành các chương trình hành động gắn với đặc điểm dân tộc, tôn giáo, văn hóa vùng miền. Nhiều buổi tuyên truyền, học tập nghị quyết, chỉ thị hoặc sinh hoạt chính trị còn thiên về người đọc và người nghe, thiếu các hình thức tương tác, thảo luận, đối thoại dẫn đến sự nhàm chán

và thiếu hấp dẫn nhất là với cán bộ trẻ và nhân dân vùng sâu, vùng xa. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích, luận giải các vấn đề thực tiễn ở địa phương còn mờ nhạt; một số nơi còn nặng tính hình thức, tổ chức qua loa, đối phó, chưa xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong công tác tư tưởng của hệ thống chính trị.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở còn thiếu và yếu. Năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và trình độ lý luận chưa cao, hạn chế khả năng truyền tải sâu sắc các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc một cách thuyết phục, sinh động và phù hợp với từng đối tượng. Ở một số xã, phường, thị trấn, công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ làm công tác tuyên truyền còn chưa được quan tâm đúng mức; việc sử dụng ngôn ngữ địa phương, biểu đạt gần gũi với các cộng đồng dân tộc thiểu số chưa được chú trọng, dẫn đến hiệu quả truyền đạt thấp. Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chưa thật sự gắn với các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động tại địa phương như: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng nông thôn mới; người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hay Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc. Một số nơi vẫn còn tình trạng tuyên truyền một chiều, chưa lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân; chưa gắn việc giáo dục lý luận với giải quyết những vấn đề bức xúc trong đời sống như sinh kế, đất đai, tôn giáo, môi trường, tác động của biến đổi khí hậu,... nên chưa tạo được niềm tin sâu sắc và sự đồng thuận rộng rãi trong nhân dân.

- Hệ thống văn hóa, giáo dục, y tế ở một số địa phương chưa đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Hệ thống văn hóa, giáo dục và y tế đóng vai trò thiết yếu không chỉ trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân mà còn là nền tảng để xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hiện nay, ở một số địa phương của đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự gắn bó cộng đồng, sự đồng thuận xã hội và quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở nhiều địa phương trong vùng còn yếu kém về cơ sở vật chất như chưa có nhà văn hóa, thư viện, điểm sinh hoạt cộng đồng. Điều này dẫn đến tình trạng nghèo nàn

về đời sống tinh thần, thiếu sân chơi lành mạnh, ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng và làm suy giảm tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong các cộng đồng dân cư.

Đối với lĩnh vực giáo dục cũng còn tồn tại nhiều bất cập. Chất lượng giáo dục giữa các địa phương trong vùng còn có sự chênh lệch lớn, nhất là giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng thuận lợi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất trường lớp còn thiếu thốn, đội ngũ giáo viên ở vùng sâu, vùng xa còn thiếu và yếu ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận tri thức và vươn lên của con em các gia đình nghèo, dân tộc thiểu số. Hệ thống y tế cơ sở vẫn chưa thật sự đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Nhiều trạm y tế xã, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào Khmer, vẫn còn thiếu bác sĩ, thiếu trang thiết bị y tế và thuốc thiết yếu. Báo cáo của Bộ Y tế cho thấy, tính đến cuối năm 2024, chỉ khoảng 62% trạm y tế xã ở đồng bằng sông Cửu Long đạt chuẩn quốc gia, thấp hơn nhiều so với các vùng kinh tế trọng điểm khác. Vấn đề nhận thức về chăm sóc sức khỏe chủ động của một bộ phận người dân còn hạn chế, trong khi điều kiện kinh tế lại khó khăn, khiến nhiều người không có điều kiện khám chữa bệnh kịp thời.

Chính vì vậy, để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long, các cấp ủy Đảng, chính quyền cần đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống văn hóa, giáo dục, y tế theo hướng hiện đại, đồng thời phù hợp với đặc thù từng địa phương.

- Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ở một số nơi chưa đồng bộ, chậm đầu tư phát triển ảnh hưởng đến thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, năng lượng và đô thị đóng vai trò trụ cột, là động lực thúc đẩy kết nối vùng, liên kết chuỗi giá trị và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy, tại nhiều địa phương trong vùng, hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật vẫn còn thiếu đồng bộ, phân tán và chậm được đầu tư phát triển, gây cản trở không nhỏ đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư và đảm bảo an sinh xã hội. Về hạ tầng giao thông ở vùng đồng bằng sông Cửu Long còn yếu và thiếu tính liên kết, nhiều tuyến giao thông huyết mạch quốc lộ

1A vẫn thường xuyên ùn tắc, xuống cấp, gây khó khăn cho vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân. Về hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, chống sạt lở, kiểm soát mặn và tiêu thoát nước vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chậm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn đã kìm hãm tốc độ hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động. Việc thiếu điện ổn định, nước sạch, hệ thống viễn thông, xử lý rác thải ở một số địa phương như Hậu Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, gây cản trở trong thu hút doanh nghiệp đầu tư, làm chậm quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa nông thôn.

Việc để cơ sở hạ tầng yếu kém kéo dài sẽ làm phân hóa xã hội, cản trở việc tập hợp sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là ở những địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, để khắc phục tình trạng này, cần tiếp tục triển khai mạnh mẽ các chương trình trọng điểm như: Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về “phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về “phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu”; Quyết định số 287/QĐ-TTg, ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; cần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư công, ODA và vốn tư nhân để phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; gắn phát triển hạ tầng với phát triển con người và tăng cường gắn kết cộng đồng trên nền tảng công bằng và phát triển bền vững.

- Vấn đề quyền lợi, lợi ích trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo ở một số địa phương của đồng bằng sông Cửu Long chưa được hài hòa, một bộ phận nhân dân thiếu niềm tin vào chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình triển khai các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở một số địa phương như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Bạc Liêu (trước sáp nhập), một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số (Khmer, Hoa, Chăm) và các tín đồ tôn giáo chưa thực sự được tham gia. Theo kết quả khảo sát của Ủy ban Dân tộc (2023), tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer ở Sóc Trăng vẫn ở mức

11,15%, nhiều công trình đầu tư phục vụ sinh kế, nước sạch, điện sinh hoạt triển khai chậm hoặc chưa phù hợp với tập quán canh tác và đời sống văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc.

Trong lĩnh vực tín ngưỡng - tôn giáo, dưới sự lãnh đạo Đảng và Nhà nước luôn khẳng định quan điểm nhất quán là “tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân”, nhưng ở một số nơi, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo còn lúng túng, thiếu linh hoạt, có nơi còn mang tính hành chính, máy móc, chưa phù hợp với đặc thù văn hóa tôn giáo địa phương. Một số quy định liên quan đến đất đai, xây dựng cơ sở tôn giáo hoặc tổ chức lễ hội tín ngưỡng chưa thực sự minh bạch, dẫn đến bức xúc trong một bộ phận chức sắc và tín đồ. Điều này tạo ra khoảng cách tâm lý, gây ra sự hoài nghi, thậm chí ngộ nhận rằng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước không thực sự phục vụ lợi ích của họ dẫn đến một bộ phận nhân dân thiếu niềm tin vào hệ thống chính trị, bị các thế lực thù địch lợi dụng để xuyên tạc, kích động, chia rẽ mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc, các tôn giáo và chính quyền địa phương. Các đối tượng phản động, cơ hội chính trị thường xuyên lợi dụng không gian mạng để tung tin sai sự thật về chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, làm gia tăng sự hoài nghi, chia rẽ niềm tin giữa Đảng với dân.

Trước thực trạng đó, vấn đề rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc, tôn giáo theo hướng đảm bảo tính công bằng, minh bạch, hài hòa lợi ích; tăng cường công tác tuyên truyền, đối thoại, lắng nghe, giải quyết kịp thời những bức xúc chính đáng của nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc làm cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Ngoài ra, cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là ở cơ sở, để mỗi cán bộ thực sự là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc, tôn giáo.

- Trình độ và kỹ năng của một bộ phận cán bộ làm công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở một số địa phương của đồng bằng sông Cửu Long chưa được đào tạo chuyên sâu, thiếu năng lực trong triển khai, thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược, đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng mà còn phải có tri thức sâu rộng về lý luận, am hiểu đặc điểm văn hóa - xã hội của từng vùng, từng dân tộc, từng tôn giáo; có kỹ năng vận động quần chúng, xử lý các tình huống nhạy cảm và khả năng phối hợp giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đặc biệt là ở cấp cơ sở vẫn chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo; thiếu kỹ năng vận động thuyết phục, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong cộng đồng dân cư.

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác dân vận trong tình hình mới ở một số địa phương như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang (trước sáp nhập) cho thấy tỷ lệ cán bộ chuyên trách làm công tác mặt trận, đoàn thể ở cấp xã chưa qua đào tạo chuyên ngành công tác dân tộc, tôn giáo còn khá cao; năng lực phân tích tình hình, dự báo và đề xuất giải pháp còn yếu. Một số cán bộ còn hành chính hóa trong thực hiện nhiệm vụ, thiếu sâu sát cơ sở, ít tiếp cận và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

Sự thiếu hụt về trình độ và kỹ năng làm giảm hiệu quả tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của quần chúng vào đội ngũ cán bộ và vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Thực tế tại một số địa phương cho thấy, khi xuất hiện tình huống phức tạp về tôn giáo, dân tộc, một số cán bộ cơ sở lúng túng trong xử lý, thiếu phương pháp tiếp cận mềm dẻo, linh hoạt, dẫn đến việc giải quyết chậm trễ, không dứt điểm, gây tâm lý bất an, mất đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Nhiều địa phương chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo cán bộ gắn với nhu cầu thực tiễn; công tác luân chuyển, bố trí cán bộ chưa phù hợp với năng lực chuyên môn; cơ chế đánh giá, sàng lọc cán bộ còn nặng về hình thức, thiếu các tiêu chí cụ thể để đo lường năng lực vận động quần chúng, xử lý các vấn đề thực tiễn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền cần xác định rõ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết. Cần chú trọng đào tạo lý luận chính trị, nâng cao nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh,

quan điểm của Đảng về đại đoàn kết dân tộc; đồng thời rèn luyện kỹ năng công tác dân vận, kỹ năng tiếp cận cộng đồng, lắng nghe và giải quyết kiến nghị của người dân.

Như vậy, nâng cao trình độ và kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, nhất là trong bối cảnh giai đoạn đầu của sáp nhập địa giới hành chính, sắp xếp lại chính quyền địa phương 2 cấp có nhiều vấn đề mới đặt ra.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước ta bằng nhiều hình thức tinh vi, nguy hiểm, đặc biệt là thông qua không gian mạng và các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “đa nguyên chính trị”. Một trong những mục tiêu xuyên suốt của chúng là chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại nền tảng vững chắc bảo đảm cho sự ổn định chính trị, phát triển bền vững đất nước, nhất là ở những vùng trọng điểm chiến lược như đồng bằng sông Cửu Long, nơi có đặc điểm đa dân tộc, đa tôn giáo và chịu nhiều thách thức về biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều.

Hiện nay, việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, dư luận trong nhân dân chưa kịp thời; các biện pháp đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, luận điệu xuyên tạc trên mạng xã hội và trong đời sống còn yếu, thiếu tính thuyết phục và chưa mang tính chủ động, linh hoạt. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về tính cấp thiết của việc định hướng tư tưởng, dư luận xã hội trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Việc phối hợp giữa các cơ quan tuyên giáo, công an, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát hiện, xử lý các hoạt động lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chia rẽ, kích động còn thiếu chặt chẽ, thiếu chiều sâu. Công tác phản bác các luận điệu xuyên tạc vẫn còn mang tính bị động, chủ yếu dừng lại ở việc xóa tin, xóa bài viết phản động mà chưa có nhiều bài viết đấu tranh trực diện, sắc bén nhằm định hướng dư luận trước các luận điệu sai trái. Cùng với đó, tình trạng một

bộ phận cán bộ cơ sở ngại va chạm, né tránh phản bác các quan điểm sai trái cũng góp phần làm giảm hiệu quả tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng.

Mặt khác, việc tận dụng các phương tiện truyền thông hiện đại thông qua các mạng xã hội diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng vẫn còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa có đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền chuyên nghiệp trên nền tảng số, chưa xây dựng được lực lượng cộng tác viên dư luận xã hội đủ mạnh để định hướng và lan tỏa thông tin tích cực, phản bác kịp thời những thông tin xấu độc, xuyên tạc. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông chính thống đôi khi còn khô khan, hình thức, chưa phù hợp với tâm lý, văn hóa và ngôn ngữ vùng miền, đặc biệt là trong tiếp cận với đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo.

Tóm lại, để công tác tuyên truyền, vận động, định hướng dư luận thực sự trở thành “lá chắn mềm” trong bảo vệ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long cần có sự vào cuộc mạnh mẽ, đồng bộ và sáng tạo từ nhiều phía. Chỉ khi tư tưởng được thông suốt, lòng dân được quy tụ, mới có thể xây dựng được một khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, đủ sức vượt qua mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại từ bên ngoài. Từ thực tế của vùng đã đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các cấp ủy, chính quyền và lực lượng tuyên truyền trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; đổi mới tư duy, phương thức, nâng cao năng lực “truyền thông chính trị” và trình độ “phản bác lý luận”, từ đó làm chủ không gian thông tin, chủ động tấn công, bóc trần âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

3.3. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.3.1. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và nhân dân về tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn

Để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thì vấn đề nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và nhân dân về tầm quan trọng của xây dựng khối đại

đoàn kết dân tộc là cấp thiết vì chỉ khi nhận thức đúng mới bảo đảm các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, hiện nay một bộ phận chủ thể chưa xác định rõ ràng vai trò của mình, nhận thức chưa đúng đắn về tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; trách nhiệm của cán bộ không minh bạch, phương thức và nội dung hoạt động còn chậm đổi mới, thiếu sự linh hoạt và vẫn mang nặng cơ chế tập trung. Nội dung và phương thức hoạt động của một bộ phận tổ chức Đảng và các đoàn thể ở các địa phương còn mang tính hình thức, thiếu sáng tạo. Vai trò lãnh đạo của Đảng ở một số nơi bị suy yếu, thậm chí có nơi cấp ủy Đảng và chính quyền còn thiếu sự nhất quán giữa lời nói và hành động, chỉ quan tâm đến lợi ích, dẫn đến tình trạng báo cáo sai sự thật, chạy theo thành tích vẫn còn nhiều.

Ở một số địa phương vẫn bộc lộ nhiều hạn chế trong quản lý hành chính Nhà nước, dẫn đến giảm sút lòng tin của nhân dân. Cán bộ chuyên trách ở một số ngành, lĩnh vực chưa sâu sát thực tế, thiếu gắn bó với đời sống của người dân, chủ yếu dựa trên các báo và truyền thông đưa tin nên việc nắm bắt tình hình thực tế trên địa bàn chưa sâu sát. Sự lỏng lẻo trong quản lý, nắm bắt tình hình phần nào đã tạo kẽ hở cho các đối tượng xấu xuyên tạc, chống phá chính sách, nếu không có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, những hệ lụy tiêu cực có thể xảy ra hậu quả khó lường và làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

3.3.2. Phương pháp tuyên truyền, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chậm đổi mới so với yêu cầu của thực tiễn

Hiện nay các phương thức tuyên truyền và thúc đẩy xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa có nhiều đổi mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Với sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo, đặc trưng về nét văn hóa của đồng bằng sông Cửu Long cần phải có phương pháp tuyên truyền linh hoạt, phù hợp với từng nhóm dân cư, đặc biệt là những nhóm có văn hóa và ngôn ngữ riêng biệt như người Khmer. Một trong những vấn đề lớn là các phương pháp tuyên truyền ở đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung vẫn còn mang tính truyền thống, chưa có nhiều đổi mới, nhiều hình thức tuyên truyền vẫn dựa vào các hoạt động tập trung đông người như hội họp, tuyên truyền miệng và phát tờ rơi, vốn không thực sự phù hợp với yêu cầu hiện đại. Sự thiếu

vắng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như mạng xã hội, truyền hình trực tuyến hay việc sử dụng các ứng dụng trên điện thoại di động cần được quan tâm nhiều hơn. Trong khi đó, người dân hiện nay, đặc biệt là giới trẻ, lại có xu hướng tiếp cận thông tin qua các nền tảng trực tuyến hơn là các hình thức truyền thống.

Trong bối cảnh hiện nay, không gian mạng xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của mỗi người, do đó cần có các chiến dịch truyền thông số, các mạng xã hội như: Facebook, Zalo, và YouTube, ứng dụng di động để công tác tuyên truyền, vận động trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được nhanh và mang lại hiệu quả cao. Việc chưa ứng dụng mạnh mẽ các nền tảng công nghệ số trong hoạt động tuyên truyền sẽ trở nên lỗi thời, bất cập so với thực tiễn. Đây là hạn chế đáng kể, làm giảm hiệu quả của quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Ngoài ra, cần có sự đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền, kết hợp giữa các phương tiện truyền thống và hiện đại, tạo ra sự phong phú và hấp dẫn. Sử dụng các video ngắn, ảnh động và câu chuyện truyền cảm hứng về đoàn kết giữa các dân tộc góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục.

3.3.3. Trình độ chuyên môn và năng lực của một bộ phận cán bộ dân vận chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, công tác dân vận là rất quan trọng, muốn công tác này hiệu quả thì vấn đề đảm bảo về trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ phụ trách là một yêu cầu cấp thiết. Cán bộ dân vận là cầu nối giữa Đảng với dân, truyền tải đường lối, nghị quyết của Đảng vào trong cuộc sống các dân tộc và tạo sự gắn kết giữa các dân tộc với nhau. Khi cán bộ dân vận có đủ năng lực và kỹ năng, họ không chỉ giúp các chính sách của Đảng, Nhà nước đi sâu vào đời sống mà còn tạo niềm tin, nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong công tác dân vận. Tuy nhiên, một trong những mâu thuẫn lớn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là khoảng cách giữa yêu cầu đổi mới của thực tiễn với trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ dân vận. Trong khi yêu cầu thực tiễn đòi hỏi cán bộ dân vận phải có tư duy nhạy bén, am hiểu sâu sắc về tình hình chính trị - xã hội, có kỹ năng vận động nhân dân, đồng bào các dân tộc trong bối cảnh đa

dạng văn hóa, tôn giáo, dân tộc, thì trên thực tế, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đó.

Bất cập rõ rệt thể hiện ở chỗ: nhiều cán bộ dân vận chưa được đào tạo bài bản về công tác dân tộc - tôn giáo, chưa nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thậm chí thiếu cả kỹ năng giao tiếp, thuyết phục và tạo dựng niềm tin trong quần chúng. Trong khi đó, các thách thức mới như âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ngày càng tinh vi, thì năng lực phân tích, dự báo và xử lý tình huống thực tế của đội ngũ cán bộ dân vận lại còn hạn chế, thiếu tính chủ động, sáng tạo.

Các cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ cán bộ dân vận chưa theo kịp yêu cầu mới. Công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bồi dưỡng cán bộ dân vận ở một số địa phương vẫn còn hình thức, thiếu chiều sâu, chưa gắn với đặc thù địa phương, nhất là tại những nơi có đông đồng bào dân tộc Khmer, Hoa, Chăm sinh sống. Trong khi các nghị quyết như Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về công tác dân vận trong tình hình mới, đã nhấn mạnh vai trò then chốt của cán bộ dân vận cơ sở, thì việc cụ thể hóa các nội dung này ở nhiều địa phương còn chậm, thiếu đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

Thực tế hiện nay cho thấy, tỷ lệ cán bộ dân vận được đào tạo chính quy về công tác xã hội và dân vận ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn khá thấp, đa phần mới chỉ trải qua các khóa học ngắn hạn hoặc tự đào tạo thông qua kinh nghiệm công việc. Hậu quả là, nhiều cán bộ chưa nắm vững các phương pháp tiếp cận cộng đồng, dẫn đến việc xử lý các vấn đề xã hội còn thiếu thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Một minh chứng cụ thể là trong các chương trình vận động hỗ trợ cộng đồng dân tộc Khmer tại các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh và An Giang, nhiều cán bộ dân vận gặp khó khăn trong việc tiếp cận, xâm nhập, hòa hợp vào đời sống của các dân tộc thiểu số. Một số cán bộ còn hạn chế về ngôn ngữ các dân tộc, văn hóa và phong tục tập quán, điều này dẫn đến tình trạng phổ biến các chính sách dân sinh, hỗ trợ đời sống chưa đạt hiệu quả như mong muốn, thậm chí gây ra những mâu thuẫn không đáng có. Mặt khác, nhiều cán bộ dân vận chưa có kỹ năng để tạo các mối quan hệ bình đẳng, lắng nghe và đáp ứng nguyện vọng của người dân một cách cởi mở và minh bạch.

Điều này dẫn đến tình trạng, mặc dù có những chương trình hỗ trợ cụ thể nhưng việc triển khai vẫn gặp nhiều trở ngại do thiếu sự ủng hộ và tin tưởng từ cộng đồng.

Sự bất cập giữa yêu cầu thực tiễn và năng lực của đội ngũ cán bộ dân vận là một trong những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp dẫn đến việc triển khai nhiều chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc còn lúng túng, thiếu chiều sâu và chưa thu hút được các tầng lớp nhân dân, làm giảm hiệu quả vận động quần chúng tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

3.3.4. Trình độ dân trí của một bộ phận nhân dân các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long còn thấp ảnh hưởng đến triển khai, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một bất cập nổi bật hiện nay trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long là sự chưa cân xứng giữa yêu cầu của thực tiễn phát triển và trình độ dân trí của một bộ phận nhân dân, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số. Trong khi Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn như Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX) về “*công tác dân tộc*”; chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 thực tế cho thấy một bộ phận người dân vẫn khó tiếp cận, thậm chí không nắm được nội dung cơ bản của những chính sách này.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các chính sách ngày càng toàn diện, yêu cầu thực hiện ngày càng cao nhưng năng lực tiếp nhận và chủ động thực hiện của một bộ phận người dân lại không theo kịp. Sự chênh lệch giữa trình độ dân trí, hiểu biết về chính sách, pháp luật, quyền và nghĩa vụ công dân với đòi hỏi thực tiễn xã hội vẫn chưa cân xứng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các chương trình phát triển, mà còn làm suy giảm tính chủ động và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc.

So với các khu vực khác trong cả nước, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo nghề còn cao, trong khi tỷ lệ người dân mù chữ ở các khu vực nông thôn, vẫn tồn tại. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có tỷ lệ người dân học đến cấp trung học phổ thông và cao đẳng, đại học

thấp nhất cả nước. Điều này tác động đến việc nhận thức của nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Nhiều người dân chưa hiểu rõ vai trò của sự đoàn kết dân tộc dẫn đến thờ ơ, không tích cực tham gia vào các phong trào xã hội và thực hiện đường lối, chính sách đại đoàn kết dân tộc do chính quyền địa phương phát động. Một số người dân còn cho rằng việc thực hiện các chính sách đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của chính quyền còn bản thân mình không có trách nhiệm phải tham gia.

Các chương trình nâng cao dân trí và cải thiện kiến thức cho người dân đã được triển khai ở nhiều nơi trong khu vực. Tuy nhiên, do thói quen sinh hoạt và tập quán cũ nhiều người vẫn chưa hiểu đúng và đủ về tầm quan trọng của các phong trào toàn dân đoàn kết. Hệ quả là khi các tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương kêu gọi người dân tham gia vào các hoạt động như bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, xây dựng nếp sống văn minh, vẫn còn một bộ phận người dân chưa tích cực tham gia. Mặc dù chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm nâng cao trình độ dân trí như mở các lớp học xóa mù chữ, phổ cập nhưng nhìn chung hiệu quả chưa cao. Ở nhiều khu vực nông thôn, hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất vẫn còn nhiều thiếu thốn. Đồng thời, việc khuyến khích thanh thiếu niên học tập, nâng cao trình độ cũng gặp nhiều trở ngại vì một bộ phận gia đình sống với nghề nghiệp truyền thống có tư tưởng chỉ cần cho con học biết chữ, biết viết là đủ.

Nhìn chung, trình độ dân trí ở đồng bằng sông Cửu Long còn thấp đang là một trong những trở ngại lớn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là một khoảng trống cần được lấp đầy bằng những giải pháp căn cơ nếu không có những biện pháp hiệu quả, kịp thời để nâng cao dân trí thì các chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc sẽ khó đạt hiệu quả cao và ảnh hưởng đến sự phát triển, nâng tầm của khu vực.

3.3.5. Việc giải quyết các mối quan hệ về lợi ích giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long còn chưa hài hòa, ảnh hưởng tới khối đại đoàn kết dân tộc

Vấn đề giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long là một những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, đòi hỏi sự tinh tế và thấu hiểu từ các bên liên quan để đảm bảo công bằng, bình đẳng và cùng phát triển. Tuy nhiên, trong

quá trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long cho thấy vấn đề giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa các dân tộc vẫn bộc lộ nhiều mâu thuẫn, bất cập. Chẳng hạn các khoản hỗ trợ về giáo dục, y tế, hỗ trợ vay vốn và sinh kế chưa đến đúng đối tượng hoặc không được triển khai hiệu quả, dẫn đến việc các dân tộc thiểu số không thể tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản.

Các dân tộc thiểu số như Khmer, Chăm sinh sống tập trung ở những khu vực còn nhiều khó khăn, hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trong khi việc đầu tư phát triển ở các khu vực này chưa thực sự tương xứng với nhu cầu thực tiễn. Các chính sách hỗ trợ, dù đã có nhiều nỗ lực, song vẫn chưa phân hóa đủ sâu theo đặc điểm địa lý, văn hóa và sinh kế của từng nhóm dân tộc. Một số nơi còn xảy ra xung đột lợi ích liên quan đến đất đai, nguồn nước, tín ngưỡng tôn giáo giữa các cộng đồng cư dân do chưa có cơ chế hài hòa và đồng thuận về quyền sử dụng và quản lý tài nguyên. Trong khi đó, năng lực tổ chức thực thi chính sách và điều phối lợi ích giữa các nhóm dân cư ở cơ sở còn hạn chế, chưa thể hiện rõ vai trò chủ động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc phát huy tối đa tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Ngoài ra, vấn đề khai thác tài nguyên và lợi ích kinh tế trong khu vực cũng làm gia tăng bất bình đẳng giữa các dân tộc, gây ra tâm lý bất mãn và thiếu lòng tin vào các chính sách của Đảng, Nhà nước dẫn đến nảy sinh những mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa các dân tộc làm cho vấn đề an ninh trật tự ở địa phương càng thêm phức tạp.

Như vậy, giải quyết các mối quan hệ lợi ích giữa các dân tộc là một trong những vấn đề cần được quan tâm sâu sát, tạo sự cân bằng, hài hòa, công bằng, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long vững mạnh.

3.3.6. Nhận diện và đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc chưa kịp thời, thiếu nhạy bén, hiệu quả chưa cao

Mặc dù các thế lực thù địch liên tục gia tăng hoạt động chống phá, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, song công tác nhận diện và đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn này ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn nhiều mâu thuẫn và bất cập. Một mặt, hệ thống chính trị cơ sở được giao trọng trách

bảo vệ khối đại đoàn kết, song năng lực phân tích, dự báo và phản ứng trước các tình huống phức tạp còn yếu, thiếu tính đồng bộ. Nhiều nơi chưa có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng an ninh, ban tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xử lý, phản bác thông tin độc hại, tiêu cực.

Mâu thuẫn nổi bật là giữa yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ an ninh tư tưởng, giữ vững khối đoàn kết toàn dân với thực trạng thiếu nhân lực chuyên trách, thiếu trang bị công nghệ và thiếu cả cơ chế phản ứng nhanh ở cấp địa phương. Trong khi các thế lực thù địch chuyển sang các phương thức kích động gián tiếp, qua mạng xã hội, truyền thông số, lợi dụng khiếu nại, tố cáo, mượn danh dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước, thì năng lực xử lý truyền thông phản ứng của nhiều địa phương lại còn thụ động, chậm chạp.

Một bất cập đáng lưu ý là sự chưa cân xứng giữa định hướng chiến lược của Trung ương thể hiện trong Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về *“tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”* với việc tổ chức thực hiện ở cơ sở. Dù nhiều tỉnh, thành đã ban hành kế hoạch hành động cụ thể, nhưng việc triển khai còn nặng hình thức, thiếu chiều sâu, chưa tạo được chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động trong người dân. Ở một số nơi, cán bộ chưa nắm vững các phương thức, thủ đoạn mới của đối tượng thù địch; việc tuyên truyền trong đồng bào dân tộc thiểu số còn đơn điệu, thiếu sáng tạo, chưa gắn với đặc thù văn hóa, ngôn ngữ và tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc.

Chính sự thiếu nhạy bén trong phát hiện vấn đề, sự chưa cân đối giữa yêu cầu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với năng lực thực tế của các lực lượng tại chỗ và sự bất cập trong phân công, phối hợp trách nhiệm giữa các lực lượng đã dẫn đến hiệu quả đấu tranh chưa cao. Điều này tiềm ẩn nguy cơ bị động, bất ngờ trước các âm mưu phá hoại ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch, ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong tình hình mới.

Tiểu kết chương 3

Nội dung chương 3 Luận án đã tập trung làm rõ toàn cảnh về thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua phân tích đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của vùng, có thể khẳng định rằng: đồng bằng sông Cửu Long là một khu vực giàu tiềm năng, có truyền thống đoàn kết lâu đời, là nơi hội tụ của nhiều dân tộc, tôn giáo, văn hóa, là địa bàn chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế của cả nước.

Thực tiễn cho thấy, việc quán triệt và triển khai tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và nhân dân phần lớn đã nâng cao nhận thức, cụ thể hóa thành các chủ trương, chương trình, mô hình hành động thiết thực. Nhiều mô hình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phong trào thi đua yêu nước đã được phát động sâu rộng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc đa dạng hóa hình thức tập hợp, vận động nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, kiều bào và các tầng lớp nhân dân khác. Việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới, các hoạt động an sinh xã hội,... đã gắn bó chặt chẽ với mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết, làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long cũng bộc lộ một số mặt hạn chế, khó khăn. Nhận thức về ý nghĩa, vai trò của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự sâu sắc của một bộ phận cán bộ và nhân dân. Vấn đề bất bình đẳng về lợi ích, chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị còn hình thức, thiếu chiều sâu. Một số chính

sách phát triển kinh tế - xã hội triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn, niềm tin vào chính quyền địa phương bị ảnh hưởng. Mặt khác, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo, công tác mặt trận ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đặc biệt, công tác tuyên truyền, định hướng dư luận, phản bác các luận điệu xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch còn chậm, thiếu chiều sâu và chưa đủ sức thuyết phục. Một bộ phận nhân dân vẫn còn thiếu cảnh giác, dễ bị tác động, lôi kéo bởi các thông tin xấu, độc; tình trạng khiếu kiện, lợi dụng tôn giáo để kích động vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị - xã hội của vùng.

Những hạn chế nêu trên đòi hỏi phải có sự nhìn nhận khách quan, toàn diện để từ đó đề ra các giải pháp đồng bộ, có tính khả thi, phù hợp với đặc thù đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, yêu cầu đặt ra là tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc một cách sâu sắc, toàn diện và sáng tạo vào quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm; phát triển kinh tế đi đôi với bảo tồn văn hóa dân tộc, thực hiện công bằng xã hội, tôn trọng và phát huy các giá trị của tôn giáo, tín ngưỡng... là những nhiệm vụ cần thiết, có tính chiến lược và lâu dài.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

4.1. TÌNH HÌNH MỚI TÁC ĐỘNG TỚI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1.1. Bối cảnh thế giới

*4.1.1.1. Tác động hai mặt giữa hòa bình - hợp tác với xung đột - chiến tranh
nguy cơ lan rộng đến mối quan hệ hợp tác các nước*

- Thuận lợi:

Mặc dù tình hình thế giới có nhiều biến động, song hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại. Quá trình chuyển dịch sang cục diện đa cực, đa trung tâm tạo ra không gian chính trị rộng mở hơn cho các quốc gia vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam, tăng cường triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Việc hợp tác đa phương hay các hiệp định thương mại tự do sẽ mở ra những cơ hội mới cho Việt Nam tận dụng thời cơ phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp – một trong những thế mạnh của đồng bằng sông Cửu Long. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục giữ vai trò trung tâm phát triển năng động, mang lại nhiều cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Đồng thời, ASEAN không ngừng củng cố vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, thúc đẩy hợp tác trên cả ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội, qua đó tạo điều kiện để Việt Nam phát huy vị thế, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và bảo vệ lợi ích tối cao của Tổ quốc.

- Khó khăn:

Sự leo thang của các cuộc xung đột, chiến tranh với tính chất ngày càng phức tạp và nguy cơ lan rộng đang đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, ổn định toàn cầu. Quan hệ giữa các nước lớn vừa hợp tác vừa cạnh tranh nhưng xu hướng cạnh tranh ngày càng gay gắt làm gia tăng sức ép đối với các quốc gia nhỏ, dễ bị lôi kéo và rơi

vào thế lựa chọn khó khăn. Những xung đột kéo dài còn gây đứt gãy chuỗi cung ứng quốc tế, làm biến động giá cả hàng hóa thiết yếu như năng lượng, phân bón, lương thực, tác động trực tiếp đến sản xuất và đời sống nhân dân đồng bằng sông Cửu Long. Giá vật tư nông nghiệp tăng cao, trong khi thị trường xuất khẩu lại bấp bênh, nhiều đơn hàng bị đình trệ, ảnh hưởng nặng nề đến thu nhập và tâm lý của nông dân. Mặt khác, căng thẳng quốc tế cũng làm suy giảm dòng vốn đầu tư nước ngoài, hạn chế cơ hội tiếp cận các dự án phát triển hạ tầng, chuyển đổi xanh, thích ứng biến đổi khí hậu vốn được coi là những lĩnh vực có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển bền vững của đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

4.1.1.2. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực

Toàn cầu hoá và liên kết kinh tế vẫn tiến triển, dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn; khu vực hoá và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương tiếp tục là phương thức quan trọng trong ngăn ngừa và giải quyết hoà bình các tranh chấp, xung đột, các vấn đề xuyên biên giới, mặc dù đang đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực bao gồm cả những yếu tố thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi:

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo điều kiện thuận lợi mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của vùng đồng bằng sông Cửu Long, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đồng bào các dân tộc; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, logistics... từ đó góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nâng cao vai trò và vị thế của các cộng đồng dân cư, dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, thông qua Internet, truyền thông đa phương tiện và mạng xã hội đã giúp người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ mở rộng nhận thức, nâng cao trình độ, từ đó

tăng cường tinh thần chủ động hội nhập, phát triển; lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc ra thế giới, đồng thời tạo cơ hội để tiếp nhận có chọn lọc các mô hình tiên tiến trong phát triển xã hội, xây dựng cộng đồng hòa hợp, dân chủ, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của vùng cả về vật chất lẫn kinh nghiệm tổ chức.

- *Khó khăn:*

Sự xâm nhập ồ ạt của các giá trị văn hóa ngoại lai không phù hợp, dễ làm phai nhạt bản sắc văn hóa truyền thống, dẫn đến khủng hoảng giá trị, đặc biệt trong giới trẻ, làm suy giảm sức mạnh tinh thần và tinh thần đoàn kết cộng đồng. Âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng, truyền thông số để tuyên truyền xuyên tạc, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân, đồng bào các dân tộc vào vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Trong bối cảnh hội nhập, các nhóm yếu thế như đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa dễ bị tụt hậu do hạn chế về trình độ, kỹ năng, nguồn lực... làm gia tăng sự phân hóa xã hội, ảnh hưởng đến tính công bằng, đồng thuận trong cộng đồng. Khoảng cách phát triển giữa các địa phương trong vùng còn lớn, một số tỉnh còn gặp khó khăn trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, dẫn đến sự chênh lệch mức sống và cơ hội phát triển giữa các nhóm dân cư, từ đó gây trở ngại cho việc tạo ra sự đồng thuận và đoàn kết lâu dài. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi chưa đủ năng lực để thích ứng với yêu cầu hội nhập, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng còn hình thức, chậm đổi mới, chưa phát huy hết vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.1.1.3. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), với nền tảng là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, chuỗi khối và công nghệ sinh học... đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Đối với đồng bằng sông Cửu Long, vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra những cơ hội to lớn

để phát triển nhưng đồng thời cũng là những thách thức không nhỏ đối với việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Thuận lợi:

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mở ra không gian phát triển mới cho công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua việc thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, cải cách hành chính, nâng cao năng lực phục vụ nhân dân. Hệ thống chính quyền số, các nền tảng tương tác trực tuyến, mạng xã hội... đã góp phần tăng cường kết nối giữa Đảng, chính quyền với các tầng lớp nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận, lắng nghe, đối thoại và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc trong vùng. Nhiều địa phương trong khu vực đã triển khai các mô hình “chính quyền số”, “xã hội số” góp phần cải thiện chất lượng phục vụ người dân, qua đó củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội, nền tảng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Bên cạnh đó, góp phần nâng cao dân trí, tạo điều kiện để người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp cận tri thức nhân loại, mở rộng tầm nhìn và nâng cao năng lực hội nhập. Hệ thống giáo dục thông minh, học tập trực tuyến, thư viện số... giúp rút ngắn khoảng cách tri thức giữa các vùng miền, tăng cường sự bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển. Điều này góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu sự cách biệt giữa các dân tộc, các tôn giáo, các vùng sâu, vùng xa, qua đó tăng cường sự hòa hợp, gắn bó trong cộng đồng. Tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế số. Khi đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, khoảng cách phát triển giữa các nhóm cộng đồng được thu hẹp, nền tảng cho sự đoàn kết cũng được củng cố vững chắc hơn.

- Khó khăn:

Bên cạnh những mặt thuận lợi, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đặt ra không ít thách thức. Khoảng cách số giữa các cộng đồng dân tộc, sự thiếu hụt kỹ năng công nghệ, trình độ học vấn không đồng đều trong các cộng đồng dân tộc của vùng có nguy cơ làm sâu sắc thêm sự phân tầng xã hội. Một bộ phận nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, dễ bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số, dẫn đến nguy

cơ bị thiệt thòi về cơ hội phát triển, từ đó phát sinh tâm lý mặc cảm, thiếu niềm tin và xa rời khối đại đoàn kết. Bên cạnh đó, việc lạm dụng mạng xã hội, sự gia tăng tin giả, thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trên không gian mạng cũng có thể làm phân hóa tư tưởng, chia rẽ khối đại đoàn kết nếu không có giải pháp kiểm soát hiệu quả.

Như vậy, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 có thể xem là xu thế tất yếu, nếu biết khai thác hiệu quả và phù hợp với đặc thù của vùng, đây chính là động lực mạnh mẽ để tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

4.1.2.1. Tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở đến đời sống và sản xuất của nhân dân, đồng bào các dân tộc, ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

- Thuận lợi:

Biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và sạt lở tuy gây ra nhiều thách thức, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự gắn kết, đoàn kết để cùng ứng phó. Trong bối cảnh khó khăn chung, tinh thần cộng đồng, truyền thống “tương thân tương ái” và ý thức đoàn kết giữa các giai cấp, dân tộc, tôn giáo được khơi dậy mạnh mẽ hơn. Nhân dân, nhất là các cộng đồng ven biển, ven sông, đã hình thành nhiều mô hình tự quản, hợp tác trong phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái. Sự chung sức, đồng lòng giữa các tầng lớp trong xã hội trở thành động lực để phát huy thế mạnh vùng đất giàu tiềm năng về nông nghiệp và thủy sản, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo trong thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình sản xuất. Đây chính là cơ sở thực tiễn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng vào chính sách của Nhà nước và cũng là điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bền chặt hơn.

- Khó khăn:

Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đang gây hậu quả trực tiếp và nặng nề đối với đời sống và sản xuất. Mỗi năm, đồng bằng sông Cửu Long mất khoảng 300 ha đất do sạt lở, trên 40% diện tích đất nông nghiệp có nguy cơ bị xâm nhập mặn. Hàng triệu hộ dân, đặc biệt là đồng bào Khmer, Hoa, Chăm, vốn sinh kế phụ thuộc

nông nghiệp, nay rơi vào tình trạng bấp bênh. Thiệt hại về sản xuất, thu nhập và an ninh lương thực làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, đồng thời thúc đẩy di cư tự phát, gây xáo trộn cơ cấu dân cư và đe dọa sự ổn định xã hội.

Các chính sách ứng phó còn thiếu đồng bộ, chậm phát huy hiệu quả càng làm nảy sinh tâm lý hoài nghi, thậm chí bất mãn trong một bộ phận nhân dân. Khi quyền lợi thiết thực không được bảo đảm, niềm tin vào đường lối, chính sách có nguy cơ suy giảm, làm yếu đi sự đồng thuận xã hội - yếu tố then chốt của khối đại đoàn kết dân tộc. Nguy hiểm hơn, các thế lực thù địch lợi dụng khó khăn này để xuyên tạc, kích động, gieo rắc chia rẽ trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo ở vùng đồng bằng. Điều này đe dọa trực tiếp đến sự bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc - nhân tố quyết định thành công của công cuộc phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

4.1.2.2. Tác động của sáp nhập địa giới hành chính và sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh/thành phố, xã/phường) đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

- Thuận lợi:

Chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương và sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là một bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII *thông qua nội dung sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (tỉnh/thành phố, xã/phường)*. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 “*Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*”, theo đó sau sáp nhập từ 01/7/2025 đồng bằng sông Cửu Long gồm có 04 tỉnh và 01 thành phố (các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và thành phố Cần Thơ).

Việc sáp nhập địa giới hành chính và tinh gọn bộ máy chính quyền các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức lại không gian quản lý hành chính theo hướng hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, giảm sự chồng chéo, trùng lặp, từ đó nâng cao hiệu quả điều

hành phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhân dân tốt hơn. Việc tinh giản bộ máy, giảm đầu mối trung gian đã giúp chính quyền các cấp tập trung nguồn lực cho các hoạt động dân sinh, an sinh xã hội, đặc biệt là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, nơi thường chịu nhiều thiệt thòi. Đây là tiền đề quan trọng để bảo đảm công bằng, phát triển toàn diện và hài hòa giữa các vùng miền, giữa các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhìn chung, quá trình sáp nhập địa giới và tinh gọn bộ máy chính quyền nêu được triển khai một cách bài bản, có lộ trình phù hợp, gắn với việc củng cố niềm tin của nhân dân, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân vận, thì đây chính là cơ hội để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh hơn. Việc lựa chọn cán bộ có uy tín, am hiểu phong tục, văn hóa các dân tộc, tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe ý kiến nhân dân sau sáp nhập chính là những giải pháp quan trọng để củng cố sự đồng thuận và đoàn kết dân tộc.

- Khó khăn:

Quá trình sáp nhập cũng đặt ra không ít thách thức trong thực tiễn, ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống của một bộ phận người dân. Việc thay đổi tên gọi đơn vị hành chính, trung tâm hành chính mới, khoảng cách đi lại xa hơn, tâm lý “mất tên xã/phường cũ”, sự điều chỉnh lại ranh giới cư trú, đất đai, tài sản... có thể dẫn đến tâm lý hoài nghi, thiếu đồng thuận, ảnh hưởng đến sự gắn kết trong cộng đồng các dân tộc. Đặc biệt ở các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, nếu không làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giải thích, sẽ dễ phát sinh tâm lý bị “gộp chung”, mất đi nét đặc trưng văn hóa và quyền lợi cộng đồng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Thực tế ở một số địa phương như Cà Mau, Sóc Trăng, Hậu Giang sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, đã xuất hiện những bất cập như: cán bộ dôi dư chưa được bố trí hợp lý; công tác dân vận, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân gặp khó khăn do địa bàn rộng hơn; nguy cơ hình thành “vùng trống” về quản lý khi lực lượng cán bộ mỏng, đặc biệt ở vùng biên giới, ven biển và vùng đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Những vấn đề này, nếu không được quan tâm kịp thời, có thể

làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào chính quyền địa phương, vốn là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc.

4.1.2.3. Tác động của vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo” và âm mưu lợi dụng của các thế lực thù địch đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

- Thuận lợi:

Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long có nhiều yếu tố tích cực tạo điều kiện cho việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là vùng đất hội tụ đông đảo đồng bào các dân tộc và tôn giáo, hình thành nên đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, giàu tính nhân văn. Truyền thống yêu nước, tinh thần cộng đồng gắn bó, cùng với sự khoan dung, hòa hợp trong đời sống tín ngưỡng tạo điều kiện để thắt chặt các mối quan hệ xã hội. Nhiều giá trị đạo đức và nhân văn của các tôn giáo, khi được phát huy đúng hướng, đã góp phần củng cố niềm tin, bồi dưỡng tinh thần nhân ái, hướng thiện, tạo sự đồng thuận xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính sách dân tộc và tôn giáo được quan tâm, ngày càng phù hợp với lợi ích, nguyện vọng của đồng bào, qua đó củng cố niềm tin vào sự nghiệp đổi mới, tăng cường sự gắn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam.

- Khó khăn:

Song song với những yếu tố tích cực, vấn đề dân tộc, tôn giáo cũng tiềm ẩn những khó khăn, thách thức không nhỏ cho quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Đây chính là lĩnh vực nhạy cảm, thường xuyên bị các thế lực thù địch triệt để lợi dụng. Chúng xuyên tạc, thổi phồng những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; gieo rắc luận điệu chia rẽ dân tộc, kích động mâu thuẫn lương - giáo (người có đạo và người không theo đạo), thậm chí cổ xúy tư tưởng “tự trị”, “ly khai” nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Thông qua các hoạt động tôn giáo, lễ hội, sinh hoạt tín ngưỡng, chúng cài cắm luận điệu phản động, kích động khiêu khích, tụ tập đông người, làm phức tạp tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của không gian mạng, âm mưu lợi dụng chiêu bài “dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo” càng trở nên tinh vi, khó lường, tác động trực tiếp đến một bộ phận quần chúng thiếu thông tin, dễ bị lôi kéo, làm suy giảm niềm tin của họ đối với Đảng và Nhà nước.

4.1.2.4. Tác động của tình trạng quan liêu, xa dân trong một bộ phận cán bộ, công chức cơ sở đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất có truyền thống đoàn kết cộng đồng, các mối quan hệ xã hội gắn bó chặt chẽ với đời sống xóm làng (ấp), tôn giáo, dòng tộc và sinh kế nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng, vừa là người tổ chức thực hiện, cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa là cầu nối trực tiếp giữa chính quyền với nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, tình trạng quan liêu, xa dân vẫn tồn tại trong một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức cơ sở, tạo ra những cản trở đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của vùng.

Tình trạng quan liêu, xa dân làm suy giảm niềm tin chính trị của nhân dân đối với chính quyền cơ sở. Khi cán bộ thiếu sâu sát thực tiễn, giải quyết công việc theo lối hành chính hóa, hình thức, chậm trễ hoặc thiếu công bằng, người dân dễ nảy sinh tâm lý bức xúc, hoài nghi, thậm chí thờ ơ với các chủ trương, phong trào chung. Ở đồng bằng sông Cửu Long, đời sống người dân chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở và khó khăn về sinh kế nếu những kiến nghị chính đáng không được lắng nghe và xử lý kịp thời, niềm tin xã hội sẽ bị bào mòn, làm suy yếu nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết dân tộc. Tình trạng xa dân sẽ làm giảm hiệu quả tập hợp, vận động quần chúng, đặc biệt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tôn giáo. Sự thiếu am hiểu phong tục, tín ngưỡng, ngôn ngữ và nhu cầu đặc thù của các cộng đồng dân tộc hoặc tín đồ các tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long dễ dẫn đến cách thức quản lý cứng nhắc, áp đặt. Điều này làm hạn chế sự tham gia tự giác của nhân dân vào các phong trào thi đua yêu nước, tạo ra khoảng cách tâm lý giữa chính quyền với người dân, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự đồng thuận xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Vấn đề quan liêu, xa dân còn tiềm ẩn nguy cơ làm nảy sinh mâu thuẫn xã hội và bị các thế lực xấu lợi dụng. Khi những bức xúc, khiếu nại chính đáng của người dân không được giải quyết thấu đáo ngay từ cơ sở, các vấn đề nhỏ có thể tích tụ, phát sinh thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Trong bối cảnh thông tin đa chiều hiện nay, các thế lực thù địch dễ lợi dụng sự yếu kém trong quản lý và thái độ thờ ơ của

một bộ phận cán bộ để kích động chia rẽ, làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Như vậy, tình trạng quan liêu, xa dân trong một bộ phận cán bộ, công chức cơ sở là lực cản đáng kể đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Việc dự báo và đề ra biện pháp ngăn chặn kịp thời mang ý nghĩa nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở, củng cố niềm tin trong nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

4.2.1. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là mục tiêu chiến lược, nhất quán; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài trong tình hình mới

Đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng lớn trong di sản Hồ Chí Minh, được xem là cội nguồn sức mạnh, là chiến lược, sách lược lâu dài của cách mạng Việt Nam. Việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà còn là đòi hỏi cấp thiết để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của khu vực. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 03/3/1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC” [76, tr.183]. Người cho rằng: “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết” [78, tr.392].

Trong tình hình mới, khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển nhanh trên nền tảng chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, thì việc tiềm ẩn nguy cơ phân hóa xã hội, gia tăng bất bình đẳng, khoảng cách phát triển giữa các dân tộc. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong nước và thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Với những khó khăn, thách thức ở đồng bằng sông Cửu Long đang đặt ra yêu cầu phải không ngừng củng cố, xây dựng khối đại đoàn

kết dân tộc, thực hiện xuyên suốt và lâu dài để bảo đảm sự phát triển bền vững cho đồng bằng sông Cửu Long.

Về mục tiêu, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc; bảo đảm sự đồng thuận xã hội, phát huy nội lực và tiềm năng phát triển của khu vực. Đây là nền tảng để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia trong tình hình mới. Đồng thời, mục tiêu này còn góp phần hiện thực hóa quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [27, tr.34].

Về nhiệm vụ, trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu đặt ra là cần tập trung triển khai các giải pháp toàn diện, đồng bộ như: phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, đoàn kết nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tăng cường củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; giải quyết hài hòa lợi ích giữa các dân tộc, tôn giáo, giai tầng xã hội, giảm thiểu mâu thuẫn và khoảng cách phát triển; chủ động ngăn chặn, đấu tranh với các âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết của các thế lực thù địch. Tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương trong vùng, theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về *“phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*.

Như vậy, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long vừa là mục tiêu xuyên suốt, vừa là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của toàn thể nhân dân trong tình hình mới. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ dân tộc.

4.2.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh vì sự phát triển nhanh và bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi” [77, tr.397], “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” [81, tr.154].

Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện tiên quyết để phát triển nhanh và bền vững vùng. Với đặc trưng là khu vực nhiều dân tộc, tôn giáo, địa hình rộng lớn, chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần được cụ thể hóa bằng những chủ trương, chính sách nhất quán, toàn diện. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về giá trị của đoàn kết, củng cố niềm tin của đồng bào vào vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đồng thời phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các dân tộc và tôn giáo. Nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của đoàn kết. Tuyên truyền sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua các chương trình giáo dục, văn hóa và hoạt động cộng đồng, coi đó là cách hiệu quả để khơi dậy lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm chung, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân thấy rõ lợi ích của sự gắn kết trong việc giải quyết vấn đề chung đến phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn tới, để khối đại đoàn kết dân tộc thực sự trở thành động lực nội sinh mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của vùng, tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo, đồng thời phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng và bảo vệ môi trường một cách công bằng, toàn diện và hài hòa giữa các cộng đồng dân cư. Đó chính là cách thể hiện sinh động và sâu sắc tinh thần đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vì sự phát triển trường tồn của Tổ quốc.

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên trong các phong trào hành động cụ thể như “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”,

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”,... Ngoài ra, đặc biệt chú trọng đến việc đoàn kết giữa các dân tộc và tôn giáo. Các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức liên quan có chính sách hỗ trợ phù hợp để đảm bảo quyền lợi và khuyến khích sự đóng góp của họ vào sự phát triển chung. Việc khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa đa dạng cũng sẽ góp phần xây dựng một môi trường đoàn kết, đồng thuận trong xã hội.

Trong phát triển kinh tế - xã hội cũng phải dựa trên nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm, hỗ trợ nhân dân phát triển về mọi mặt, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [80, tr.453], “Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân” [76, tr.502], dân là quý nhất, quan trọng nhất vì dân là gốc của nước, sức mạnh của quần chúng nhân dân sẽ được tăng lên gấp nhiều lần khi được tập hợp và cùng hướng tới một mục tiêu nhất định. Muốn vậy, Đảng cần phải làm thật tốt công tác dân vận, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [76, tr.234]. Như vậy, sự đoàn kết của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc chính là sức mạnh nội lực để đồng bằng sông Cửu Long vượt qua thách thức, tận dụng tối đa tiềm năng và vươn lên trở thành một khu vực phát triển bền vững.

4.2.3. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với đặc điểm văn hóa, dân tộc, tôn giáo của các dân tộc

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất hội tụ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, nơi sinh sống lâu đời và hòa quyện văn hóa của các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm. Do đó, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở khu vực phải xuất phát từ việc phát huy vai trò của văn hóa như một nền tảng tinh thần, một “sợi dây liên kết” giữa các cộng đồng dân tộc.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa gắn với xây dựng đại đoàn kết dân tộc. Trọng tâm là thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9

(khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Đây mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác văn hóa giữa các dân tộc, khuyến khích bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua du lịch cộng đồng, làng nghề, nghệ thuật dân gian, tiếng nói, chữ viết và các thiết chế văn hóa cơ sở. Văn hóa không chỉ là động lực phát triển kinh tế - xã hội mà còn là phương tiện tăng cường đoàn kết, gắn bó cộng đồng.

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền về vai trò của văn hóa trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Cần lồng ghép nội dung giáo dục văn hóa dân tộc vào chương trình học đường; xây dựng các diễn đàn, câu lạc bộ văn hóa dân gian, giao lưu liên dân tộc để lan tỏa các giá trị tốt đẹp như nhân ái, khoan dung, yêu nước, đoàn kết - những giá trị cốt lõi được Hồ Chí Minh khẳng định là bản sắc tinh thần của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, cần phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức, nghệ nhân, già làng, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong bảo tồn, truyền dạy và lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống.

Việc xây dựng khối đại đoàn kết không chỉ dừng ở việc giữ gìn bản sắc mà còn phải đảm bảo sự công bằng và hài hòa về quyền lợi giữa các dân tộc. Khắc phục tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, sinh kế, giáo dục, y tế, việc làm,... Đồng thời, chú trọng đào tạo, quy hoạch và sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đủ năng lực, phẩm chất để giữ vai trò chủ thể trong triển khai chính sách tại cơ sở.

Về phương diện tôn giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc luôn nhấn mạnh vai trò của tôn giáo như một bộ phận không thể tách rời trong khối đại đoàn kết dân tộc. Sau ngày Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết” [74, tr.8]. Tư tưởng của Người chính là nền tảng định hướng rõ ràng cho việc xây dựng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, đảm bảo công bằng giữa các tôn giáo, không kỳ thị hay phân biệt đối xử, góp phần quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; khuyến khích các chức sắc, tín đồ

tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa tại khu dân cư. Đồng thời, phải chủ động đối thoại, lắng nghe tâm tư nguyện vọng chính đáng của đồng bào có đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh một cách linh hoạt, hợp tình hợp lý trên cơ sở pháp luật và truyền thống đoàn kết dân tộc. Cũng cần tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo có phẩm chất chính trị, am hiểu giáo lý, có kỹ năng vận động, đối thoại với đồng bào có đạo, người có uy tín trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, phải kiên quyết đấu tranh phản bác âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ, gây rối, kích động cực đoan. Đặc biệt, phải chú trọng củng cố mối quan hệ gắn bó giữa chức sắc tôn giáo, người có uy tín với chính quyền cơ sở để tạo nên thế trận lòng dân vững chắc, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long.

Tóm lại, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải được đặt trên nền tảng phù hợp với văn hóa, dân tộc và tôn giáo đặc thù của khu vực. Đó là sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa chính sách đúng đắn và sự thấu hiểu đặc điểm đặc thù của vùng, để tạo nên nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh, bền vững, ổn định lâu dài của khu vực và cả nước.

4.2.4. Phát huy vai trò của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng Sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tập hợp nhân dân của Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh là yếu tố cốt lõi; tiếp tục khẳng định vai trò là hạt nhân lãnh đạo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các cấp ủy Đảng tiếp tục tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; cụ thể hóa thành các chương trình hành động phù hợp với điều kiện đặc thù về văn hóa, dân tộc, tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới.

Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước theo hướng dân chủ, pháp quyền, gắn kết giữa quản lý hành chính với phát triển xã hội bền vững. Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng

cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về *“công tác dân tộc”*; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về *“công tác tôn giáo”*. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ ở cơ sở. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và sử dụng cán bộ có năng lực, am hiểu phong tục, tập quán địa phương, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và phòng chống các biểu hiện tiêu cực, chia rẽ khối đại đoàn kết, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, gây chia rẽ nội bộ nhân dân. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh các thế lực thù địch gia tăng thủ đoạn *“diễn biến hòa bình”*, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, theo hướng gần dân, sát dân, vì dân. Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trên nền tảng phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

Đối với vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hồ Chí Minh khẳng định: *“Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam”* [83, tr.435]. Trong bối cảnh hiện nay, Mặt trận Tổ quốc các cấp ở đồng bằng sông Cửu Long phải chủ động đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động nhân dân theo hướng gần dân, sát dân, hiểu dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng. Tiếp tục tăng cường các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn do như: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, *“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”*. Đẩy mạnh việc phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành *“Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”*; Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ

Chính trị ban hành quy định về việc “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*”. Xây dựng cơ chế để Mặt trận thực sự là cầu nối giữa nhân dân với cấp ủy, chính quyền; đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Mặt trận, nhất là ở cơ sở, để đủ năng lực xử lý các tình huống phức tạp liên quan đến dân tộc, tôn giáo, đất đai,... Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo, người có uy tín để lan tỏa tinh thần đoàn kết, khơi dậy nội lực trong nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy phát triển xứng tầm của đồng bằng sông Cửu Long.

Với đoàn thể, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các đoàn thể, nhất là trong thanh niên, phụ nữ, nông dân, công nhân, người cao tuổi. Đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể theo hướng gần dân, sát dân, lắng nghe và giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn thể, đảm bảo có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu tình hình cơ sở, có kỹ năng dân vận, tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ có uy tín trong các tôn giáo, để làm nòng cốt trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Phối hợp giữa các đoàn thể với Mặt trận Tổ quốc và chính quyền các cấp trong triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, chăm lo quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Với các tổ chức chính trị – xã hội, từ Mặt trận Tổ quốc đến các đoàn thể như Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh,...phải nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình, phải thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tập hợp và vận động đồng các giai cấp, tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam trong và ngoài nước tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải chủ động xây dựng các phong trào hành động hướng đến mục tiêu chăm lo đời sống, hỗ trợ sản xuất, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận, phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của vùng.

4.3. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

4.3.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới

Đảng ta luôn khẳng định vai trò to lớn của nhân dân và xác định khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” [81, tr.154]. Người nói: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ” [85, tr.547].

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có sự đa dạng về văn hóa, tôn giáo và dân tộc, do đó việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trở nên vô cùng quan trọng và cấp thiết. Điều này đòi hỏi sự chung tay của các cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân trong việc nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Sự hiểu biết đầy đủ về vai trò của nhân dân không chỉ giúp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân mà còn là nền tảng để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh và quốc phòng trong khu vực.

Để đạt được mục tiêu trên, cần chú trọng biện pháp thực hiện nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống chính trị và nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh và các giá trị cốt lõi của Đảng cần được thực hiện sâu rộng qua các kênh truyền thông như báo chí, phát thanh, truyền hình và mạng xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền về giá trị của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần tổ chức thường xuyên các hội nghị, tọa

đàm, diễn đàn, đồng thời phát huy hiệu quả của các phương tiện truyền thông hiện đại, đa dạng hóa hình thức truyền tải, kết hợp cả tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc như Khmer, Chăm, Hoa, để bảo đảm thông điệp đến được với mọi tầng lớp nhân dân.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”, đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đây là lực lượng có ưu thế về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán, góp phần trực tiếp lan tỏa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào. Cần có quy hoạch, kế hoạch dài hạn trong phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, tạo điều kiện để cán bộ người dân tộc tham gia cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, từ đó khẳng định vai trò đại diện của các cộng đồng dân tộc.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, liêm chính, minh bạch. Việc đơn giản hóa thủ tục, đảm bảo minh bạch trong giải quyết khiếu nại, phản ánh sẽ giúp người dân cảm thấy được lắng nghe và thấu hiểu. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức vụ quyền hạn làm mất niềm tin của nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự gần dân, trọng dân, gắn bó mật thiết với dân, làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò đồng hành của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội. Các cơ quan hành chính không chỉ đóng vai trò quản lý mà còn phải là cầu nối hỗ trợ người dân giải quyết khó khăn một cách nhanh chóng và hiệu quả. Quan tâm giải quyết hài hòa lợi ích giữa các giai tầng, dân tộc, tôn giáo. Đẩy mạnh các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; có chính sách đặc thù hỗ trợ sản xuất, khuyến khích làm giàu chính đáng, mở rộng cơ hội học tập, đào tạo nghề, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn.

Ngoài ra, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số cũng cần được ưu tiên. Chính quyền các cấp tại đồng bằng sông Cửu Long cần đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ sinh kế, khuyến khích phát triển sản xuất, giáo dục và đào tạo nghề. Các chính sách đặc thù như giảng dạy tiếng Khmer, Chăm trong trường học, hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo hay thúc đẩy tinh thần làm giàu chính đáng không chỉ giúp nâng cao đời sống người dân mà còn góp phần tạo sự đoàn kết bền vững.

Đặc biệt, việc khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên sẽ giúp họ đóng góp tích cực hơn vào sự phát triển của địa phương.

Các tổ chức đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy tinh thần đoàn kết. Các phong trào thi đua yêu nước, mô hình dân vận khéo cần được triển khai sâu rộng, gắn liền với thực tế đời sống của người dân. Những tổ chức này phải là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, tránh tình trạng mất đoàn kết trong cộng đồng. Việc mở rộng dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình ra quyết định sẽ giúp tăng cường niềm tin và sự gắn bó giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Nhìn chung, việc nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chính là yếu tố then chốt giúp đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và vững bước trên con đường hội nhập.

4.3.2. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh căn dặn: “Công tác tuyên truyền phải cụ thể, thiết thực. Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào? Đó là những vấn đề các chú phải tự hỏi, tự trả lời. Chứ không phải chờ trên gửi tài liệu xuống, rồi theo một, hai, ba, bốn mà làm” [84, tr.159]. Việc đổi mới phương thức tuyên truyền và mở rộng hình thức tập hợp nhân dân đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này không chỉ nâng cao nhận thức, khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm và sự gắn kết trong cộng đồng, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, mà còn góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Để đạt hiệu quả, nội dung tuyên truyền cần được đổi mới, nhấn mạnh vai trò của đoàn kết trong sự nghiệp phát triển đất nước, đồng thời cụ thể hóa

phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là cán bộ, đảng viên và đồng bào dân tộc thiểu số - những người giữ vai trò quan trọng trong việc lan tỏa tinh thần đoàn kết.

Bên cạnh đó, phương pháp tuyên truyền cần linh hoạt, kết hợp giữa công nghệ hiện đại và văn hóa truyền thống. Việc ứng dụng các nền tảng số như mạng xã hội, trang thông tin điện tử sẽ giúp lan tỏa nội dung nhanh chóng, tiếp cận nhiều đối tượng hơn, nhất là thanh niên và người lao động. Đồng thời, tận dụng nghệ thuật dân gian như đờn ca tài tử, hát bội để truyền tải thông điệp một cách gần gũi sẽ góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa và tăng hiệu quả tuyên truyền. Ngoài ra, tổ chức các buổi đối thoại, sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, giúp lắng nghe ý kiến người dân, giải thích rõ ràng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, qua đó tăng cường sự đồng thuận và gắn kết xã hội.

Việc tập hợp nhân dân cần được thực hiện trên tinh thần đoàn kết rộng rãi, không phân biệt dân tộc, tôn giáo hay tầng lớp. Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cần đổi mới hoạt động để thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Một số hình thức hiệu quả bao gồm xây dựng mô hình tự quản cộng đồng, phát triển các tổ chức tự quản tại khu dân cư, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm tạo sự gắn kết trong cộng đồng. Bên cạnh đó, khuyến khích nhân dân tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất không chỉ giúp nâng cao thu nhập mà còn tăng cường sự liên kết trong sản xuất và kinh doanh.

Mặt khác, cần nâng cao cảnh giác và chủ động đấu tranh với những âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động chia rẽ, vì vậy công tác tuyên truyền cần làm rõ bản chất và thủ đoạn của chúng, đồng thời nâng cao ý thức tự bảo vệ trong nhân dân. Đồng bào dân tộc thiểu số cần được trang bị kiến thức đầy đủ về quyền lợi, trách nhiệm của mình, từ đó tạo nên một “miền dịch cộng đồng” trước những luận điệu sai trái, củng cố khối đoàn kết vững chắc.

Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đòi hỏi cán bộ, đảng viên, nhất là những người làm công tác dân vận, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cần tiên phong, gần gũi với nhân dân, nắm chắc tình hình địa phương để kịp thời giải

quyết các vấn đề phát sinh, đồng thời làm gương trong các phong trào cộng đồng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

“Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc. Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại” [76, tr.233-234].

Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long, đội ngũ cán bộ dân vận giữ vai trò nòng cốt, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Việc nâng cao trình độ, năng lực của lực lượng này là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng những thách thức ngày càng lớn trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của đất nước và thế giới. Cán bộ dân vận không chỉ tiên phong trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh tại cơ sở. Đặc biệt, với đặc thù của đồng bằng sông Cửu Long có sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo và văn hóa nên vai trò của cán bộ dân vận càng trở nên quan trọng trong việc củng cố tinh thần đoàn kết, khơi dậy lòng yêu nước và trách nhiệm của nhân dân đối với Tổ quốc.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy đội ngũ cán bộ dân vận trong khu vực vẫn còn nhiều hạn chế về trình độ, năng lực và kỹ năng. Một số cán bộ chưa am hiểu sâu sắc văn hóa, phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số, gây khó khăn trong việc tiếp cận, vận động và xử lý các vấn đề tại địa phương. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác dân vận, cần tập trung vào một số nội dung chính. Trước hết, cần nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng để cán bộ dân vận thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, nhận thức rõ vai trò quan trọng của đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng. Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là yếu tố quan trọng giúp họ vững vàng bản lĩnh, định hướng rõ ràng trong công tác.

Song song với đó, cán bộ dân vận cần được đào tạo về chuyên môn, đặc biệt là kiến thức liên quan đến văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc trong khu vực, tâm lý học, kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống. Việc hiểu biết sâu sắc về các yếu tố này giúp họ tiếp cận cộng đồng một cách linh hoạt, hiệu quả hơn. Đồng thời, kỹ năng vận động, thuyết phục, tổ chức phong trào quần chúng cũng cần được bồi dưỡng thường xuyên. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội vào công tác tuyên truyền, vận động là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh trình độ và kỹ năng, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cũng là yếu tố then chốt đối với cán bộ dân vận. Họ cần có thái độ gần gũi, tận tụy với nhân dân, đặt lợi ích của cộng đồng lên hàng đầu. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công. Do đó, sự mẫu mực của cán bộ dân vận chính là yếu tố quyết định trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhìn chung, đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền và đa dạng hóa hình thức tập hợp nhân dân là giải pháp chiến lược nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long nhưng công tác tuyên truyền, vận động mang lại hiệu quả cao cần kết hợp nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ dân vận. Khi đội ngũ này được đào tạo bài bản, họ sẽ có đủ khả năng để tuyên truyền, vận động nhân dân, khơi dậy tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, họ cũng là lực lượng nòng cốt trong việc đấu tranh chống lại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Đào tạo một đội ngũ cán bộ dân vận có chuyên môn, phẩm chất và trách nhiệm không chỉ là nhiệm vụ cấp bách trước mắt mà còn là chiến lược lâu dài, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững cho khu vực trong tương lai.

4.3.3. Phát huy vai trò của chính quyền địa phương, hệ thống chính trị các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Mặt trận là một chiến lược cơ bản, lâu dài, xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng XHCN, trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc cũng như trong xây dựng

nước Việt Nam ngày càng vững mạnh. Người khẳng định: “Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam” [83, tr.453]. Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và nhân dân cần phát huy tốt vai trò của mình, cụ thể:

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc: Để đảm bảo vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, cần tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, tránh sự chồng chéo giữa các cơ quan. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức này, cần tránh tình trạng hành chính hóa để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có thể đến gần hơn với người dân, phản ánh đúng nguyện vọng, tâm tư của các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc.

Việc thực hiện hiệu quả các quy chế phối hợp giữa các tổ chức cùng với cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc có vai trò quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Cần tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền. Đối với các tổ chức hội, cần đảm bảo nguyên tắc hoạt động rõ ràng, dựa trên tinh thần tự nguyện và tự quản. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội lớn nhất, đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đại diện cho quyền lợi hợp pháp của nhân dân và là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với người dân. Để hoạt động hiệu quả, Mặt trận cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đồng thời mở rộng hình thức tập hợp, vận động nhân dân. Các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hay “Ngày vì người nghèo” cần được đẩy mạnh nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hỗ trợ các nhóm yếu thế như gia đình chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Phát huy vai trò của Hội Cựu chiến binh: Hội đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời giữ vai trò nòng cốt trong bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội

chủ nghĩa. Hội Cựu chiến binh không chỉ là cầu nối đoàn kết các dân tộc mà còn là lực lượng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động của Hội cần tập trung nâng cao chất lượng đời sống cho hội viên và các cựu chiến binh, đặc biệt là những người thuộc các dân tộc thiểu số như Khmer, Chăm, Hoa. Các chương trình hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình cần được quan tâm, triển khai rộng rãi, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng các dân tộc. Bên cạnh đó, các hoạt động tình nghĩa như trợ giúp pháp lý, phổ biến pháp luật và tư vấn chính sách cần được đẩy mạnh, giúp cựu chiến binh nắm rõ quyền lợi hợp pháp và tham gia xây dựng xã hội một cách tích cực; chú trọng đến việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho hội viên, đồng thời nâng cao kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật để thích nghi với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc ngày càng vững mạnh.

Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Đây là lực lượng nòng cốt, hỗ trợ đắc lực cho Đảng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đoàn cần không ngừng mở rộng các hoạt động gắn kết thanh niên trên nền tảng thống nhất về mục tiêu chính trị và lý tưởng chung. Việc tổ chức và hoạt động của Đoàn phải chú trọng chăm lo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của thanh niên, đồng thời xây dựng các phong trào có sức lan tỏa rộng rãi, thúc đẩy sự đoàn kết trong cộng đồng thanh niên. Đổi mới nội dung hoạt động cần hướng tới tính đa dạng, hiệu quả, liên kết chặt chẽ với các vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, đáp ứng tốt nhu cầu của thanh niên. Bên cạnh đó, cần tập trung xây dựng các mô hình thu hút thanh niên, thông qua việc tổ chức các diễn đàn, đối thoại để nắm bắt và định hướng tư tưởng, khuyến khích thanh niên tham gia đóng góp ý kiến và hiến kế phát triển đất nước. Các cấp bộ Đoàn cần quan tâm đặc biệt tới thanh niên tôn giáo, dân tộc và lao động tự do, bảo đảm các hoạt động của Đoàn thực sự chạm đến cảm xúc, khích lệ tinh thần sống tốt đẹp hơn trong giới trẻ. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn cũng cần được đặc biệt chú trọng, với những người có tâm huyết, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, sẵn sàng xung kích, sáng tạo và làm việc hiệu quả.

Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Hội là đại diện cho quyền lợi của các tầng lớp phụ nữ, đóng vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết

dân tộc. Để làm tốt vai trò này, Hội cần đổi mới cách thức vận động, tập hợp phụ nữ, đặc biệt với nhóm nữ công nhân, trí thức và doanh nhân. Phát động các phong trào thi đua yêu nước là nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của hội viên. Tiếp tục đẩy mạnh vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với phụ nữ Việt Nam thông qua việc cụ thể hóa chính sách sát thực tế, đồng thời tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và uy tín. Chương trình hành động của Hội phải hướng tới việc đáp ứng tốt nhu cầu hội viên, vừa đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu chung của đất nước, vừa tăng cường kết nối và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực.

Phát huy vai trò của Hội Nông dân Việt Nam: Đây thành viên quan trọng của Mặt trận Tổ quốc, có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Để phát huy vai trò này, Hội cần đẩy mạnh các phong trào thi đua như “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”, “Xây dựng nông thôn mới” và các hoạt động thi đua sản xuất. Các phong trào này không chỉ giúp nông dân vươn lên làm giàu chính đáng mà còn khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng. Công tác tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cần được nâng cao chất lượng. Hội cũng cần phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước để hỗ trợ nguồn vốn, kỹ thuật, đồng thời hướng dẫn nông dân phát triển kinh tế tập thể và xây dựng thương hiệu nông sản. Phong trào không chỉ cải thiện đời sống kinh tế mà còn nâng cao ý thức văn hóa, xã hội trong cộng đồng nông thôn. Hội cần tập trung củng cố tổ chức, phát triển đội ngũ cán bộ nông dân có năng lực, phẩm chất chính trị vững vàng và tâm huyết với công tác Hội. Những cán bộ này sẽ là trung tâm dẫn dắt phong trào, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nông thôn gắn với xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa to lớn, góp phần xây dựng sức mạnh toàn dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng. Đây không chỉ là nhiệm vụ chiến lược để duy trì ổn định chính trị, tăng cường đồng thuận xã hội, mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

4.3.4. Quan tâm giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết giữa các tôn giáo, cũng như đoàn kết giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo với những người không tín ngưỡng (đoàn kết lương - giáo) là cơ sở hết sức quan trọng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Người nhấn mạnh: “Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để gìn giữ non sông Tổ quốc và cũng để giữ gìn tín ngưỡng tự do” [74, tr.490].

Đối với đồng bằng sông Cửu Long là khu vực tập trung nhiều tôn giáo (13/16 tôn giáo được pháp luật Việt Nam thừa nhận) và một số tôn giáo có số lượng tín đồ lớn mang tính đặc thù như Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Hòa hảo. Sự đa dạng này vừa tạo nên nét đặc trưng về văn hóa, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết về hòa hợp, đoàn kết tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Thực tiễn cho thấy các tổ chức tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian qua đã tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và gìn giữ văn hóa truyền thống; tổ chức nhiều hoạt động từ thiện, cứu trợ thiên tai, hỗ trợ người nghèo với tinh thần “vì chúng sinh phục vụ; tích cực tham gia phong trào hiến đất mở đường, đóng góp xây dựng trường học, trạm y tế,... Các tổ chức tôn giáo đã và đang phát huy vai trò nòng cốt trong kêu gọi đoàn kết, sẻ chia, khơi dậy lòng nhân ái, gắn kết cộng đồng.

Để phát huy sức mạnh đoàn kết tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để đồng bào có đạo và không có đạo về tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo phải trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động, giúp xóa bỏ định kiến, củng cố niềm tin và gắn kết cộng đồng. Song song đó, cần phát huy vai trò gương mẫu, uy tín và sức ảnh hưởng của các chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong việc vận động tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn của tôn giáo trong đời sống xã hội. Đồng thời, chính quyền địa phương phải bảo đảm quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo đúng Hiến pháp và pháp luật, kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện đồng bộ các biện pháp trên sẽ biến sức mạnh đoàn kết tôn giáo thành một động lực to lớn, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng vững chắc.

Sinh thời Hồ Chí Minh nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” [85, tr.627]. Điều này chính là mang lại lợi ích chính đáng cho mọi người, bảo đảm sự hài hòa lợi ích của cho tất cả mọi người, trong đó có lợi ích của tất cả các dân tộc, các tôn giáo và chính là khát vọng tột bậc của Hồ Chí Minh. Người viết: “Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào” [81, tr.607]. Về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ, địa vị của nhân dân là người chủ đối với xã hội, đất nước và nhân dân là chủ thể của quyền lực, Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” [77, tr.434], “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: Hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” [79, tr.382].

Giải quyết hài hòa lợi ích giữa các tầng lớp xã hội, dân tộc và tôn giáo là nền tảng quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Lợi ích không chỉ là yếu tố gắn kết mà còn là cơ sở để tạo sự đồng thuận trong xã hội. Nếu không đạt được sự cân bằng, mâu thuẫn có thể nảy sinh, ảnh hưởng đến sự ổn định và đoàn kết giữa các cộng đồng. Do đó, các cấp ủy Đảng và chính quyền cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, từ tuyên truyền, vận động đến các biện pháp hành chính, tất cả phải đảm bảo tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Mỗi dân tộc, tôn giáo và cá nhân đều có những lợi ích riêng bên cạnh mục tiêu chung vì sự phát triển của đất nước. Những lợi ích này bao gồm cả yếu tố vật chất và tinh thần, trong đó có những lợi ích tương đồng với lợi ích xã hội nhưng cũng có những lợi ích cục bộ có thể xung đột với mục tiêu phát triển chung. Việc cân bằng và giải

quyết những khác biệt đòi hỏi các chính sách phải phù hợp, hướng đến sự thống nhất, đồng thuận xã hội và phát triển bền vững. Chính quyền các cấp đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân, đồng thời tạo động lực để khai thác các nguồn lực phát triển xã hội. Khi xây dựng và thực thi chính sách, cần tính toán kỹ tác động đến từng nhóm dân cư, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công bằng và bình đẳng. Để tránh tình trạng chia rẽ do lợi ích, hệ thống pháp lý và hành chính cần được hoàn thiện, đồng thời linh hoạt trong tổ chức thực hiện và tuyên truyền để người dân hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình. Chỉ khi quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thành phần trong xã hội được thừa nhận và bảo vệ, sự đồng thuận mới có thể được duy trì.

Trong bối cảnh hiện nay, công bằng xã hội không chỉ đơn thuần là sự phân chia đồng đều lợi ích mà cần dựa trên năng lực, đóng góp và trách nhiệm của mỗi cá nhân. Việc phân phối lợi ích phải đảm bảo sự hợp lý trong các mối quan hệ xã hội, tránh tình trạng cào bằng hoặc thiên lệch. Tuy nhiên, tại một số địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long, mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích cộng đồng vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến sự thống nhất và phát triển bền vững của khu vực. Để khắc phục tình trạng này, chính quyền và các cơ quan chức năng cần nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề ra các giải pháp phù hợp. Trong đó, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dựa trên nền tảng dân chủ và công bằng là yếu tố then chốt.

Dân chủ không chỉ là một phương thức quản lý hiệu quả mà còn là động lực để giải quyết các mâu thuẫn về lợi ích và thúc đẩy sự đồng thuận xã hội. Mở rộng dân chủ giúp đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích tinh thần sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, từ đó củng cố sự thống nhất trong xã hội. Đồng thời, dân chủ cần được thực hiện tốt trong nội bộ Đảng và hệ thống chính trị thông qua các cơ chế công khai, minh bạch và hiệu quả. Điều này không chỉ nâng cao niềm tin của nhân dân vào chính quyền mà còn tạo sự gắn kết giữa chính quyền và người dân. Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần tiếp tục phát huy vai trò cầu nối, bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Khi lợi ích giữa các dân tộc, tôn giáo và các nhóm xã hội được giải quyết hài hòa trên nền tảng dân chủ và công bằng, sự đồng thuận xã hội sẽ được củng cố, trở thành động lực cho sự phát triển bền vững.

Như vậy, việc giải quyết tốt vấn đề dân tộc, tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc và lợi ích tôn giáo, giữa “đời” và “đạo”, biến khát vọng phát triển thành hành động cụ thể của các tôn giáo, chức sắc, tín đồ. Đó chính là động lực nội sinh bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, là “chìa khóa” để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này không chỉ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống mà còn giúp giảm thiểu các mâu thuẫn, thúc đẩy sự ổn định và gắn kết cộng đồng. Khi các chính sách được thực hiện công bằng, minh bạch, mọi tầng lớp nhân dân sẽ đồng lòng chung sức, góp phần xây dựng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng giàu đẹp, hòa bình và phát triển bền vững.

4.3.5. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Hồ Chí Minh, muốn đoàn kết vững chắc thì phải chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tôn trọng bản sắc của mỗi cộng đồng dân tộc, từ đó tạo nền tảng đồng thuận xã hội. Vận dụng vào thực tiễn đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất đa dạng thành phần dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa, việc hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển bền vững vùng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Việc xây dựng và triển khai các chính sách phát triển kinh tế bền vững, gắn với tăng trưởng và bảo vệ môi trường sinh thái đặc thù của vùng. Phải ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước, công nghệ thông tin đến tận vùng sâu, vùng xa nơi đồng bào Khmer, Hoa, Chăm cư trú. Đồng thời, cần có cơ chế hỗ trợ tín dụng, khuyến khích sản xuất nông nghiệp sạch, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, phát triển du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống, giúp các cộng đồng dân tộc vừa nâng cao thu nhập, vừa giữ gìn văn hóa đặc sắc. Đây chính là cách hiện thực hóa lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: phát triển kinh tế phải gắn với nâng cao đời sống của nhân dân.

Bên cạnh đó, chính sách xã hội cần hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng và các cộng đồng dân tộc. Cần tiếp tục thực hiện tốt các chương trình y tế cộng đồng, phổ cập giáo dục, đào tạo nghề cho thanh niên các dân tộc thiểu số, để họ có điều kiện tiếp cận bình đẳng với cơ hội phát triển. Đồng thời, chính sách an sinh phải quan tâm đặc biệt đến phụ nữ, trẻ em và người yếu thế trong cộng đồng, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Đây chính là hiện thân sinh động của tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc”, mọi chính sách phải hướng tới hạnh phúc của nhân dân.

Về phát triển văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long cần tôn trọng và phát huy bản sắc riêng của từng cộng đồng dân tộc, trên cơ sở xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhà nước cần có các chương trình bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể như lễ hội Ok Om Bok (Oóc Om Bóc) của người Khmer, nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ, các nghi lễ Hồi giáo của người Chăm...; đồng thời tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc chủ động quảng bá, trao đổi và giao lưu văn hóa với nhau.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có đông đồng bào Khmer nhất cả nước, vì vậy trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa cần đặc biệt quan tâm đến cộng đồng này. Cần ưu tiên đầu tư hạ tầng, hỗ trợ tín dụng và phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện sinh kế của đồng bào Khmer; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc y tế; đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, tôn giáo, nhất là vai trò của chùa Khmer và các vị sư sãi trong đời sống cộng đồng. Khi đời sống vật chất, tinh thần và bản sắc văn hóa được chăm lo, đồng bào Khmer sẽ trở thành lực lượng nòng cốt, góp phần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa là yếu tố quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt các chính sách là góp phần chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, là giải pháp thiết thực để củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.3.6. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Mỗi giai đoạn phát triển của đất nước đều đi kèm với những thách thức mới, xuất phát từ các yếu tố trong và ngoài nước, bao gồm cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Do đó, việc đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình củng cố khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu cấp thiết. Đây vừa là cách tiếp cận khoa học, toàn diện mà còn giúp định hướng rõ ràng trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra, góp phần giữ vững sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công” [83, tr.120]. Đây vừa là khẩu hiệu, vừa là nhiệm vụ trọng yếu phải thực hiện xuyên suốt và lâu dài, phải được đúc kết thành những bài kinh nghiệm, không ngừng sáng tạo để xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc. Việc nghiên cứu lý luận giúp hệ thống hóa và làm rõ các nguyên tắc cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, từ đó tạo ra nền tảng tri thức vững chắc để định hướng chính sách và trong hành động. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết phải dựa trên các yếu tố như lợi ích chung, lòng khoan dung, sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Cần có những nghiên cứu chuyên sâu để tìm hiểu sự gắn kết các dân tộc với nhau khi họ có sự khác biệt lớn về phong tục, tập quán, ngôn ngữ và tôn giáo; đảm bảo các chính sách áp dụng ở đồng bằng sông Cửu Long không làm gia tăng khoảng cách về lợi ích giữa các dân tộc.

Thực tiễn ở đồng bằng sông Cửu Long đã chứng minh rằng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo tồn văn hóa dân tộc đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Những mô hình tiêu biểu như phát triển làng nghề truyền thống, tổ chức các lễ hội chung giữa các dân tộc hay triển khai các dự án nông nghiệp hợp tác không chỉ giúp cải thiện đời sống kinh tế mà còn tạo cơ hội để cộng đồng các dân tộc giao lưu, chia sẻ và thắt chặt sự gắn bó. Tuy nhiên, không phải mô hình nào cũng đạt được thành công như kỳ vọng, do đó, tổng kết thực tiễn là bước quan trọng để đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm và nhân rộng những mô hình phù hợp.

Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại đồng bằng sông Cửu Long. Trước hết, cần tôn trọng sự đa dạng văn hóa, bởi đoàn kết không đồng nghĩa với đồng hóa, mà là sự gắn kết trên cơ sở bảo vệ và phát huy bản sắc riêng của từng dân tộc. Bên cạnh đó, lợi ích chung phải được đặt lên hàng đầu, khi các dân tộc cùng hưởng lợi từ các chính sách phát triển, họ sẽ có động lực để cùng nhau gắn bó và xây dựng cộng đồng. Một yếu tố quan trọng khác là vai trò lãnh đạo của Đảng và chính quyền. Lòng tin của nhân dân vào chính quyền sẽ được củng cố nếu các chính sách được thực hiện một cách minh bạch, công bằng và hướng đến sự phát triển chung.

Để tiếp tục củng cố và phát huy tinh thần đoàn kết, cần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và xây dựng các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về đại đoàn kết dân tộc tại các trường đại học và viện nghiên cứu lớn trong khu vực. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đa dân tộc, từ đó vận dụng linh hoạt vào thực tiễn địa phương. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phổ biến chính sách, kết nối cộng đồng và tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa cũng là giải pháp quan trọng giúp tăng cường sự hiểu biết và gắn kết giữa các dân tộc.

Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số, cũng như những cá nhân có uy tín trong cộng đồng để làm cầu nối giữa chính quyền và nhân dân. Họ không chỉ giúp truyền tải chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách hiệu quả mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại địa phương. Cuối cùng, các chính sách phát triển kinh tế cần ưu tiên những khu vực còn nhiều khó khăn, đảm bảo không để bất kỳ nhóm dân cư nào bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Trước những thách thức hiện nay, đồng bằng sông Cửu Long cần tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực. Nếu các giải pháp được thực hiện hiệu quả, chúng sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự gắn kết cộng đồng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển lâu dài của vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

4.3.7. Kịp thời đấu tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực mà các thế lực thù địch luôn tìm cách thực hiện âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Lợi dụng đặc điểm về dân cư, tín ngưỡng và những khó khăn kinh tế tại một số địa bàn, chúng kích động mâu thuẫn, gây rối nhằm phá vỡ sự thống nhất trong cộng đồng. Những thủ đoạn thường được sử dụng bao gồm khai thác những vấn đề nhạy cảm về tôn giáo, dân tộc, khiếu kiện đất đai để kích động lòng dân. Đồng thời, nhiều nhóm còn tận dụng mạng xã hội và các diễn đàn trực tuyến để phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm làm suy giảm lòng tin của người dân. Trước thực trạng này, các cấp chính quyền và nhân dân cần nâng cao năng lực nhận diện và thực hiện hiệu quả các biện pháp đấu tranh để bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc.

Trước hết, việc nhận diện âm mưu và thủ đoạn chia rẽ là bước quan trọng trong công tác đấu tranh. Cán bộ, đảng viên và nhân dân cần được trang bị đầy đủ kiến thức để nhận diện những hình thức chia rẽ tinh vi, từ việc lợi dụng mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo cho đến phát tán thông tin sai lệch trên các nền tảng số. Điều này đòi hỏi công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng phải được thực hiện thường xuyên, sâu rộng thông qua hội thảo, tọa đàm hoặc chương trình giáo dục cộng đồng. Đặc biệt, trước sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, các cơ quan chức năng cần nâng cao năng lực sử dụng công nghệ để theo dõi, phát hiện sớm và xử lý các thông tin giả mạo, đồng thời chủ động cung cấp thông tin chính thống để định hướng dư luận, ngăn chặn sự lan truyền của các luận điệu xuyên tạc.

Bên cạnh nhận diện, việc triển khai các biện pháp đấu tranh nhằm ngăn chặn thủ đoạn chia rẽ cũng cần được thực hiện một cách đồng bộ. Một trong những nguyên nhân khiến các thế lực thù địch dễ dàng tác động là sự chênh lệch về đời sống kinh tế giữa các dân tộc. Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa – nơi tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ việc làm, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng giáo dục và y tế sẽ giúp người dân có cuộc sống ổn định hơn, từ đó giảm nguy cơ bị lợi dụng. Những chương trình như xây dựng “Nông thôn mới” hay phát triển du lịch cộng đồng tại các

xã có đông đồng bào Khmer đã chứng minh được hiệu quả trong việc nâng cao đời sống và thúc đẩy sự gắn kết giữa các dân tộc.

Ngoài ra, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội cũng cần được phát huy mạnh mẽ trong việc phản bác các luận điệu sai trái. Báo chí, truyền thông phải đóng vai trò tiên phong trong việc lan tỏa thông tin tích cực, đồng thời phối hợp với các chuyên gia, nhà nghiên cứu để xây dựng nội dung phản biện sắc bén, có sức thuyết phục. Bên cạnh đó, việc tăng cường đối thoại giữa chính quyền và nhân dân là cần thiết để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, tránh tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng. Cách tiếp cận này không chỉ giúp xây dựng lòng tin mà còn khuyến khích người dân tham gia tích cực vào công tác bảo vệ sự đoàn kết trong cộng đồng.

Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch ngày càng sử dụng những thủ đoạn tinh vi, phức tạp và khó lường. Vì vậy, để đấu tranh hiệu quả trong dài hạn, cần xây dựng lực lượng chuyên trách có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, các chính sách liên quan đến dân tộc và tôn giáo cần được hoàn thiện, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và phù hợp với thực tế tại đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống truyền thông cơ sở cũng cần được nâng cao chất lượng hoạt động để cung cấp thông tin chính xác, phản bác kịp thời các luận điệu xuyên tạc. Vì vậy, việc xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp với ngôn ngữ và văn hóa của đồng bào dân tộc trong khu vực là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả truyền thông.

Nhìn chung, nâng cao năng lực nhận diện và đấu tranh chống chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long không chỉ là nhiệm vụ cấp bách mà còn là chiến lược dài hạn. Đây không chỉ là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo sự ổn định của khu vực mà còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Khi chính quyền và nhân dân cùng đồng lòng, cảnh giác và chủ động đấu tranh, âm mưu chia rẽ sẽ bị đẩy lùi, tạo điều kiện để khu vực phát triển bền vững và giữ vững sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 Luận án đã tập trung làm rõ những dự báo về bối cảnh quốc tế, trong nước và những nhân tố có thể tác động đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, đồng thời luận giải hệ thống quan điểm và đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của vùng. Qua đó đã khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của việc tiếp tục củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc như một nhân tố quyết định sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực, nhất là trong bối cảnh biến động sâu sắc của thời đại.

Việc nhận diện những yếu tố tác động mới như toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), biến đổi khí hậu, sáp nhập đơn vị hành chính và sự chống phá của các thế lực thù địch... cho thấy những thời cơ và thách thức đan xen, đòi hỏi quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải không ngừng đổi mới tư duy, phương thức và giải pháp hành động. Đặc biệt, trong bối cảnh đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nhiều áp lực phát triển không đồng đều, khoảng cách vùng miền, phân hóa giàu nghèo, nguy cơ chia rẽ dân tộc, tôn giáo thì tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc càng trở nên cấp thiết, đóng vai trò kim chỉ nam cho mọi hành động của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương.

Từ những phân tích lý luận và thực tiễn, xác định các quan điểm có tính nguyên tắc và định hướng xuyên suốt trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long, đó là: xem đây là mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ lâu dài và cấp bách; xây dựng khối đại đoàn kết vì sự phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm tính đặc thù về văn hóa, dân tộc và tôn giáo của khu vực; phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò tập hợp nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất các nhóm giải pháp có tính khả thi, đồng bộ và phù hợp với đặc thù vùng, như: tiếp tục nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân; đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động, đa dạng hóa hình thức tập hợp

nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo;... Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong tình hình mới chính là khẳng định đường lối đúng đắn, nhất quán của Đảng, sự thống nhất trong tư duy và hành động của toàn hệ thống chính trị. Đó là cách để khơi dậy và phát huy sức mạnh nội sinh, phát triển bền vững, giữ gìn ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, đưa đồng bằng sông Cửu Long vươn lên trở thành vùng phát triển năng động, hiện đại, thịnh vượng, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

KẾT LUẬN

Đại đoàn kết dân tộc là một truyền thống quý báu được kết tinh trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời kỳ dựng nước và giữ nước cho đến ngày nay. Các giá trị tốt đẹp về đại đoàn kết dân tộc đã được Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới và đã trở thành tư tưởng nền tảng trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” [84, tr.186], “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cùng là điểm mẹ. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: đó là ĐOÀN KẾT” [80, tr.589].

Qua nghiên cứu luận án xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu đã có nhiều đóng góp thiết thực nhằm khắc phục những khoảng trống của các công trình đi trước, tác giả đã định hướng rõ ràng hơn về cách thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn của vùng. Quá trình nghiên cứu tác giả đã hệ thống, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, làm rõ cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và những vấn đề đặt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, từ đó thấy rõ những mặt còn hạn chế cần phải khắc phục.

Trên cơ sở những vấn đề đặt ra, tác giả đã đi sâu phân tích, chỉ ra các yếu tố tác động tích cực và tiêu cực để làm cơ sở xây dựng các phương hướng và đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn của đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp cụ thể: Tiếp tục nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới; Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Phát huy vai trò của chính quyền địa phương và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị – xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Quan tâm giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mình; Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường gắn với đảm bảo quốc phòng – an ninh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Kịp thời đấu tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

Với những giải pháp chúng tôi đề xuất, nếu được thực hiện đồng bộ và lâu dài dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc sẽ có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của khu vực, mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng được thắt chặt, niềm tin của các dân tộc đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ngày càng được tăng cường. Đây là sự cần thiết, là điều kiện quan trọng để thúc đẩy vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững trên tất cả các lĩnh vực, xứng tầm là vùng kinh tế trọng điểm của đất nước; làm thất bại mọi âm mưu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích thực trạng, những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục nâng cao nhận thức về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho các chủ thể; công tác này phải thực hiện xuyên suốt và lâu dài. Tuyên truyền, giáo dục cho các dân tộc thấy rõ tầm quan trọng của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Nội dung tuyên truyền, giáo dục phải thiết thực, phù hợp với thực tiễn của vùng và được phổ biến rộng rãi đến các dân tộc.

Thứ hai, đổi mới nội dung và phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Các hình thức tuyên truyền cần được thực hiện linh hoạt, sáng tạo, thiết thực. Bên cạnh các phương thức truyền thống, cần tận dụng mạng xã hội, truyền thông số để lan tỏa thông điệp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ ba, phát huy vai trò của các chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó xác định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đóng vai trò trung tâm trong việc kết

nói, giữ mối liên hệ với các dân tộc; là cầu nối giữa dân với Đảng, Nhà nước; luôn chăm lo, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc.

Thứ tư, tăng cường tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo, phát huy vai trò của chức sắc và tín đồ trong hoạt động tôn giáo; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các dân tộc, tôn giáo thông qua chính sách công bằng, minh bạch; tăng cường đối thoại với nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân để kịp thời giải quyết những bất đồng, tránh để các vấn đề nhỏ leo thang thành xung đột; đồng thời hoàn thiện chính sách bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, ngăn chặn lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết.

Thứ năm, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội hợp lý, nhất là đối với những vùng còn nhiều khó khăn để tạo điều kiện cho các dân tộc có cơ hội phát triển tốt, giảm khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các dân tộc; quan tâm đến chất lượng cuộc sống của các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc tiếp cận tốt về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe và vui chơi, giải trí.

Thứ sáu, các cấp ủy Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để kịp thời điều chỉnh đường lối, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với bối cảnh cụ thể.

Thứ bảy, nâng cao nhận thức và năng lực phòng chống các âm mưu chia rẽ “đoàn kết dân tộc”, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhận diện các thủ đoạn gây chia rẽ “khối đại đoàn kết dân tộc”, nhất là đối với các thông tin xấu, tiêu cực, độc hại lan truyền trên không gian mạng.

Những khuyến nghị trên đây sẽ góp phần thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay và trong thời gian tới mang lại hiệu quả cao.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Ngọc Cẩn (2025), *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, đăng website Tạp chí 08/7/2025.
2. Nguyễn Ngọc Cẩn (2024), *Phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, số 05 (2024), tr.18-26.
3. Nguyễn Ngọc Cẩn (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc - Một số vấn đề lý luận*, Tạp chí Nghiên cứu Triết học, số 5 (14) 2024, tr.12-19.
4. Nguyễn Ngọc Cẩn (2023), *Phát huy vai trò của giảng viên lý luận chính trị trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số chuyên đề - 2023, tr.177-182.
5. Nguyễn Ngọc Cẩn (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vận dụng ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 - 2019, tr.48-55.
6. Nguyễn Ngọc Cẩn (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới - Cơ sở lý luận xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Tạp chí Cộng sản (CQTT Miền Nam) - Học viện Chính trị khu vực II.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn An (2012), *Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Mặt trận, số 101-2012, tr 68-71.
2. Phạm Ngọc Anh (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Trà Anh (2018), *Mấy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
4. Phan Văn Ba (2008), *Vấn đề giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
5. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ban Bí thư về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.
6. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2022), Thông tri số 25/TTr-MTTW-BTT, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “*việc Hướng dẫn thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” giai đoạn 2021- 2025*”.
7. Hoàng Chí Bảo (2009), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Khánh Bật (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kì mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2018), Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ Chính trị về “*tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”.
10. Bộ Chính trị (2022), Nghị quyết số 13-NQ/TW khóa XIII, ngày 02 tháng 4 năm 2022 về “*phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”.

11. Bộ Chính trị (2023), Kế hoạch số 21-KH/TW, ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Bộ Chính trị ban hành *“Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”*.
12. Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2024), *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*, Hà Nội.
13. Bùi Đình Bôn (2012), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay*, in trong: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 335 - 347.
14. Phạm Văn Búa (2010), *Đặc điểm dân cư và tâm lý người dân đồng bằng sông Cửu Long nhằm thực hiện có hiệu quả chiến lược đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Trường Đại học Cần Thơ, số 13.
15. Phạm Văn Búa (2011), *Quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng ở đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1991 đến năm 2006*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
16. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về *“phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021–2030”*.
17. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về *“phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu”*.
18. Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), Nghị quyết số 94/NQ-CP, ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về *“ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”*.

19. Nguyễn Mạnh Chung, Vũ Đình Thuận (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt nam trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Thông tin Khoa học chính trị, Số 5(35), tr 7 - 13.
20. Nguyễn Hồng Chuyên (2019), *Học tập và làm theo những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
21. Huỳnh Đảm (2013), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong tình hình mới*, Tạp chí Cộng sản, số 78 - 2013, tr 29 - 32.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX về “*phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “*tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*”.

29. Nguyễn Phan Đấu (2019), *Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
30. Nguyễn Sỹ Đệ (2017), *Tuyên truyền, giáo dục chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với người Chăm*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
31. Đặng Quang Định (2023), *Gìn giữ, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản, số 1.027 (12-2023), tr 60 - 66.
32. Nguyễn Hữu Đồng (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về ý Đảng - lòng dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân hiện nay*, Tạp chí Lịch sử Đảng, Số 2 (303), tr 28 - 31.
33. Philippe Devillers (1952), *Histoire du Viêt-Nam de 1940 à 1952 "Le Retour de Ho Chi Minh"*, Nxb Éditions du Seuil, Paris.
34. Trương Minh Dục (2007), *Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, Đề tài cấp Bộ, Mã số B.07-29, Đà Nẵng.
35. William J. Duiker (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, Nxb Hyperion Books, New York.
36. Đặng Văn Dũng (2021), *Giá trị tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 482, tr 32 - 35.
37. Nguyễn Hữu Dũng, Lê Mậu Nhiệm (2022), *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Hà Thị Thùy Dương (2023), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc*, Tạp chí Lý luận chính trị 11 - 2023, số 5498, tr 50 - 56.
39. Bernard Fall (1960), *Le Viet-Minh: La République démocratique du Viet-Nam, 1945-1960*, Nxb Librairie Armand Colin, Paris.
40. Vũ Thị Thu Hà (2021), *Phương pháp đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 319 + 320, tr 42 - 48.

41. Đỗ Thanh Hải (2009), *Giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 8/2009, tr 16-18.
42. Ngô Quốc Hải, Nguyễn Bình Minh (2012), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 2, tr 97 - 99.
43. Lê Mậu Hãn (2017), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
44. Phạm Thị Hằng (2021), *Phát huy phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 6, tr 55 - 61.
45. Lê Thị Hạnh (2021), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 7, tr 63 - 67.
46. Trần Hậu (2008), *Góp phần nghiên cứu về đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Trần Hậu (2016), *Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam - quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
48. George C. Herring (1979), *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, Nxb John Wiley & Sons, Inc, New York.
49. Trần Duy Hiền (2008), *Đoàn kết tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Cộng sản, tháng 1-2008, tr 26-29.
50. Đào Đình Hiếu (2018), *Tư tưởng Đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong Hiến pháp 2013*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Đoàn Đức Hiếu (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Triết học, số 4 (335), tr 16-21.
52. Nguyễn Thị Phương Hoa (2019), *Củng cố, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, số 11 - 2019, tr 3 - 7.
53. Nguyễn Đình Hòa (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tạp chí Triết học, số 8 (291), tr 11-19.
54. Doãn Hùng (2018), *Một số quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 272 (2-2018), tr 11 - 14.

55. Nguyễn Văn Hùng (2021), *Một số giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới*, Tạp chí Dân vận, số 7 (313), tr. 34-37.
56. Đỗ Quang Hưng (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
57. Lê Thị Hường (2021), *Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh - nhìn từ Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 303 (4 - 2021), tr 14-17.
58. Duy Thị Hải Hường (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và sự vận dụng của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay*, Tạp chí Lịch sử Đảng (6 - 2023), tr 42 - 47.
59. Lại Quốc Khánh (2023), *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, số 1011 (tháng 4), tr. 29-35.
60. Vũ Trọng Lâm (2023), *Một số nhận thức lý luận về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua tác phẩm của tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Tạp chí Cộng sản (tháng 3/2023), số 1.009, tr 55 - 61.
61. Vi Thị Hương Lan (2021), *Một số nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
62. Phan Thị Liên (2022), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc với việc hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 50 (3 - 4/2022), tr 50 - 54.
63. Đinh Xuân Lý, Phạm Ngọc Anh (2008), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
64. Hoàng Xuân Lương (2012), *Xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Tạp chí Cộng sản (831), tr 56 - 59.
65. Văn Thị Thanh Mai (2009), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số*, Tạp chí Tuyên giáo, số 5, tr 37 - 40.
66. Trần Thanh Mẫn (2019), *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nhiệm vụ mở rộng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới*, Tạp chí Cộng sản, Số 917, tr 10 - 13.

67. Dương Văn Mạnh (2018), *Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (Qua thực tế ở Sơn La)*, Luận án tiến sĩ Triết học, Hà Nội.
68. David G. Marr (1995), *Vietnam 1945*, Nxb University of California Press, Berkeley.
69. Hồ Chí Minh (1994), *Về đại đoàn kết*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Hồ Chí Minh (2003), *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Nguyễn Đình Minh (2016), *Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Đậu Tuấn Nam (2010), *Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Nguyễn Đức Ngọc (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
89. Đặng Kim Oanh (2024), *Đại đoàn kết toàn dân tộc - Một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 3 (400), tr 16 - 22.

90. Archimedes L.A.Patti (1995), *Why Vietnam?*, Nxb Đà Nẵng, tr.234.
91. Bùi Đình Phong (2023), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 103, tr 16-22.
92. Phùng Hữu Phú, Vũ Dương Ninh, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh (1995), *Chiến lược Đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Nguyễn Trọng Phúc (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và mặt trận dân tộc thống nhất*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 11, tr 47 - 54.
94. K'Sor Phước (2009), *Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát triển toàn diện, bền vững vùng dân tộc thiểu số*, Tạp chí Cộng Sản, số 797, tr 29 - 32.
95. Quốc Hội (2025), Nghị quyết 202/2025/QH15, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội về “sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh”.
96. Quận ủy quận 10 thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
97. Huỳnh Thanh Quang (2010), *Phát huy giá trị văn hoá Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Hà Nội.
98. Nguyễn Mạnh Quang (2021), *Một số giải pháp phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Bắc*, Tạp chí Mặt Trận, Tạp chí điện tử số ra 9/2021.
99. Sophie Quinn-Judge (2002), *Ho Chi Minh: The Missing Years 1919–1941*, Nxb University of California Press.
100. Nguyễn Anh Quốc, Vũ Thị Thanh Thảo (2012), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 11 (171) - 2012, tr 90 - 93.
101. Bùi Lệ Quyên (2021), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - tiếp cận trên phương diện quan hệ dân tộc - tộc người*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số 9, tr. 32 - 36.

102. Bạch Thanh Sang (2020), *Hội đoàn kết sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
103. Nguyễn Văn Siu (2011), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương giáo trong thực hiện chính sách tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
104. Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (2006), *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
105. Sơn Song Sơn (2009), *Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc Tây Nam bộ trong thời kỳ mới, hội nhập*, Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề cơ sở (25).
106. Nguyễn Văn Sỹ (2021), *Nhận diện một số quan điểm xuyên tạc và thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Tạp chí thông tin Khoa học Chính trị, số 04 (25), tr 81- 85.
107. Nguyễn Thế Thắng, Phan Minh Hiền, Đặng Văn Thái, Trần Thị Lợi, Nguyễn Kim Dung (1994), *Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
108. Lê Ngọc Thắng (2005), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
109. Vũ Chiến Thắng (2020), *Kiên quyết đấu tranh với hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, Số 940 (4/2020), tr 51 - 57.
110. Nguyễn Toàn Thắng (2020), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Tạp chí Ngân hàng, Số 6 (3/2020), tr 52 - 55.
111. Phạm Tất Thắng (2023), *Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới*, Tạp chí Cộng sản (3/2023), số 1.010, tr 13 - 19.
112. Nguyễn Văn Thanh, Lê Trọng Tuyển (2011), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc ở nước ta*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 2, tr 14 - 17.
113. Song Thành (2013), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

114. Thành ủy Cần Thơ (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thành phố Cần Thơ - nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Cần Thơ.
115. Thành ủy Cần Thơ (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thành phố Cần Thơ - nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Cần Thơ.
116. Nguyễn Viết Thảo, Dương Trung Ý (2014), *Thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
117. Lê Đức Thọ, Nguyễn Quốc Thành (2023), *Thúc đẩy đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững*, Tạp chí Cộng sản (01/2023), số 1.005, tr 83 - 90.
118. Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), Quyết định số 287/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về “*Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.
119. Nguyễn Thanh Thúy (2016), *Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở các tỉnh Tây Bắc Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
120. Tỉnh ủy An Giang (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2015 - 2020*, An Giang.
121. Tỉnh ủy An Giang (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025*, An Giang.
122. Tỉnh ủy Cà Mau (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Cà Mau.
123. Tỉnh ủy Cà Mau (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Cà Mau.
124. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Đồng Tháp.
125. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đồng Tháp.
126. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2015), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Vĩnh Long.

127. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2020), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Vĩnh Long.
128. Tổng cục thống kê - Ủy ban dân tộc (2019), *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê 2023, Hà Nội.
129. Tổng cục thống kê (2019), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
130. Tổng cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2023*, Nxb Thống kê 2023, Hà Nội.
131. Tổng cục thống kê (2024), *Niên giám thống kê năm 2024*, Nxb Thống kê 2024, Hà Nội.
132. Hoàng Thị Trang (2020), *Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
133. Đỗ Thị Thùy Trang (2020), *Một số đặc điểm cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh*, Tạp chí Triết học, số 8, tr 27 - 34.
134. Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 305 (3/2020).
135. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản, số 9 (973), tr 3 - 12.
136. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc*”, Tạp chí Cộng sản, số 1026 (11-2023), tr 108 - 111.
137. Nguyễn Phú trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

138. Nguyễn Xuân Trung (2022), *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Phan Tăng Tuấn, Nguyễn Văn Nhì (2018), *Tầm nhìn vượt trội của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc*, Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 1, tr 32 – 33.
140. Vũ Văn Tuấn (2020), *Học và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Tuyên giáo, số 3, tr 32 - 35.
141. Bùi Thanh Tuấn (2023), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện khát vọng phát triển đất nước, phồn vinh, hạnh phúc*, Tạp chí Lý luận chính trị (3/2023), số 541, tr 27 - 31.
142. Đỗ Xuân Tuất, Trần Lê Thanh (2021), *Đảng dựa vào dân, "lấy dân làm gốc" theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng*, Tạp chí Lịch sử Đảng số 9-2021.
143. Phan Thị Ánh Tuyết, Đặng Thị Mai Anh (2020), *Tư tưởng đại đoàn kết trong di chúc của Bác Hồ*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
144. Ủy ban Dân tộc (2017), *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam 70 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
145. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ (2023), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.
146. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ (2019), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2019 - 2024*, Cần Thơ.
147. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2024 - 2029*, Cần Thơ.
148. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang (2023), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

149. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang (2019), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2019 - 2024*, An Giang.
150. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2024 - 2029*, An Giang.
151. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau (2023), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.
152. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau (2019), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2019 - 2024*, Cà Mau.
153. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2024 - 2029*, Cà Mau.
154. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp (2019), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2019 - 2024*, Đồng Tháp.
155. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2024 - 2029*, Đồng Tháp.
156. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2023), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.
157. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2019), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2019 - 2024*, Vĩnh Long.
158. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2024), *Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2024 - 2029*, Vĩnh Long.
159. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2023), *Báo cáo “Kết quả 20 năm tổ chức thực hiện Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (giai đoạn 2003 - 2023); phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức Ngày hội đến năm 2030”*, Hà Nội.
160. Nguyễn Thị Lương Uyên (2021), *Phương châm “Cầu đồng tồn dị” trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Tạp chí lý luận chính trị, Số 11/2021, tr 48 - 53.

161. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
162. Đinh Vũ (2010), *Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở - động lực phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh*, Tạp chí Cộng sản.
163. Trần Thị Vui (2023), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay* Tạp chí Lịch sử Đảng (11/2023), số 11 (396), tr 28 - 33.
164. Hứa Khánh Vy (2016), *Đảng bộ cơ sở các tỉnh, thành khu vực Tây Nam Bộ với công tác dân vận trong đồng bào Khmer*, Tạp chí Dân vận (số 4/2016).

Tài liệu Internet (Tạp chí điện tử)

165. Lê Hải Bình (2025), *Đại đoàn kết toàn dân tộc - Cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục lý luận 01/2025.
<https://giaoduclyluanhcma.vn/Default.aspx?portalid=33&tabid=19&distid=3584&name=Dai-doan-ket-toan-dan-toc---Coi-nguon-suc-manh,-dong-luc-chu-yeu-cua-cach-mang-Viet-Nam> [Truy cập, 19/7/2025].
166. Bùi Đình Bôn (2022), *Xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Báo Nhân dân 02/2022.
<https://nhandan.vn/xay-dung-cung-co-va-phat-huy-suc-manh-tong-hop-cua-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-post68463> [Truy cập, 18/7/2025].
167. Đỗ Văn Chiến (2025), *Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Cộng sản 02/2025.
https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dai-doan-ket-toan-dan-toc-coi-nguon-cua-y-chi-niem-tin [Truy cập, 18/7/2025].
168. Phạm Hồng Chương (2024), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết dân tộc trong mặt trận Việt Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng 6/2024.

<https://tapchilichsudang.vn/ho-chi-minh-voi-van-de-doan-ket-dan-toc-trong-mat-tran-viet-minh.html> [Truy cập, 19/7/2025].

169. Nguyễn Quang Du (2025), *Đại đoàn kết dân tộc là động lực để phát triển đất nước*, Báo nhân dân 02/2025.
<https://nhandan.vn/dai-doan-ket-dan-toc-la-dong-luc-de-phat-trien-dat-nuoc-post861485.html> [Truy cập, 19/7/2025]
170. Đoàn Trung Dũng (2024), *Các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*, Tạp chí Lý luận Chính trị 10/2024.
https://lyluanchinhtri.vn/cac-tinh-uy-thanh-uy-vung-dong-bang-song-cuu-long-lanh-dao-cong-tac-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-6468.html?utm_source [Truy cập, 19/7/2025].
171. Bùi Đức Dũng (2025), *Phát huy sức mạnh tinh thần đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Cộng sản 5/2025.
https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-suc-manh-tinh-than-dai-doan-ket-dan-toc-de-xay-dung-va-bao-ve-to-quoc-trong-ky-nguyen-moi-6855.html?utm_source [Truy cập, 19/7/2025].
172. Lê Thị Thanh Hà (2024), *Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới*, Tạp chí Cộng sản 02/2024.
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cuu-cac-tac-pham-quan-tro-ng-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-na> [Truy cập, 19/7/2025].
173. Đào Thị Hoàn (2025), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới*, Tạp chí Lý luận Chính trị 02/2025.
https://lyluanchinhtri.vn/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dai-doan-ket-toan-dan-toc-phat-huy-suc-manh-noi-sinh-dua-dat-nuoc-vung-buoc-tien-vao-ky-nguyen-moi-6714.html?utm_source=chatgpt.com [Truy cập, 19/7/2025].

174. Phạm Ngọc Hùng, Dương Thị Hà (2024), Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chế độ chính trị, tạo nền tảng vững chắc để phát triển đất nước nhanh, bền vững, Tạp chí Cộng sản 9/2024.
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-2018/968802/tang-cuong-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc%2C-giu-vung-on-dinh-che-do--chinh-tri%2C-tao-nen-tang-vung-chac-de-phat-trien-dat-nuoc-nhanh%2C-ben-vung.aspx> [Truy cập, 16/7/2025]
175. Tô Lâm (2025), Sức mạnh của đoàn kết, Tạp chí Cộng sản 6/2025.
https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/suc-manh-cua-doan-ket?utm_source=chatgpt.com [Truy cập, 19/7/2025].
176. Nguyễn Thị Tuyết Loan (2025), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long tham gia xây dựng chính quyền cùng cấp hiện nay, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông 7/2025.
<https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/mat-tran-to-quooc-viet-nam-cap-tinh-o-dong-bang-song-cuu-long-tham-gia-xay-dung-chinh-quyen-cung-cap> [Truy cập, 19/7/2025]
177. Trần Nghị (2024), Tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo di nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản 9/2024.
<https://tcnn.vn/news/detail/66662/Tiep-tuc-xay-dung-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-theo-di-nguyen-cua-Chu-tich-Ho-Chi-Minh.html> [Truy cập, 17/7/2025]
178. Đặng Thị Minh Nguyệt (2025), *Đại đoàn kết toàn dân tộc - Giá trị trường tồn và bài học đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay*, Tạp chí Chính trị và phát triển 7/2025.
<https://chinhtrivaphattrien.vn/dai-doan-ket-toan-dan-toc-gia-tri-truong-ton-va-bai-hoc-doi-voi-cong-cuoc-xay-dung-bao-ve-to-quooc-hien-nay-1-a9354.html> [Truy cập, 19/7/2025].
179. Đặng Kim Oanh (2025), *Đại đoàn kết toàn dân tộc một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng 3/2025.

<https://tapchilichsudang.vn/dai-doan-ket-toan-dan-toc-mot-noi-dung-lon-trong-tu-tuong-ho-chi-minh.html> [Truy cập, 19/7/2025].

180. Nguyễn Thanh Sơn (2024), *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Tạp chí Cộng sản 11/2024.
https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/1041502/view_content [Truy cập, 19/7/2025]
181. Mạch Quang Thắng (2024), *Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân 3/2024.
<https://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/phot-huy-truyen-thong-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc-xay-dung-dat-nuoc-giau-manh-pho...> [Truy cập, 19/7/2025]
182. Phạm Tất Thắng (2024), *Vị trí, vai trò, sức mạnh nhân dân, đại đoàn kết toàn dân tộc đối với xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản 12/2024.
https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/vi-tri-vai-tro-suc-manh-nhan-dan-dai-doan-ket-toan-dan-toc- [Truy cập, 19/7/2025].
183. Phạm Viết Thắng (2025), *Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc: Thành tựu và giải pháp*, Tạp chí Quản lý Nhà nước 7/2025.
https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/17/phot-huy-suc-manh-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-thanh-tuu-va-giai-phap/?utm_source [Truy cập, 19/7/2025].
184. Nguyễn Hồng Thật (2024), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII*, Tạp chí Cộng sản 9/2024.
<https://lyluanchinhtri.vn/phot-huy-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc-xay-dung-dat-nuoc-phon-vinh-hanh-phuc-theo-tinh-than-nghi-quyet-trung-uong-8-khoa-xiii-6402.html> [Truy cập, 19/7/2025]

185. Phan Thuận, Phạm Hương Lan (2024), *Giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Lý luận Chính trị 7/2024.
<https://lyluanchinhtri.vn/giai-quyet-cac-van-de-xa-hoi-thuc-day-phat-trien-nhah-ben-vung-vung-dong-bang-song-cuu-long-6241.html> [Truy cập, 19/7/2025].
186. Lê Thị Diễm Trinh (2024), *Vai trò và đặc trưng của đồng bào Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí quản lý Nhà nước 11/2024.
<https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/14/vai-tro-va-dac-trung-cua-dong-bao-khmer-vung-dong-bang-song-cuu-long/> [Truy cập, 19/7/2025].

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Thống kê dân tộc, dân số ở đồng bằng sông Cửu Long

1. Đơn vị hành chính, Diện tích, dân số đồng bằng sông Cửu Long (số liệu sau sắp nhập địa giới hành chính, sau 01/7/2025)

Tỉnh/ thành phố	Tổng xã/ phường	Xã	Phường	Đặc khu	Miền núi	Hải đảo	Diện tích (Km ²)	Dân số (Người)
Thành phố Cần Thơ	103	72	31	-	-	-	6361	4112487
Tỉnh Đồng Tháp	102	82	20	-	-	-	5938,7	4370046
Tỉnh Vĩnh Long	124	105	19	-	-	-	6243,1	4257581
Tỉnh An Giang	102	85	14	3	14	6	9987	4995214
Tỉnh Cà Mau	64	55	9	-	-	2	6310	1988464
Tổng	495	399	93	3	14	8	34.839,8	19,723,792

[Nguồn: Nghị quyết số 202/2025/QH15, 12/6/2025

của Quốc Hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh]

2. Số lượng đơn vị hành chính đồng bằng sông Cửu Long tính đến ngày 31/12/2023

TP	Quận	Thị xã	Huyện	Phường	Thị trấn	Xã
18	5	11	100	224	128	1253

[Nguồn: Niên giám thống kê 2023, tr.42]

3. Diện tích, dân số đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh, thành của vùng tính đến ngày 31/12/2023

Tỉnh/ thành	Diện tích (Km ²)	Diện tích (ha)	Dân số (Nghìn người)	Dân số (Triệu người)
ĐBS Cửu Long	40.921,7	4.092.170	17.463,3	17.46
Long An	4.494,8	449.480	1.743,4	1.74
Tiền Giang	2.556,4	255.640	1.790,7	1.79
Bến Tre	2.379,7	237.970	1.299,3	1.30
Trà Vinh	2.390,8	239.080	1.019,9	1.02
Vĩnh Long	1.512,7	151.270	1.029,6	1.03
Đồng Tháp	3.382,3	338.230	1.600,2	1.60

Tỉnh/ thành	Diện tích (Km ²)	Diện tích (ha)	Dân số (Nghìn người)	Dân số (Triệu người)
An Giang	3.536,8	353.680	1.906,3	1.91
Kiên Giang	6.352,0	635.200	1.755,3	1.76
Cần Thơ	1.440,4	144.040	1.258,9	1.26
Hậu Giang	1.622,2	162.220	728,3	0.73
Sóc Trăng	3.298,2	329.820	1.198,8	1.20
Bạc Liêu	2.667,9	266.790	925,2	0.93
Cà Mau	5.274,5	527.450	1.207,4	1.21

[Nguồn: Niên giám thống kê 2023, tr.104]

4. Dân số các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, Mường ở đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh trong vùng tính đến ngày 31/12/2023

Đơn vị: Người

Tỉnh/ thành	Tổng	Kinh	Hoa	Khmer	Chăm	Mường	Chú thích
ĐBSCL	17.273.630	15.963.218	149.449	1.141.241	13.170		B2, 57,58
Long An	1.688.547	1.672.776	3.801	9.980	379		B2, tr 178,179
Tiền Giang	1.764.185	1.760.195	1.269	2.310	114		B2, tr 181,182
Bến tre	1.288.463	1.284.628	2.495	1.001	77		B2, tr 183,184
Trà Vinh	1.009.168	683.803	6.632	318.231	129		B2, tr 186,187
Vĩnh Long	1.022.719	996.195	3.627	22.630	121		B2, tr 188,189
Đồng Tháp	1.599.504	1.597.340	971	713	98	217	B2, tr 190,191
An Giang	1.908.352	1.815.712	5.234	75.878	11.171	106	B2, tr 193,194
Kiên Giang	1.723.067	1.486.460	24.051	211.282	477		B2, tr 195,196
Cần Thơ	1.235.171	1.203.868	10.925	19.683	224		B2, tr 197,198
Hậu Giang	733.017	709.484	4.806	18.467	54		B2, tr 200,201
Sóc Trăng	1.199.653	774.807	62.389	362.029	75		B2, tr 202,203
Bạc Liêu	907.236	817.098	15.865	73.968			B2, tr 205,206
Cà Mau	1.194.476	1.160.852	6.343	26.110	91	198	B2, tr 207,208

[Nguồn: Tổng cục thống kê 2019]

Ghi chú: “B” => Bảng

Phụ lục 2: Thống kê tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long
(Cơ sở thờ tự, sinh hoạt tôn giáo, tính đến ngày 31/12/2024)

Tỉnh/ thành	Phật giáo	Công giáo	Tin lành	Cao đài	P. Giáo Hòa hảo	Hồi giáo	Tôn giáo khác	Tổng
Long An	302	34	14	140	5	1	11	507
Cần Thơ	153	75	10	26	7		10	281
Sóc Trăng	211	53	7	28	1	0	21	321
Vĩnh Long	207	65	12	46	1	0	23	354
Kiên Giang	200	102	13	54	0	0	23	392
Trà Vinh	245	43	2	45	0	1	18	354
Bến Tre	242	84	12	110	2	0	15	465
Bạc Liêu	118	19	3	27	1	0	21	189
Cà Mau	46	19	8	34	1	0	22	130
An Giang	304	53	5	43	10	28	220	663
Tiền Giang	399	51	10	96	0	1	25	582
Đồng Tháp	232	38	10	52	22		3	357
Hậu Giang	82	28	4	18	1	0	22	155
Tổng	2.741	664	110	719	51	31	434	4.750

[Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ]

Phụ lục 3: Bản đồ hành chính đồng bằng sông Cửu Long
(Trước 01/7/2025)



[Nguồn: Internet]

Phụ lục 4: Phiếu điều tra

Nhằm mục đích khảo sát để đánh giá hiện trạng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh và đề xuất các giải pháp mang lại hiệu quả cao, thiết thực trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới. Xin ông/ bà vui lòng trả lời các câu hỏi bên dưới. Câu trả lời của ông/ bà sẽ góp phần quan trọng vào sự thành công của đề tài tác giả nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn quý ông/ bà đã nhận lời tham gia trong cuộc khảo sát của chúng tôi. Tác giả cam kết câu trả lời của quý ông/ bà sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Cảm ơn sự hợp tác của quý ông/ bà.

A. THÔNG TIN CHUNG

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Độ tuổi: Dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 đến 45 tuổi ☐ Từ 45 đến 60 tuổi ☐

Dân tộc: Tôn giáo:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân: ☐ Thạc sĩ: ☐ Tiến sĩ: ☐
P. Giáo sư: ☐ Giáo sư: ☐

Trình độ LL chính trị: Sơ cấp: ☐ Trung cấp: ☐ Cao cấp: ☐

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc/ công tác:

Thường trú:

Thành phần gia đình: Nghèo: ☐ Cận nghèo: ☐
thuộc diện: Khó khăn: ☐ Khá: ☐

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

I. Thông tin chung về địa phương (Dành cho lãnh đạo chủ chốt)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Tỷ lệ hộ nghèo		
2. Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số		
3. Tỷ lệ dân số biết chữ trong độ tuổi đi học		

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
4. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới		
5. Tỷ lệ mù chữ		
6. Tỷ lệ hộ gia đình có điện và nước sạch		
7. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố		
8. Tỷ lệ hộ dân được thụ hưởng, tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe		

II. Các vấn đề liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc:

❖ Vấn đề thực hiện Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương

Câu 1. Ông/ bà hãy cho biết địa phương đã phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với người dân bằng cách nào? *(có thể chọn nhiều phương án)*

1. Qua loa truyền thanh ☐
2. Qua báo chí ☐
3. Qua tập huấn ☐
4. Qua cán bộ tuyên truyền ☐
5. Qua người có uy tín ☐

Câu 2. Theo ông/ bà các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể ở địa phương đã cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch hành động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số như thế nào? *(chọn một phương án)*

1. Các chương trình, kế hoạch hành động rất thiết thực, đúng đắn, phù hợp và hiệu quả cao. ☐
2. Một số chương trình, kế hoạch hành động còn chung chung, hiệu quả chưa cao, chưa thật sự phù hợp với đời sống nhân dân. ☐
3. Một số chương trình, kế hoạch còn dàn trải, hiệu quả thấp. ☐
4. Các chương trình, kế hoạch hành động thiếu tính thực tế, chưa đạt hiệu quả. ☐

5. Một số chương trình, kế hoạch hành động còn gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước ☐

Ý kiến khác:
.....

Câu 3. Theo ông/ bà đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về chăm lo cho đời sống nhân dân tại địa phương hiện nay? (*chọn một phương án*)

- 1. Rất hiệu quả ☐
- 2. Hiệu quả ☐
- 3. Trung bình ☐
- 4. Hiệu quả thấp ☐
- 5. Không hiệu quả ☐

Câu 4. Theo ông/ bà tính phù hợp của các chính sách dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay như thế nào? (*chọn một phương án*)

- 1. Rất phù hợp ☐
- 2. Phù hợp ☐
- 3. Bình thường ☐
- 4. Ít phù hợp ☐
- 5. Không phù hợp ☐

❖ Vấn đề thụ hưởng về chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương

Câu 5. Ông/ bà hãy cho biết hình thức hỗ trợ từ thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương hiện nay? (*có thể chọn nhiều phương án*)

- 1. Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng như điện, đường, trường, trạm phục vụ nhân dân. ☐
- 2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế, tạo điều kiện cho nhân dân chăm sóc sức khỏe miễn phí. ☐
- 3. Miễn giảm học học phí cho con em thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo. ☐
- 4. Hỗ trợ tìm việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho nhân dân. ☐
- 5. Xây nhà tình thương, tình nghĩa, giúp nhân dân ổn định chỗ ở. ☐
- 6. Cung cấp các dịch vụ tín dụng, ưu đãi. ☐
- 7. Hình thức khác (ghi rõ):
.....

Câu 6. Ông/ bà hay cho biết hiện nay, đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương được tạo cơ hội, điều kiện phát triển về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội như thế nào? *(có thể chọn nhiều phương án)*

1. Được tạo cơ hội, điều kiện tốt để phát triển về mọi mặt ☐
2. Được quan tâm, chăm lo, đãi ngộ về mọi mặt để phát triển bền vững ☐
3. Tăng cường các mối quan hệ với đồng bào người Kinh và các dân tộc khác để thắt chặt tình cảm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. ☐
4. Đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận trực tiếp từ các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư của Nhà nước và địa phương. ☐

Câu 7. Theo ông/ bà sự phát triển giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trên các lĩnh vực có sự chênh lệch như thế nào? *(chọn một phương án)*

1. Lớn, xu hướng ngày càng tăng. ☐
2. Trung bình, không có gì thay đổi. ☐
3. Nhỏ, khoảng cách thu hẹp dần. ☐

Câu 8. Ông/ bà hãy đánh giá về mức độ chất lượng một số mặt sau đây đối với đồng bào dân tộc thiểu số? *(mỗi nội dung chọn một mức độ)*

Nội dung	Mức độ				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Rất không tốt
1. Được đảm bảo về ăn, mặc, ở, vui chơi, giải trí.	☐	☐	☐	☐	☐
2. Được đảm bảo về chăm sóc sức khỏe.	☐	☐	☐	☐	☐
3. Được tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước.	☐	☐	☐	☐	☐
4. Được đóng góp ý kiến, thảo luận, xây dựng chính sách, pháp luật.	☐	☐	☐	☐	☐
5. Được trợ giúp pháp lý để đảm bảo thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của công dân.	☐	☐	☐	☐	☐
6. Được tham gia vào đời sống văn hóa cộng đồng.	☐	☐	☐	☐	☐

Nội dung	Mức độ				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Rất không tốt
7. Được giữ gìn tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc mình.	☐	☐	☐	☐	☐
8. Được cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan tới bản thân.	☐	☐	☐	☐	☐
9. Được bình đẳng, không bị phân biệt, đối xử về mọi mặt trên tất cả các lĩnh vực.	☐	☐	☐	☐	☐
10. Được trợ giúp về kinh tế khi gặp rủi ro, thiên tai.	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 9. Ông/ bà hãy đánh giá về mức độ hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (mỗi nội dung chọn một mức độ)

Nội dung	Mức độ				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Rất không tốt
1. Đảng ủy	☐	☐	☐	☐	☐
2. Chi bộ	☐	☐	☐	☐	☐
3. Hội đồng nhân dân	☐	☐	☐	☐	☐
4. Ủy ban nhân dân	☐	☐	☐	☐	☐
5. Hội nông dân	☐	☐	☐	☐	☐
6. Hội phụ nữ	☐	☐	☐	☐	☐
7. Đoàn thanh niên	☐	☐	☐	☐	☐
8. Hội Cựu chiến binh	☐	☐	☐	☐	☐
9. Mặt trận tổ quốc	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 10. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay?

Nội dung	Mức độ				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Rất không tốt
1. Trình độ được đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc từ thực tiễn.	☐	☐	☐	☐	☐
2. Sự gần gũi, hiểu và phản ánh được nhu cầu của người dân.	☐	☐	☐	☐	☐
3. Phẩm chất, đạo đức trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	☐	☐	☐	☐	☐
4. Bản lĩnh, tư duy độc lập, sáng tạo, sâu sát trong hoạt động, được nhân dân tín nhiệm.	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 11. Theo anh/ chị hộ nghèo tại địa phương thường có những đặc điểm gì? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Người nghèo thường là người dân tộc thiểu số. ☐
2. Người nghèo thường sống ở vùng sâu, vùng xa. ☐
3. Hộ nghèo thường có nhiều người. ☐
4. Hộ nghèo thường sinh sống bằng nghề làm thuê. ☐
5. Hộ nghèo thường không có hoặc có ít diện tích đất nông nghiệp để sản xuất. ☐
6. Các thành viên trong gia đình thường có trình độ học vấn thấp. ☐
7. Đời sống vật chất và tinh thần (vui chơi, giải trí) thiếu thốn. ☐
8. Cư trú xa trung tâm thị trấn, xã, phường, các trung tâm đô thị ☐
9. Một số ít hộ nghèo thường mắc các tệ nạn xã hội (cờ bạc, số đề, rượu bia). ☐

Câu 12. Theo anh/ chị nguyên nhân chủ yếu dẫn tới các hộ gia đình ở địa phương còn nghèo? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Thiếu động lực phấn đấu, ỷ lại, lao động tạo ra thu nhập thấp. ☐

2. Trình độ dân trí thấp. ☐
3. Phong tục, tập quán, phương thức sản xuất, lối sống còn lạc hậu. ☐
4. Chưa thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, sinh con đông. ☐
5. Chất lượng cuộc sống thấp, vấn đề chăm sóc sức khỏe chưa được đảm bảo. ☐
6. Nguồn ngân sách, nguồn vật lực hỗ trợ cho người nghèo còn hạn chế. ☐

Câu 13. Theo anh/ chị hiệu quả của công tác giảm nghèo, làm giàu tại địa phương như thế nào? (*chọn một phương án*)

- | | |
|----------------|--------------------------|
| Rất hiệu quả | ☐ |
| Hiệu quả | ☐ |
| Trung bình | ☐ |
| Hiệu quả thấp | ☐ |
| Không hiệu quả | ☐ |

Câu 14. Theo anh/ chị vấn đề giảm nghèo, làm giàu ảnh hưởng đến công tác xây dựng khối đại đoàn kết như thế nào? (*chọn một phương án*)

- | | |
|--------------------|--------------------------|
| 1. Rất ảnh hưởng | ☐ |
| 2. Ảnh hưởng | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ |
| 4. Ít ảnh hưởng | ☐ |
| 5. Không ảnh hưởng | ☐ |

❖ Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Câu 15. Theo anh/ chị công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương hiện nay có vai trò thế nào? (*chọn một phương án*)

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Rất cần thiết | ☐ |
| 2. Cần thiết | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ |
| 4. Không cần thiết | ☐ |
| 5. Rất không cần thiết | ☐ |

Câu 16. Anh/ chị hãy cho biết kết quả tổ chức “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” được tổ chức hàng năm ở các địa phương ra sao? (*chọn một phương án*)

1. Rất hiệu quả ☐
2. Hiệu quả ☐
3. Bình thường ☐
4. Hiệu quả thấp ☐
5. Không hiệu quả ☐

Câu 17. Anh/ chị hay chọn mức độ thực hiện phù hợp trong triển khai, tổ chức, thực hiện, vận dụng tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Nội dung	Mức độ				
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Trung bình	Rất ít	Không có
1. Công tác triển khai học tập, vận dụng tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các địa phương.	☐	☐	☐	☐	☐
2. Đảng bộ địa phương tổ chức, thực hiện giáo dục, tuyên truyền tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.	☐	☐	☐	☐	☐
3. Các hoạt động, phong trào tìm hiểu tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được tổ chức tại địa phương.	☐	☐	☐	☐	☐
4. Các hoạt động, hội thi góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng;	☐	☐	☐	☐	☐

Nội dung	Mức độ				
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Trung bình	Rất ít	Không có
củng cố, tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.					
5. Các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam xảy ra ở địa phương.	☐	☐	☐	☐	☐
6. Các biểu hiện phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, gây chia rẽ, mất đoàn kết xảy ra ở địa phương.	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 18: Anh/ chị hãy cho biết những hoạt động tiêu biểu góp phần quan trọng vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được thực hiện ở địa phương?

1. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng như điện, nước sạch, cầu, đường, trường, trạm, nhà sinh hoạt cộng đồng, ... ☐
2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào các dân tộc có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh có điều kiện chăm sóc khỏe tốt hơn. ☐
3. Miễn giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, ... ☐
4. Thực hiện các chính sách cho vay vốn, lãi suất thấp để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, hướng đến mục tiêu thoát nghèo, vươn lên làm giàu. ☐
5. Quan tâm, thăm hỏi, tặng quà chúc mừng cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhân dịp Tết cổ truyền, các lễ hội lớn trong năm. ☐
6. Kịp thời quan tâm, thăm hỏi, hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ các hộ gia đình đồng các dân tộc khi gặp sự cố hoặc khó khăn đột xuất. ☐

7. Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, tư vấn, giải quyết nhanh các thủ tục hành chính để đồng bào các dân tộc an tâm, lao động, sản xuất. ☐

8. Các hoạt động khác (nếu có):

.....

Câu 19. Theo anh/ chị đâu là những vấn đề đặt ra hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương?

1. Nâng cao nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách bình đẳng dân tộc của Đảng, Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, nhân dân ☐
2. Đổi mới, rà soát và cụ thể hoá hệ thống chính sách, chương trình, kế hoạch đối với từng địa phương ☐
3. Những chính sách ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số cần có trọng tâm, trọng điểm bảo đảm tính thực thi trên thực tế ☐
4. Hoạch định và thực hiện tốt chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cơ sở nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. ☐
5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

Câu 20: Theo anh/ chị để xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương mang lại hiệu quả cao cần chú trọng đến những vấn đề nào?

1. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào các dân tộc thiểu số. ☐
2. Bổ sung và thực hiện hệ thống chính sách bình đẳng dân tộc thiết thực và hiệu quả ☐
3. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp cả về số lượng và chất lượng ☐
4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Nhà nước, các cơ quan chức năng khi thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ☐
5. Hướng dẫn, động viên các dân tộc thiểu số khắc phục khó khăn tự vươn lên ☐
6. Phát huy sự giúp đỡ của đồng bào dân tộc Kinh với đồng bào dân tộc thiểu số. ☐
7. Tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của kẻ thù. ☐

Câu 21: Anh/ chị có đề xuất gì để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương?

.....

.....

.....

.....

-----Hết -----

Phụ lục 6: Tổng hợp kết quả điều tra về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long

1. Mô tả quá trình điều tra và xử lý kết quả

Mục đích điều tra: Nhằm có thêm cứ liệu khoa học để phân tích, làm rõ thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đối tượng điều tra: nhóm thứ nhất, bao gồm cán bộ công chức, viên chức công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội; nhóm thứ hai, bao gồm đại diện hộ dân, công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên.

Địa điểm điều tra (trước 01/7/2025): Thực hiện ở 7/13 tỉnh, thành của đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ. Đây là những tỉnh có đặt thù về dân tộc, tôn giáo, một số tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long có vị trí địa lý tiếp giáp biên và biên giới Campuchia.

Nội dung điều tra: các vấn đề thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về các chính sách dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương; về thụ hưởng của người dân từ chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương; về đói nghèo, xóa đói giảm nghèo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn mẫu: Chia làm 2 nhóm, nhóm thứ nhất, mỗi tỉnh điều tra 60 phiếu, trong đó mỗi cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội điều tra 10 phiếu, tổng 8 tỉnh là 480 phiếu. Nhóm thứ hai, mỗi tỉnh điều tra 80 phiếu, trong đó đại diện hộ dân, công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên mỗi thành phần điều tra 20 phiếu, tổng 8 tỉnh là 640 phiếu. Tổng phiếu khảo sát 2 nhóm là 1.120

Thời gian điều tra: tháng 04/2024 đến tháng 10/2024.

Hình thức điều tra: sử dụng phiếu điều tra bản giấy phát trực tiếp đến đối tượng điều tra và kết hợp phiếu điện tử xây dựng trên google forms, nội dung điều tra của 2 loại phiếu là giống nhau.

Xử lý kết quả: Kết quả được nhập liệu và xử lý trên phần mềm Excel.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

❖ Vấn đề thực hiện Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương

1. Phương tiện địa phương đã phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với người dân. **(Bảng 1)**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Qua kênh truyền, loa truyền thanh	1107/1120	98,84
Qua báo chí	106/1120	63,04
Qua tập huấn	732/1120	65,36
Qua cán bộ tuyên truyền	985/1120	85,54
Qua người có uy tín	151/1120	13,48.

2. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể ở địa phương đã cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch hành động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số. **(Bảng 2)**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Các chương trình, kế hoạch hành động rất thiết thực, đúng đắn, phù hợp và hiệu quả cao.	701/1120	62,59
Một số chương trình, kế hoạch hành động còn chung chung, hiệu quả chưa cao, chưa thật sự phù hợp với đời sống nhân dân.	132/1120	11,79
Một số chương trình, kế hoạch còn dàn trải, hiệu quả thấp.	86/1120	7,68
Các chương trình, kế hoạch hành động thiếu tính thực tế, chưa đạt hiệu quả.	97/1120	8,66
Một số chương trình, kế hoạch hành động còn gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước	104/1120	9,29

3. Đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về chăm lo cho đời sống nhân dân. **(Bảng 3)**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất hiệu quả	85/1120	7,59
Hiệu quả	877/1120	78,30

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	46/1120	4,11
Hiệu quả thấp	112/1120	10
Không hiệu quả	0	0

4. Tính phù hợp của các chính sách dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

(Bảng 4)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất phù hợp	84/1120	7,5
Phù hợp	1002/1120	89,46
Bình thường	34/1120	3,04
Ít phù hợp	0	0
Không phù hợp	0	0

❖ **Vấn đề thụ hưởng về chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương**

5. Hình thức hỗ trợ từ thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương hiện nay.

(Bảng 5)

Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ %
Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng như điện, đường, trường, trạm phục vụ nhân dân.	1102/1120	98,39
Cấp thẻ bảo hiểm y tế, tạo điều kiện cho nhân dân chăm sóc sức khỏe miễn phí.	971/1120	86,70
Miễn giảm học học phí cho con em thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo.	1116/1120	99,64
Hỗ trợ tìm việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho nhân dân.	446/1120	39,82
Xây nhà tình thương, tình nghĩa, giúp nhân dân ổn định chỗ ở.	372/1120	33,21
Cung cấp các dịch vụ tín dụng, ưu đãi.	416/1120	37,14

6. Đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương được tạo cơ hội, điều kiện phát triển.

(Bảng 6)

Điều kiện phát triển	Số lượng	Tỷ lệ %
Được tạo cơ hội, điều kiện tốt để phát triển về mọi mặt	788/1120	70,36
Được quan tâm, chăm lo, đãi ngộ về mọi mặt để phát triển bền vững	812/1120	72,5
Tăng cường các mối quan hệ với đồng bào người Kinh và các dân tộc khác để thắt chặt tình cảm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.	931/1120	83,13
Đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận trực tiếp từ các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư của Nhà nước và địa phương.	816/1120	72,86

7. Chênh lệch về sự phát triển giữa các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trên các lĩnh vực. **(Bảng 7)**

Mức chênh lệch	Số lượng	Tỷ lệ %
Lớn, xu hướng ngày càng tăng.	182/1120	16,25
Trung bình, không có gì thay đổi	317/1120	28,30
Nhỏ, khoảng cách thu hẹp dần.	621/1120	55,45

8. Đánh giá về mức độ chất lượng một số mặt sau đây đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

(Bảng 8)

Mức độ: (1) Rất tốt; (2) Tốt; (3) Trung bình; (4) Không tốt; (5) Rất không tốt.

Tổng số phiếu điều tra: 1120

Nội dung	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Được đảm bảo về ăn, mặc, ở, vui chơi, giải trí.	92	8,21	412	36,79	512	45,71	93	8,30	11	0,98
Được đảm bảo về chăm sóc sức khỏe.	77	6,86	811	72,41	214	19,11	9	0,80	9	52,94

Nội dung	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Được tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước.	69	6,16	76	6,79	796	71,07	162	14,46	17	36,17
Được đóng góp ý kiến, thảo luận, xây dựng chính sách, pháp luật.	6	0,54	17	1,52	630	56,25	420	37,50	47	52,22
Được trợ giúp pháp lý để đảm bảo thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của công dân.	79	7,05	631	56,34	203	18,13	117	10,45	90	8,04
Được tham gia vào đời sống văn hóa cộng đồng.	118	10,54	141	12,59	780	69,64	77	6,88	4	0,36
Được giữ gìn tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc mình.	335	29,91	783	69,91	2	0,18	0	0	0	0
Được cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan tới bản thân.	119	10,63	143	12,77	852	76,07	6	0,54	0	0
Được bình đẳng, không bị phân biệt, đối xử về mọi mặt trên tất cả các lĩnh vực.	33	2,95	933	83,30	108	9,64	44	3,93	2	0,18
Được trợ giúp về kinh tế khi gặp rủi ro, thiên tai.	46	4,11	757	67,59	210	18,75	45	4,02	62	5,54

9. Đánh giá về mức độ hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. **(Bảng 9)**

Mức độ: (1) Rất tốt; (2) Tốt; (3) Trung bình; (4) Không tốt; (5) Rất không tốt.

Tổng số phiếu điều tra: 1120

Tổ chức	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Đảng ủy	979	87.41	107	9.55	34	3.04	0	0	0	0
Chi bộ	756	67.5	241	21.52	112	10	11	0.98	0	0
Hội đồng nhân dân	755	67.41	222	19.82	128	11.43	15	1.34	0	0
Ủy ban nhân dân	1006	89.82	57	5.09	55	4.91	2	0.18	0	0
Hội nông dân	21	1.86	357	31.88	351	31.34	363	32.41	28	2.5
Hội phụ nữ	64	5.71	352	31.43	412	36.79	253	22.59	39	3.48
Đoàn thanh niên	209	18.66	779	69.55	132	11.79	0	0	0	0
Hội Cựu chiến binh	66	5.89	236	21.07	578	51.61	134	11.96	106	9.46
Mặt trận tổ quốc	317	28.3	781	69.73	22	1.96	0	0	0	0

10. Đánh giá mức độ năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? **(Bảng 10)**

Mức độ: (1) Rất tốt; (2) Tốt; (3) Trung bình; (4) Không tốt; (5) Rất không tốt.

Tổng số phiếu điều tra: 1120

Tổ chức	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Trình độ được đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc từ thực tiễn.	244	21.78	362	32.32	461	41.16	46	4.11	7	0.63
Sự gần gũi, hiểu và phản ánh được nhu cầu của người dân.	331	29.54	343	30.63	412	36.79	29	2.59	5	0.45

Tổ chức	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Phẩm chất, đạo đức trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	367	32.76	437	39.02	239	21.34	57	5.09	20	1.79
Bản lĩnh, tư duy độc lập, sáng tạo, sâu sát trong hoạt động, được nhân dân tín nhiệm.	321	28.66	447	39.91	212	18.93	102	9.11	38	3.39

11. Hộ nghèo ở địa phương thường có những đặc điểm. **(Bảng 11)**

Đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ
Người nghèo thường là người dân tộc thiểu số.	726/1120	64.82
Người nghèo thường sống ở vùng sâu, vùng xa.	819/1120	73.13
Hộ nghèo thường có nhiều người.	667/1120	59.55
Hộ nghèo thường sinh sống bằng nghề làm thuê.	1102/1120	98.39
Hộ nghèo thường không có hoặc có ít diện tích đất nông nghiệp để sản xuất.	1120/1120	100
Các thành viên trong gia đình thường có trình độ học vấn thấp.	905/1120	80.8
Đời sống vật chất và tinh thần (vui chơi, giải trí) thiếu thốn.	1117/1120	99.73
Cư trú xa trung tâm thị trấn, xã, phường, các trung tâm đô thị	478/1120	42.68
Một số ít hộ nghèo thường mắc các tệ nạn xã hội (cờ bạc, số đề, rượu bia).	567/1120	50.63

12. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới các hộ gia đình ở địa phương còn nghèo. **(Bảng 12)**

Nguyên nhân	Số lượng	Tỉ lệ
Thiếu động lực phấn đấu, ỷ lại, lao động tạo ra thu nhập thấp.	1103/1120	98.48
Trình độ dân trí thấp.	875/1120	78.13
Phong tục, tập quán, phương thức sản xuất, lối sống còn lạc hậu.	977/1120	87.23

Nguyên nhân	Số lượng	Tỉ lệ
Chưa thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, sinh con đông.	763/1120	68.13
Chất lượng cuộc sống thấp, vấn đề chăm sóc sức khỏe chưa được đảm bảo.	457/1120	40.8
Nguồn ngân sách, nguồn vật lực hỗ trợ cho người nghèo còn hạn chế.	905/1120	80.8

13. Mức độ hiệu quả của công tác giảm nghèo, làm giàu ở địa phương như thế nào.

(Bảng 13)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất hiệu quả	106/1120	9,46
Hiệu quả	824/1120	73,57
Trung bình	156/1120	13,93
Hiệu quả thấp	34/1120	3,04
Không hiệu quả	0/1120	0

14. Mức độ giảm nghèo, làm giàu ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất ảnh hưởng	349/1120	31,16
Ảnh hưởng	666/1120	59,46
Bình thường	91/1120	8,13
Ít ảnh hưởng	14/1120	1,25
Không ảnh hưởng	0/1120	0

❖ **Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc**

15. Mức độ cần thiết của công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương hiện nay. **(Bảng 15)**

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất cần thiết	115/1120	10,27
Cần thiết	952/1120	85
Bình thường	53/1120	4,73
Không cần thiết	0/1120	0
Rất không cần thiết	0/1120	0

16. Mức độ hiệu quả tổ chức “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” được tổ chức hàng năm ở các địa phương. **(Bảng 16)**

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất hiệu quả	136/1120	12,14
Hiệu quả	756/1120	67,5
Bình thường	215/1120	19,20
Hiệu quả thấp	7/1120	0,63
Không hiệu quả	6/1120	0,54

17. Việc triển khai, tổ chức, thực hiện, vận dụng tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. **(Bảng 17)**

Mức độ: (1) Rất thường xuyên; (2) Thường xuyên;

(3) Trung bình; (4) Rất ít; (5) Không có

Tổng số phiếu điều tra: 1120

Nội dung	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Công tác triển khai học tập, vận dụng tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các địa phương.	114	10.17	371	33.13	522	46.61	113	10.09	0	0

Nội dung	Mức độ									
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Đảng bộ địa phương tổ chức, thực hiện giáo dục, tuyên truyền tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.	357	31.87	343	30.63	412	36.79	8	0.71	0	0
Các hoạt động, phong trào tìm hiểu tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được tổ chức tại địa phương.	147	13.13	417	37.23	238	21.25	318	28.39	0	0
Các hoạt động, hội thi góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố, tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.	217	19.37	228	20.36	469	41.88	206	18.39	0	0
Nhận diện các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam xảy ra ở địa phương.	111	9.91	299	26.7	570	50.89	127	11.34	13	1.16
Nhận diện các biểu hiện phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, gây chia rẽ, mất đoàn kết xảy ra ở địa phương.	104	9.29	334	29.82	558	49.82	115	10.27	9	0.8

18. Những hoạt động tiêu biểu góp phần quan trọng vào xây dựng khối đại đoàn kết

dân tộc được thực hiện ở địa phương. **(Bảng 18)**

Hoạt động	Số lượng	Tỉ lệ
Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng như điện, nước sạch, cầu, đường, trường, trạm, nhà sinh hoạt cộng đồng,...	878/1120	78.39
Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào các dân tộc có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh có điều kiện chăm sóc khỏe tốt hơn.	924/1120	82.5
Miễn giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.	977/1120	87.23
Thực hiện các chính sách cho vay vốn, lãi suất thấp để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, hướng đến mục tiêu thoát nghèo, vươn lên làm giàu.	316/1120	28.21
Quan tâm, thăm hỏi, tặng quà chúc mừng cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhân dịp Tết cổ truyền, các lễ hội lớn trong năm.	891/1120	79.55
Kịp thời quan tâm, thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình đồng bào các dân tộc khi gặp sự cố hoặc khó khăn đột xuất.	1116/1120	99.64
Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, tư vấn, giải quyết nhanh các thủ tục hành chính để đồng bào các dân tộc an tâm, lao động, sản xuất.	745/1120	66.52
Các hoạt động khác (nếu có): ...	27/1120	2.41

19. Những vấn đề đặt ra hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương. **(Bảng 19)**

Những vấn đề đặt ra	Số lượng	Tỉ lệ
Nâng cao nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách bình đẳng dân tộc của Đảng, Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, nhân dân	944/1120	84.28
Đổi mới, rà soát và cụ thể hoá hệ thống chính sách, chương trình, kế hoạch đối với từng địa phương	642/1120	57.32

Những vấn đề đặt ra	Số lượng	Tỉ lệ
Những chính sách ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số cần có trọng tâm, trọng điểm bảo đảm tính thực thi trên thực tế	941/1120	84.02
Hoạch định và thực hiện tốt chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cơ sở nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số.	1008/1120	90
Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.	852/1120	76.07

20. Những vấn đề cần chú trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở địa phương mang lại hiệu quả cao. **(Bảng 20)**

Những vấn đề đặt ra	Số lượng	Tỉ lệ
Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào các dân tộc thiểu số.	1106/1120	98.75
Bổ sung và thực hiện hệ thống chính sách bình đẳng dân tộc thiết thực và hiệu quả	861/1120	76.88
Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp cả về số lượng và chất lượng	864/1120	77.14
Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Nhà nước, các cơ quan chức năng khi thực hiện các chính sách, chương trình, dự án	789/1120	70.45
Hướng dẫn, động viên các dân tộc thiểu số khắc phục khó khăn tự vươn lên	566/1120	50.54
Phát huy sự giúp đỡ của đồng bào dân tộc Kinh với đồng bào dân tộc thiểu số.	922/1120	82.32
Tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của kẻ thù.	1112/1120	99.29